

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐOÀN THANH HÀ

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY
HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : TÀI CHÍNH, LƯU THÔNG TIỀN TỆ VÀ TÍN DỤNG

Mã Số : 5.02.09

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học

- 1. TS. NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN**
- 2. TS. PHAN MỸ HẠNH**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2003

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả được nêu trong luận án là hoàn toàn trung thực.

Tác giả



Đoàn Thanh Hà

MỤC LỤC



Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục một số cụm từ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các sơ đồ, biểu đồ

MỞ ĐẦU ----- 1

Chương 1:

TỔNG QUAN VỀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH ----- 4

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển cho thuê tài chính ----- 4

1.2. Khái niệm và phân biệt cho thuê tài chính với cho thuê hoạt động -- 8

1.3. Các yếu tố trong một giao dịch cho thuê tài chính ----- 16

1.4. Các loại hình cho thuê tài chính ----- 20

1.5. Kỹ thuật tài trợ cho thuê tài chính ----- 28

1.6. Lợi ích của cho thuê tài chính ----- 35

1.7. Vai trò của cho thuê tài chính trong nền kinh tế hiện đại ----- 42

1.8. Kinh nghiệm về hoạt động cho thuê tài chính ----- 43

Chương 2:

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM ----- 53

2.1. Sự ra đời và phát triển của ngành cho thuê tài chính trong hệ thống tài chính ở Việt Nam trong thời gian qua -----	53
2.2. Thực trạng cho thuê tài chính ở Việt Nam trong thời gian qua-----	72
Chương 3:	
MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM -----	106
3.1. Định hướng phát triển ngành cho thuê -----	106
3.2. Hoàn thiện các văn bản pháp lý tiến tới xây dựng luật cho thuê --	111
3.3. Phát triển các dịch vụ cho thuê -----	113
3.3. Nâng cao năng lực quản trị của công ty cho thuê tài chính -----	122
3.4. Các giải pháp hỗ trợ để phát triển hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam-----	143
KẾT LUẬN -----	159
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ-----	162
TÀI LIỆU THAM KHẢO -----	163
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương	VCBLC
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương	ICBLC
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Nông nghiệp I	ALC I
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Nông nghiệp II	ALC II
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Đầu tư	BIDVLC
Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	VILC
Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam	KVLC
Công ty cho thuê tài chính ANZ V-TRAC	ANZ V-Trac
Công ty cho thuê tài chính Việt Nam	VLC
Cho thuê tài chính	CTTC
Ngân hàng thương mại	NHTM
Tổ chức tín dụng	TCTD
Thương mại quốc doanh	TMQD
Thương mại cổ phần	TMCP

DANH MỤC CÁC BẢNG

	trang
Bảng 1.1: Những tiêu chuẩn cho thuê tài chính của một số quốc gia-----	14
Bảng 1.2: Sự khác biệt giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động ---	15
Bảng 2.1: Tỷ lệ hao mòn hữu hình và vô hình của một số ngành -----	59
Bảng 2.2: Doanh số cho thuê tài chính của các công ty CTTC -----	76
Bảng 2.3: Tổng hợp lỗ – lãi đã hạch toán trong năm của các công ty CTTC-----	78
Bảng 2.4: Tỷ trọng dư nợ cho thuê tài chính so với toàn hệ thống ngân hàng -----	80
Bảng 2.5: Tổng dư nợ cho vay và cho thuê của các tổ chức tín dụng-----	82
Bảng 2.6: Cơ cấu nguồn vốn của các công ty cho thuê tài chính-----	85
Bảng 2.7: Tình hình huy động vốn của công ty cho thuê tài chính -----	85
Bảng 2.8: Tổng hợp thu – chi lũy kế của các công ty CTTC -----	97
Bảng 2.9: Tình hình lỗ trong hoạt động của các công ty CTTC -----	98
Bảng 2.10: Tỷ giá bình quân hàng tháng của ngân hàng ngoại thương --	101
Bảng 3.1: Phát hành trái phiếu của nước ngoài trên thị trường Nhật -----	149
Bảng 3.2: Bảng phân loại thời gian thu hồi vốn -----	156
Bảng 3.3: Tỷ lệ khấu hao theo mô hình ACRS -----	157

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

	trang
Sơ đồ 1.1: Phân loại các giao dịch thuê tài sản -----	13
Sơ đồ 1.2: Mô hình cho thuê tài chính có sự tham gia của hai bên-----	22
Sơ đồ 1.3: Mô hình cho thuê tài chính có sự tham gia của ba bên -----	23
Sơ đồ 1.4: Mô hình cho thuê hợp tác -----	25
Sơ đồ 1.5: Mô hình mua và cho thuê lại-----	26
Sơ đồ 1.6: Quy trình thực hiện cho thuê tài chính -----	32
Biểu đồ 2.1: So sánh trình độ công nghệ của Việt Nam với thế giới-----	58
Biểu đồ 2.2: Trình độ công nghệ theo ngành kinh tế -----	61
Biểu đồ 2.3: Trình độ công nghệ theo loại hình doanh nghiệp -----	62
Biểu đồ 2.4: Tốc độ tăng trưởng của công ty cho thuê tài chính -----	71
Sơ đồ 3.1: Xu hướng giảm giá của một số tài sản cho thuê (động sản) --	135
Biểu đồ 3.1: Biểu đồ cắt giảm lãi suất ở Mỹ từ tháng 3 – 12 năm 2001	142

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, với xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế Việt Nam đang dần hòa nhập vào quỹ đạo của nền kinh tế thế giới là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và là thành viên của tổ chức hợp tác kinh tế châu Á – Thái bình dương (APEC). Gần đây, Hiệp Định thương mại Việt – Mỹ đã được hai Chính phủ thông qua và Trung Quốc với dân số khoảng 1,2 tỷ người đã là thành viên đầy đủ của tổ chức thương mại thế giới (WTO), đây là cơ hội thuận lợi đồng thời cũng là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi tiếp cận thị trường quốc tế cũng như thị trường trong nước.

Trong bối cảnh có nhiều chuyển biến của nền kinh tế thế giới như thế, nền kinh tế Việt Nam lại càng phải hồi hã đương đầu với những thách thức mới và phải tiếp tục vươn lên nữa để hòa nhập vào nền kinh tế trong khu vực cũng như trên thế giới. Cần phải khẳng định rằng: Việt Nam đang thuộc nhóm các nước kém phát triển, nếu so sánh trong khu vực thì Việt Nam đang tụt hậu khá xa. Theo số liệu từ Cục thống kê, thì năm 2002 thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam là 439,5 USD^[43]. Trong khi đó năm 1995, con số thu nhập bình quân đầu người ở các nước trong khu vực ASEAN lần lượt là: Brunei 18.500 USD, Singapore 18.025 USD, Malaysia 3.230 USD, Thailan 2.085 USD, Indonesia 705 USD, Việt Nam 220 USD^[17, tr.227]. Xuất phát từ tình hình hiện nay và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, mà đường lối của Đảng Cộng Sản Việt Nam xác định là

“Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta thành một nước công nghiệp,...”^[1]. Tuy nhiên, để thực hiện được chiến lược này đòi hỏi phải có sự quyết tâm của mỗi cấp mỗi ngành, phát huy nội lực và vận dụng tối đa nguồn ngoại lực mà trong đó chú trọng đến vấn đề vốn, kỹ thuật và quản lý. Để đáp ứng nhu cầu về vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa Việt Nam đã từng bước hoàn thiện dần thị trường tài chính bằng cách đưa nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính mới - hiện đại của Thế Giới vào áp dụng tại Việt Nam. Trong số các sản phẩm dịch vụ tài chính mới – hiện đại được áp dụng vào Việt Nam có loại hình cho thuê tài chính. Mặc dù, hoạt động cho thuê tài chính có những ưu thế và lợi ích to lớn trong việc tài trợ vốn cho doanh nghiệp, nhưng trong thời gian qua do những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan mà hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam chưa thực sự phát triển. Chính vì vậy, bằng sự khát khao đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa tôi chọn đề tài: *“Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam”* làm luận án của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lịch sử hình thành cho thuê tài chính và những kinh nghiệm hoạt động cho thuê tài chính ở một số nước cũng như thực trạng hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam trong thời gian qua, từ đó đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Cho thuê tài chính là hoạt động mới mẻ ở Việt Nam, vả lại đây là đề tài liên quan đến nhiều lĩnh vực như: pháp luật, tín dụng, phân tích tài

chính, toán học, ngoại thương, kế toán, bảo hiểm,... Trong luận án này chúng tôi chỉ đi sâu phân tích nội dung của cho thuê tài chính, sự ra đời và phát triển của ngành cho thuê tài chính trong hệ thống tài chính ở Việt Nam cũng như thực trạng của hoạt động cho thuê tài chính trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận án này chúng tôi đã sử dụng phương pháp tư duy hệ thống để tiếp cận đề tài nghiên cứu. Cụ thể dùng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm nền tảng có sự kết hợp giữa diễn dịch – quy nạp, các phạm trù cái chung và cái riêng để nghiên cứu đề tài.

Để minh họa cho luận án, chúng tôi đã sử dụng kết quả thống kê của một số cuộc điều tra thị trường, số liệu của Ngân hàng Nhà nước, niên giám thống kê, và các tư liệu từ sách, báo, tạp chí, vv....

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án đã khái quát những vấn đề cơ bản về hoạt động cho thuê tài chính trong nền kinh tế thị trường và kinh nghiệm phát triển hoạt động cho thuê tài chính của một số nước. Đồng thời, Luận án đã phân tích những tồn tại trong vận hành cho thuê tài chính ở Việt Nam. Trên cơ sở đó luận án cũng đã đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH

1.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHO THUÊ TÀI CHÍNH

1.1.1. Trên thế giới

Hoạt động cho thuê (leasing) có từ rất lâu đời trong lịch sử. Dù rằng chưa thể xác định được chính xác hoạt động cho thuê đầu tiên xuất hiện khi nào, song theo những tài liệu khảo cổ có được người ta thấy rằng các giao dịch thuê tài sản đã xuất hiện từ năm 2800 trước công nguyên tại thành phố Summerian của người U^[42, 121]. Tài sản cho thuê lúc bấy giờ bao gồm: công cụ lao động nông nghiệp, đất đai, quyền sử dụng nước, súc vật cày, kéo.

Hệ thống pháp luật cổ đại cũng đã có đề cập đến hoạt động cho thuê. Trong số những bộ luật cho thuê thời kỳ này phải kể đến bộ luật của vua Babilon, tên là Hammurabi, soạn thảo vào khoảng năm 1700 trước công nguyên. Đây là công trình được tổng hợp lại dựa trên hai bộ luật về cho thuê của người Summerian và người Achaia cổ đại. Trải qua hàng nghìn năm phát triển, kinh qua nhiều phương thức sản xuất khác nhau, hoạt động cho thuê đã được hoàn thiện về nhiều mặt nhưng nhìn chung vẫn chưa có một sự thay đổi nào về chất. Đầu thế kỷ 19, hoạt động cho thuê đã có sự gia tăng đáng kể về số lượng và chủng loại thiết bị tài sản cho thuê. Sau thế chiến thứ II, tức là đầu thập niên 50 của thế kỷ này, giao dịch cho

thuê đã có những bước nhảy vọt, nhất là tại Hoa Kỳ. Năm 1952^[49, tr 8], khi một công ty tư nhân Hoa Kỳ tên là United States leasing Corporation ra đời và thực hiện hoạt động cho thuê một cách có hệ thống và quy mô thì quá trình phát triển của hoạt động cho thuê mới thực sự chuyển sang bước ngoặt lịch sử - một sự biến đổi về chất. Kể từ đây hoạt động cho thuê được chia làm hai nhánh: thuê hoạt động và thuê tài chính.

Từ khi xuất hiện hình thức thuê tài chính, các hoạt động giao dịch đã có bước phát triển hết sức mạnh mẽ cả về chủng loại tài sản, thiết bị và qui mô giao dịch. Nó đã du nhập sang Châu Âu và phát triển mạnh mẽ vào những thập niên 60, cụ thể là ở Pháp, năm 1960 cho thuê tài chính đã được công nhận trong luật thuê tài sản với tên gọi "Credit Bail", cũng vào năm 1960 hợp đồng cho thuê đầu tiên ở Anh có giá trị 18.000 bảng Anh. Nghiệp vụ cho thuê tài chính tiếp tục được lan rộng sang Châu Á cùng nhiều khu vực khác kể từ đầu thập niên 70. Từ khi xuất hiện hoạt động cho thuê tài chính đã góp phần rất lớn trong việc cung cấp vốn cho nền kinh tế. Theo thống kê gần đây cho thấy hoạt động cho thuê tài chính trên toàn thế giới đạt giá trị giao dịch khoảng 350 tỷ USD vào năm 1994. Hiện nay cho thuê tài chính đã trở thành một hình thức tài trợ phổ biến trên toàn thế giới.

Sự phát triển của sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải và sản xuất nông nghiệp đã cho ra nhiều loại tài sản, máy móc, thiết bị mới, hiện đại, và nhiều trong số những thiết bị này rất phù hợp cho việc thực hiện cho thuê tài sản. Hoạt động cho thuê tài sản ngày càng phát triển và hoàn thiện đã trở thành một công cụ tài trợ vốn được chấp nhận rộng rãi, nhằm

đáp ứng nhu cầu vốn trung hạn, dài hạn cho các doanh nghiệp. Hoạt động cho thuê tài chính ngày càng phát triển và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị giao dịch của hoạt động cho thuê tài sản. Ví như ở Mỹ, năm 1987 ước tính lên đến 107,9 tỷ USD và có tốc độ gia tăng tới 7% mỗi năm và chiếm khoảng 25%-30% tổng số tiền tài trợ cho các giao dịch mua bán thiết bị hàng năm. Còn ở Anh theo công bố mới đây của hiệp hội cho thuê tài sản, tổng giá trị của ngành công nghiệp thuê tài sản đạt 49 tỷ bảng Anh vào năm 1993, trong đó cho thuê tài chính ước tính chiếm khoảng 50%^[49].

Sức mạnh của nghiệp vụ cho thuê tài chính được xuất phát từ sự linh hoạt và khả năng thích ứng với các điều kiện của nền kinh tế thị trường. Điều này làm cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển rất nhanh và nó đã trở thành một hình thức tài trợ vốn rất hữu hiệu và được cộng đồng các doanh nghiệp ưa chuộng. Trong giao dịch cho thuê tài chính ngày nay các công ty cho thuê tài chính có thể cho thuê cả những nhà máy hoàn chỉnh theo phương thức chìa khóa trao tay. Hoạt động cho thuê tài chính bao gồm từ các thiết bị, dụng cụ văn phòng cho tới những tòa nhà lớn, những chiếc máy bay thương mại khổng lồ, những tàu biển xuyên đại dương, thậm chí cả một tổ hợp năng lượng nguyên tử.

1.1.2. Tại Việt Nam

Sự ra đời của ngành cho thuê tài chính đã đáp ứng được phần nào các yêu cầu chưa được thỏa mãn của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới thành lập. Đồng thời sự ra đời của ngành cho thuê tài chính đã góp phần làm đa dạng hóa các kênh

huy động vốn cho các doanh nghiệp thay vì chỉ có một cách truyền thống là dựa vào các ngân hàng. So với các nước Châu Á ngành cho thuê thâm nhập vào Việt Nam có phần muộn hơn. Ngân hàng đi đầu trong lĩnh vực này là ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, năm 1994 ngân hàng này đã chuẩn bị triển khai thực hiện hoạt động cho thuê tài chính^[11, tr. 15]. Tuy nhiên, ngay từ năm 1993, Công ty tài chính quốc tế (IFC) đã tư vấn cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu và soạn thảo quy chế về cho thuê tài chính nhằm đưa công nghệ cho thuê tài chính áp dụng vào Việt Nam. Nhưng mãi đến ngày 27 tháng 5 năm 1995 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mới ban hành thể lệ tín dụng thuê mua (Quyết định 149/QĐ – NH5) và ngày 9/10/1995 Chính phủ đã ban hành Nghị định 64/CP về “Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam,” thông tư số 03/TT-NH5 của Ngân hàng Nhà nước, thông tư số 07/TT-BKH/ĐT của Bộ Kế hoạch đầu tư, thông tư số 61/TT-TCT của tổng cục thuế-Bộ tài chính, và gần đây là Nghị định 16/CP của Chính phủ về hoạt động cho thuê tài chính. Sau một thời gian chuẩn bị được sự đồng ý của ngân hàng Nhà nước Việt Nam công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC) được thành lập với vốn điều lệ 5 triệu USD. Đây là công ty cho thuê tài chính liên doanh quốc tế đầu tiên ở Việt Nam bao gồm Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICBV) góp 19%, cùng với bốn đối tác nước ngoài là Công ty tài chính quốc tế (IFC) 15%, Ngân hàng tín dụng Nhật Bản (NCB) 17%, Công ty cho thuê công nghiệp Hàn Quốc (KILC) 32%, Ngân hàng ngoại thương Pháp (BFCE) 17%. VILC ra đời có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của đất nước nhất là trong giai

đoạn Việt Nam đang trên đường công nghiệp hóa hiện đại hóa phấn đấu đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp phát triển^[1].

Như vậy cả về pháp lý, kinh tế - kỹ thuật, hoạt động cho thuê tài chính đã có những điều kiện tiên đề thuận lợi cho việc phát triển ở Việt Nam. Trên thực tế đã có thời kỳ cả nước có tới 9 công ty cho thuê tài chính.

1.2. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN BIỆT CHO THUÊ TÀI CHÍNH VỚI CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

1.2.1. Khái niệm

Cho thuê (*a lease*) là một thỏa thuận theo đó bên chủ sở hữu tài sản (bên cho thuê - *lessor*) nhượng lại cho một bên khác (bên thuê - *lessee*) quyền sử dụng tài sản đó để nhận được các khoản thanh toán tiền thuê trong một khoảng thời gian xác định. Tài sản cho thuê bao gồm bất động sản và động sản cụ thể là nhà cửa, văn phòng làm việc, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị xây dựng, vv...

Chuẩn mực số 6, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam quy định cho thuê là sự thỏa thuận giữa bên cho thuê và bên thuê tài sản về việc bên cho thuê tài sản chuyển quyền sử dụng cho bên thuê tài sản trong một khoảng thời gian nhất định để được nhận tiền thuê.

Cùng với sự phát triển của lịch sử, hoạt động cho thuê cũng ngày càng phát triển cả về chất và lượng. Ngày nay, hoạt động cho thuê được thế giới công nhận dưới hai hình thức là cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động.

Cho thuê tài chính xuất phát từ thuật ngữ tiếng Anh là *financial lease* hay còn gọi là cho thuê vốn (*capital lease*). Có rất nhiều khái niệm về cho thuê tài chính và được các quốc gia có ngành cho thuê tài chính phát triển quy định ngay trong luật. Tuy nhiên, mỗi một quốc gia lại đưa ra những chuẩn mực riêng để quy định về cho thuê tài chính.

Theo Edward.W.Reed và Edward.K.Gill thì cho thuê tài chính là một hình thức tín dụng trung hạn^[15].

Theo Hiệp hội các công ty cho thuê tài chính Thụy Điển (Association of Finance Companies, Sweden) thì cho thuê tài chính có nghĩa là:

- Bên cho thuê mua tài sản theo yêu cầu của bên thuê.
- Tài sản cho thuê thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê, quyền sử dụng được chuyển giao cho bên thuê trong suốt thời hạn thuê, thường bằng thời gian hữu ích của tài sản.
- Hợp đồng cho thuê tài chính không được hủy ngang.

Theo Hội đồng tiêu chuẩn kế toán tài chính (Financial Accounting Standards Board) của Hoa kỳ thì một giao dịch cho thuê tài chính là một giao dịch phải thỏa mãn ít nhất một trong bốn tiêu chuẩn sau:

- Quyền sở hữu tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên thuê khi hợp đồng chấm dứt.
- Bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê với giá tương trưng ở một thời điểm nào đó hoặc khi hợp đồng chấm dứt.
- Thời hạn thuê phải lớn hơn hoặc bằng 75% thời gian hữu ích của tài sản.

- Hiện giá các khoản tiền thuê tối thiểu là 90% hoặc lớn hơn so với giá trị của tài sản cho thuê.

Theo Nghị định 16/2001/NĐ-CP ban hành ngày 2/5/2001 của Chính phủ Việt Nam, thì cho thuê tài chính được hiểu như sau:

“Cho thuê tài chính là một hoạt động tín dụng trung và dài hạn thông qua việc cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác trên cơ sở hợp đồng cho thuê giữa bên cho thuê với bên thuê. Bên cho thuê cam kết mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và động sản khác theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê đã được hai bên thỏa thuận. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính, ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng”.

Cho thuê hoạt động (Operating lease) là hình thức cho thuê mà bên cho thuê sở hữu tài sản và cho bên thuê thuê tài sản đó với thời hạn ngắn hơn nhiều so với thời gian hữu dụng của tài sản, bên thuê không chịu trách nhiệm về những rủi ro và thiệt hại liên quan đến tài sản nếu không phải lỗi của mình gây ra. Trước khi hết hạn hợp đồng bên thuê có thể hủy hợp đồng trả lại tài sản sau khi thông báo trước cho bên cho thuê một khoảng thời gian như đã thỏa thuận (thường là rất ngắn). Quyền gia hạn hợp đồng và định đoạt tài sản khi kết thúc hợp đồng thuộc về bên cho thuê.

Hay nói cách khác, thuê hoạt động là hình thức thuê mà trong đó tất cả các rủi ro và ưu đãi liên quan tới tài sản thuê đều không được chuyển giao từ bên cho thuê sang bên thuê. Thuê hoạt động có thời hạn ngắn hơn nhiều so với thời gian hữu dụng của tài sản. Tổng số tiền mà bên thuê phải trả cho bên cho thuê nhỏ hơn nhiều so với giá gốc của tài sản.

Từ các khái niệm về cho thuê trên đây chúng ta có thể thấy rằng cho thuê tài chính là một thỏa thuận thuê mà theo đó phần lớn các rủi ro và lợi ích có được từ việc sở hữu tài sản được chuyển từ bên cho thuê sang bên thuê. Thời hạn thuê dài và không thể hủy ngang. Tổng các khoản tiền thuê trong suốt thời gian thuê gần đủ bù đắp chi phí cho tài sản thuê.

Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều trường hợp giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động không có một ranh giới rõ rệt đâu là cho thuê tài chính và đâu là cho thuê hoạt động, cần phải có tiêu chuẩn để xác định giao dịch nào là cho thuê tài chính và giao dịch nào là cho thuê hoạt động. Những tiêu chuẩn này là cơ sở cho việc phân biệt đâu là cho thuê tài chính và đâu là cho thuê hoạt động.

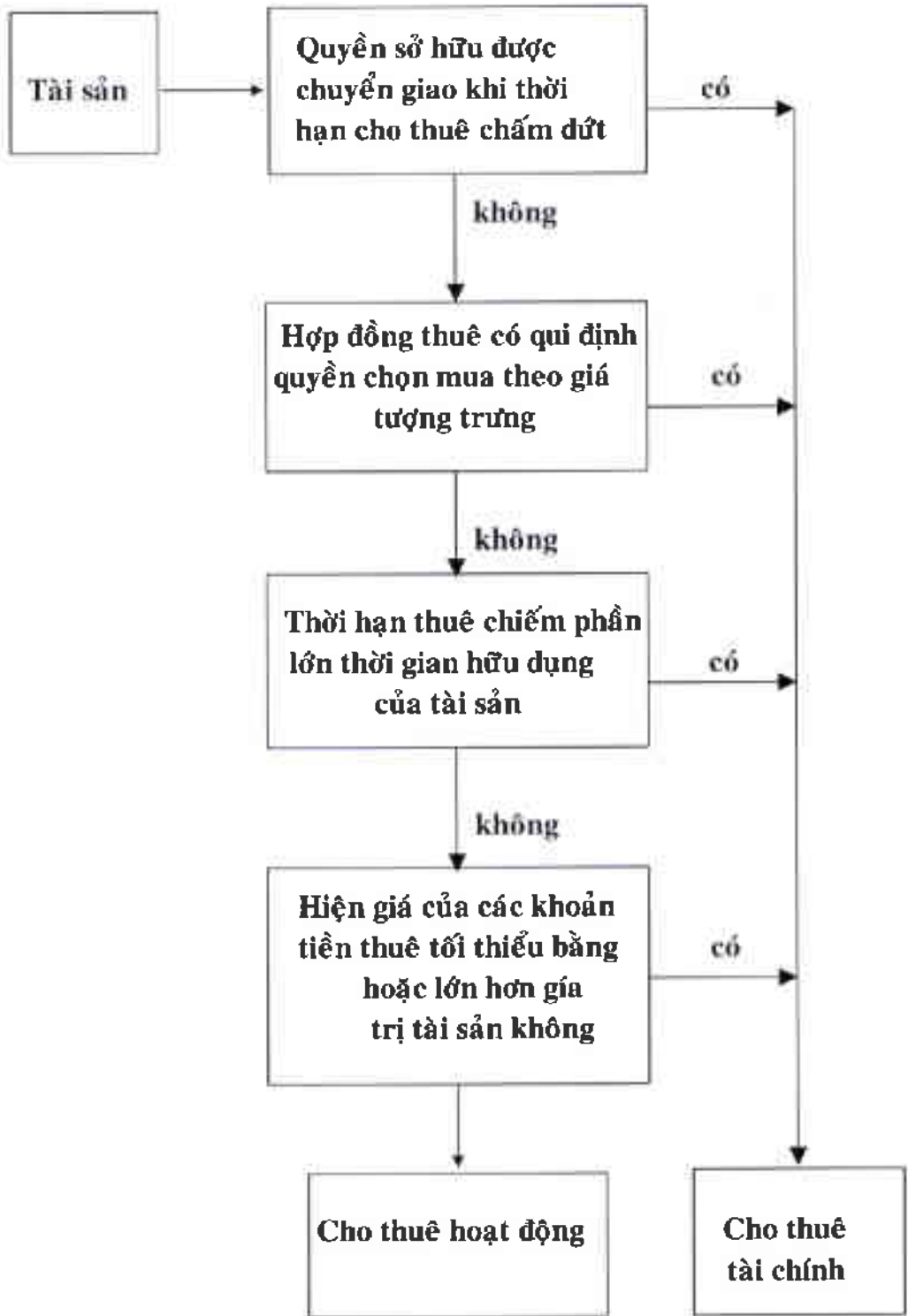
1.2.2. Phân biệt cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động

Việc xác định đâu là cho thuê tài chính và đâu là cho thuê hoạt động là cơ sở cho việc hạch toán và quản lý đối với doanh nghiệp cũng như chính phủ. Do đó, vấn đề được đặt ra cho các nhà quản trị là cần phải có được một sự chuẩn hóa những điểm khác biệt giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động theo những tiêu thức cụ thể.

Hiện nay trên thế giới, các tiêu thức phân biệt thuê tài chính và thuê hoạt động do Ủy ban tiêu chuẩn kế toán quốc tế (International Accounting Standards Committee - IASC) đưa ra được nhiều nước chấp nhận. Theo tổ chức này, bất cứ một giao dịch cho thuê nào thỏa mãn một trong bốn tiêu thức sau đây sẽ được coi là cho thuê tài chính, bằng không sẽ được coi là cho thuê hoạt động. Như vậy, về mặt pháp lý thì không cần định nghĩa cho thuê hoạt động là gì? mà cho thuê hoạt động là tất cả các giao dịch cho thuê không thỏa mãn các tiêu chuẩn của một giao dịch cho thuê tài chính. (Sơ đồ 1.1: phân loại các giao dịch cho thuê tài sản)

- Quyền sở hữu tài sản được chuyển giao trước khi hợp đồng chấm dứt.
- Hợp đồng có qui định quyền chọn mua theo giá tương trưng.
- Thời hạn hợp đồng chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản.
- Hiện giá của các khoản tiền thuê lớn hơn hoặc gần bằng giá trị tài sản.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn phân loại theo IAS 17 của IASC, mỗi quốc gia đều có những qui định cụ thể trong luật cho thuê tài chính của mình dựa trên cơ sở những điều kiện cụ thể của mỗi nước. Những qui định này có những khác biệt nhất định, song về cơ bản chúng không mâu thuẫn với IAS 17 và tùy theo mức độ, những qui định này có thể chi tiết, cụ thể hơn IAS 17. Bảng 1.1 liệt kê tóm tắt những tiêu chuẩn được coi là giao dịch cho thuê tài chính tại một số quốc gia và khu vực.



Sơ đồ 1.1: Phân loại các giao dịch cho thuê tài sản

Bảng 1.1: Những tiêu chuẩn cho thuê tài chính của một số quốc gia

TIÊU THỨC	IAS	HOA KỲ	ANH	NHẬT	HÀN QUỐC	VIỆT NAM
Chuyển giao quyền sở hữu khi kết thúc hợp đồng	Có	Có	Có	Có	Không qui định cụ thể	Có
Quyền chọn mua	Có	Có	Không bắt buộc	Không bắt buộc	Không bắt buộc	Không bắt buộc
Quyền hủy ngang hợp đồng	Không được	Không được	Không được	Không được	Không được	Không được
Thời hạn thuê tính theo thời gian hữu dụng của tài sản	Phần lớn	$\geq 75\%$ tối đa không quá 30 năm	Phần lớn	Tài sản ≤ 10 năm 70%; TS > 10 năm 60%; tối đa 120%	Tài sản ≤ 5 năm 60%; TS > 5 năm 70%	Chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản
Hiện giá các khoản tiền thuê tối thiểu (chiết khấu theo lãi suất đi vay của bên thuê) so với giá trị hợp lý của tài sản	Bằng hoặc lớn hơn	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$		Ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản

Qua phân tích các tiêu thức phân biệt cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động của Ủy ban tiêu chuẩn kế toán Quốc tế và của một số quốc gia thì thông thường có thể khái quát nên một số khác biệt được thể hiện qua bảng 1.2.

Bảng 1.2: Sự khác biệt giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động

TIÊU THỨC	CHO THUÊ TÀI CHÍNH	CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG
1. Quyền hủy ngang hợp đồng	Không được hủy ngang (nếu không bên nào vi phạm hợp đồng)	Được quyền hủy ngang hợp đồng
2. Rủi ro	Bên thuê chịu mọi rủi ro	Bên thuê không chịu nếu không phải do lỗi mình gây ra
3. Cung ứng tài sản	Do bên thuê yêu cầu bên cho thuê mua từ nhà cung cấp theo yêu cầu sử dụng của mình	Do bên cho thuê cung cấp
4. Dự định chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên thuê	Có	Không
5. Thời hạn hợp đồng thuê	Dài, chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản.	Ngắn, chiếm một phần rất nhỏ so với thời gian hữu dụng của tài sản.
6. Mức vốn gốc thu hồi trong một hợp đồng thuê	Gần bằng hoặc bằng giá trị tài sản ban đầu.	Nhỏ hơn nhiều so với giá trị tài sản ban đầu.
7. Chi phí bảo trì, dịch vụ và mua bảo hiểm	Bên thuê chịu	Bên cho thuê chịu
8. Các loại tài sản thường sử dụng trong giao dịch	Bao gồm động sản và bất động sản (tư liệu sản xuất có giá trị lớn như dây chuyền máy móc thiết bị, xe lửa, máy bay, nhà xưởng, vv...)	Các thiết bị văn phòng như máy photocopy, vi tính, xe ô tô, đồ đạc trong nhà hoặc các văn phòng làm việc

1.3. CÁC YẾU TỐ TRONG MỘT GIAO DỊCH CHO THUÊ TÀI CHÍNH

1.3.1. Chủ thể tham gia

Trong một giao dịch cho thuê tài chính luôn có ít nhất hai chủ thể; bên cho thuê và bên thuê, và thường có thêm chủ thể thứ ba là nhà cung cấp. Ngoài ra, khi bên cho thuê không đủ khả năng tài chính để mua tài sản cho thuê thì buộc phải có thêm một chủ thể nữa liên quan đến giao dịch cho thuê đó là nhà cho vay.

1.3.1.1. Bên cho thuê

Là nhà tài trợ vốn cho bên thuê, là người thanh toán toàn bộ giá trị mua tài sản thuê (theo thỏa thuận giữa bên thuê và nhà cung cấp) và là chủ sở hữu tài sản về mặt pháp lý. Trong trường hợp cho thuê tài sản của chính họ, thì bên cho thuê cũng đồng thời là nhà cung cấp.

Thông thường bên cho thuê là các công ty cho thuê tài chính, có quyền mua, nhập khẩu trực tiếp theo yêu cầu của bên thuê. Bên cho thuê có trách nhiệm ký hợp đồng mua tài sản theo yêu cầu của bên thuê và thanh toán tiền mua tài sản với nhà cung cấp và làm các thủ tục mua bảo hiểm đối với tài sản cho thuê. Đồng thời phải bồi thường mọi thiệt hại cho bên thuê, trong trường hợp tài sản thuê không được giao đúng hạn cho bên thuê. Ngoài ra, có quyền yêu cầu bên thuê cung cấp đầy đủ, toàn bộ các báo cáo quý, năm về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề có liên quan đến tài sản thuê và có quyền yêu cầu bên thuê đặt tiền ký quỹ bảo đảm cho hợp đồng cho thuê tài chính.

1.3.1.2. Bên thuê

Là khách hàng thuê tài sản của bên cho thuê hay là người nhận tài trợ tín dụng của bên cho thuê. Bên thuê cũng là bên có quyền sử dụng, hưởng dụng những lợi ích do tài sản mang lại và có trách nhiệm đem trả những khoản tiền thuê theo thỏa thuận. Thông thường bên thuê là các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế có nhu cầu thuê tài sản để sử dụng trong một thời gian nhất định, thực chất là họ có phát sinh nhu cầu đầu tư và muốn được thực hiện dưới hình thức đi thuê. Có quyền lựa chọn, thương lượng và thoả thuận với nhà cung cấp tài sản thuê về đặc tính kỹ thuật, chủng loại và giá cả, vv... được trực tiếp nhận tài sản thuê từ nhà cung cấp. Phải sử dụng tài sản thuê đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng. Phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuê trong thời hạn thuê. Không được chuyển quyền sử dụng tài sản thuê cho bên thứ ba nếu không được bên cho thuê đồng ý trước bằng văn bản. Không được dùng tài sản cho thuê để cầm cố, thế chấp hoặc để đảm bảo cho bất cứ một nghĩa vụ tài chính nào. Bên thuê phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đúng thời hạn được quy định trong hợp đồng và về nguyên tắc phải chịu các khoản chi phí có liên quan đến tài sản. Có nghĩa vụ hoàn trả tài sản thuê cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng thuê.

1.3.1.3. Nhà cung cấp

Là các công ty, các tổ chức kinh tế sản xuất các máy móc thiết bị hoặc là các tổ chức kinh tế xuất khẩu máy móc thiết bị mua từ các công ty sản xuất. Là nhà cung cấp thiết bị, tài sản theo thỏa thuận với bên thuê. Nhận tiền mua tài sản từ bên cho thuê. Hoặc có thể nhận một phần tiền

mua tài sản từ bên cho thuê và phần còn lại từ các nhà cho vay. Có trách nhiệm giao quyền sở hữu tài sản cho bên cho thuê, chuyển giao tài sản cho bên thuê và có thể nhận bảo trì, bảo dưỡng và nhận tiền bảo trì bảo dưỡng của bên thuê.

1.3.1.4. Nhà cho vay

Là nhà cung cấp tín dụng trung, dài hạn cho bên cho thuê trong trường hợp bên cho thuê yêu cầu. Nhận tiền trả nợ vay bằng tiền thuê do bên thuê trả theo yêu cầu của bên cho thuê, và khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản và tiền thuê.

1.3.2. Tài sản thuê

Các loại tài sản, thiết bị thường được sử dụng trong giao dịch cho thuê tài chính rất đa dạng và phát triển không ngừng. Nhưng nhìn chung có thể phân thành hai loại chính:

- **Bất động sản** là các loại tài sản không thể di chuyển vị trí của chúng. Chẳng hạn như nhà cửa, văn phòng làm việc, cửa hàng kinh doanh, nhà máy, phân xưởng sản xuất, hầm mỏ, vv...

- **Động sản** là các loại tài sản có thể di chuyển vị trí của chúng, chủng loại và giá trị của các loại tài sản này cũng rất đa dạng. Chẳng hạn như các dụng cụ, trang thiết bị máy móc, vật dụng văn phòng, các phương tiện vận chuyển tàu thủy, máy bay, xe lửa, vv...

Như vậy tài sản cho thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị, các động sản khác đạt tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến có thời gian sử dụng hữu ích trên một năm và cả bất động sản.

1.3.3. Tiền thuê

Là những khoản tiền mà bên thuê có trách nhiệm phải trả cho bên cho thuê để được quyền sử dụng tài sản thuê. Những khoản tiền này được trả định kỳ trong thời hạn hợp đồng. Định kỳ cũng có thể là định kỳ đều đặn hoặc định kỳ thời vụ. Số tiền thuê của từng định kỳ và thời điểm của định kỳ thanh toán do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

1.3.4. Thời hạn thuê

Trong hợp đồng cho thuê tài chính, bên cho thuê và bên thuê có thể thỏa thuận với nhau về thời hạn thuê. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố đặc thù của loại hình tài trợ này mà có nhiều trở ngại để đi đến việc thỏa thuận một khoảng thời gian thuê chính xác. Do vậy trong một giao dịch cho thuê tài chính thời hạn thuê thường được chia làm hai phần:

1.3.4.1. Thời hạn thuê cơ bản (*Basic lease period*)

Là thời hạn mà bên thuê trả những khoản tiền thuê cho bên cho thuê để được quyền sử dụng tài sản. Trong suốt giai đoạn này, bên cho thuê thường kỳ vọng thu hồi đủ số tiền đã bỏ ra ban đầu để tài trợ và cộng với số tiền lãi trên số vốn đã tài trợ. Đây là thời gian mà tất cả các bên không được quyền hủy ngang hợp đồng (nếu không bên nào vi phạm hợp đồng).

1.3.4.2. Thời hạn gia hạn tùy chọn (*Optional renewal period*)

Trong giai đoạn thứ hai này, bên thuê có quyền tiếp tục thuê tài sản hoặc mua lại tài sản thuê với giá danh nghĩa thấp hơn giá thị trường của tài sản tại thời điểm mua, hoặc trả lại cho bên cho thuê theo ý muốn. Nếu bên thuê, thuê tiếp thì các khoản tiền thuê phải trả trong giai đoạn này thường

rất thấp so với các khoản tiền thuê trong thời hạn thuê cơ bản; thường chiếm tỷ lệ khoảng 1%-2% tổng số vốn đầu tư ban đầu và thường trả trước vào đầu mỗi kỳ thanh toán.

Khi nói đến thời hạn thuê hay thời hạn hợp đồng thì ta thường hiểu rằng đó chính là khoảng thời gian của thời hạn thuê cơ bản.

1.4. CÁC LOẠI HÌNH CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Trên thực tế có rất nhiều căn cứ để phân loại cho thuê tài chính. Chẳng hạn như căn cứ vào tính chất của giao dịch cho thuê, tài sản thuê, lãi suất quy định trong cho thuê, mục đích sử dụng tài sản thuê, tổng giá trị các khoản tiền thuê trong thời hạn cơ bản hay căn cứ vào tính chất của mỗi giao dịch cho thuê để phân loại. Tùy theo từng tiêu thức phân loại, mà có thể phân chia cho thuê tài chính thành nhiều loại khác nhau. Dưới đây là một số loại hình cho thuê tài chính đang được các nước áp dụng.

1.4.1. Phân loại theo tổng số tiền thuê trong thời hạn cơ bản

Nếu căn cứ vào số tiền thuê nhận được trong thời hạn cơ bản của hợp đồng thuê có thể phân chia các giao dịch cho thuê thành hai loại:

1.4.1.1. Cho thuê hoàn trả toàn bộ (Full-payout lease)

Đối với loại hình này, tổng số tiền thuê mà bên cho thuê nhận được trong thời hạn cơ bản của hợp đồng đủ bù đắp toàn bộ các chi phí mua sắm tài sản, lãi suất vốn tài trợ, các chi phí quản lý, hao mòn vô hình và đủ đem lại lợi nhuận hợp lý cho bên cho thuê.

1.4.1.2. Cho thuê hoàn trả từng phần (Non-full payout lease)

Đối với loại hình này, thì sau khi kết thúc thời hạn cơ bản của hợp đồng, tổng số tiền trả gốc nhận được từ hợp đồng này không hoàn đủ chi phí ban đầu đã bỏ ra để mua sắm tài sản. Vì vậy, để thu hồi vốn và có lợi nhuận, bên cho thuê tiếp tục cho thuê tiếp.

1.4.2. Phân loại dựa trên các chủ thể tham gia

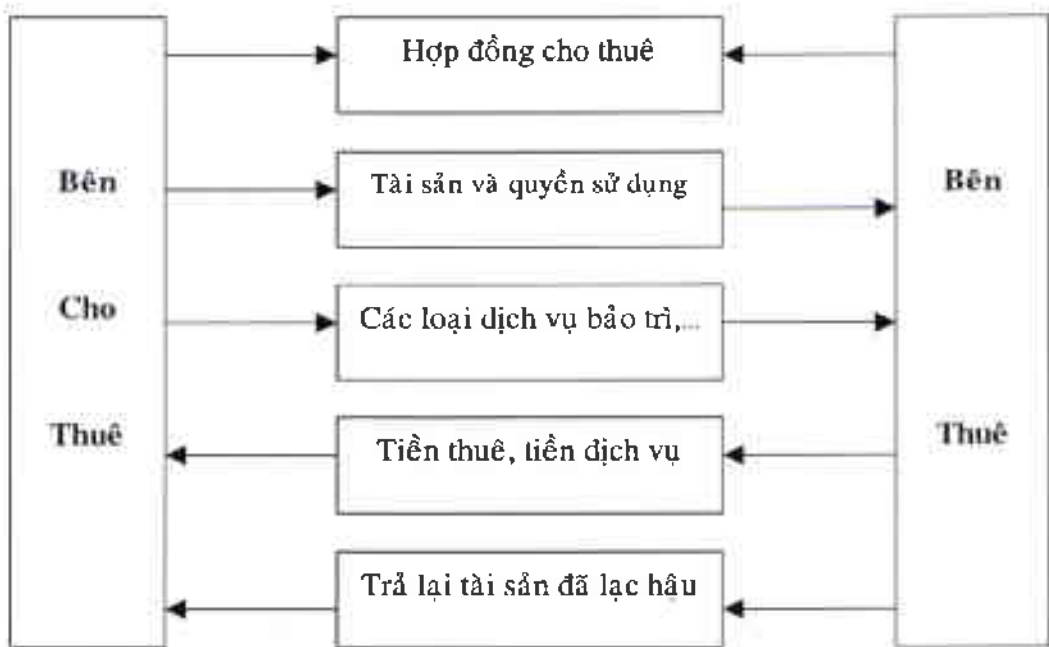
Khi căn cứ vào số lượng các chủ thể tham gia, cũng như vai trò và vị trí, quyền lợi và trách nhiệm của từng chủ thể trong mối quan hệ giao dịch cho thuê để làm căn cứ giao dịch thì cho thuê tài chính được phân thành các loại hình sau:

1.4.2.1. Cho thuê có sự tham gia của hai bên

Theo loại hình này chỉ có hai bên tham gia giao dịch cho thuê, bên cho thuê sử dụng thiết bị có sẵn của chính họ để trực tiếp tài trợ cho bên thuê. Bên cho thuê thường là công ty cho thuê trực thuộc nhà sản xuất hoặc các định chế tài chính, hoặc các công ty cho thuê độc lập. Loại hình này có một số đặc điểm riêng cụ thể căn bản sau:

- Tài sản thuê thường là những tài sản có giá trị không quá lớn và thuộc các loại máy móc thiết bị.
- Chỉ có hai bên tham gia trực tiếp vào giao dịch, bên thuê và bên cho thuê.
- Vốn tài trợ hoàn toàn do bên cho thuê tài trợ.
- Bên cho thuê có thể nhận lại thiết bị khi chúng bị lỗi thời.

Đây là loại hình tài trợ mà các nhà sản xuất thường sử dụng để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm do họ làm ra. Mặt khác, nhờ luôn cập nhật những công nghệ mới để chế tạo các loại máy móc, thiết bị nên các nhà sản xuất có thể sẵn sàng nhận lại những thiết bị đã lạc hậu về mặt công nghệ để tiếp tục cung cấp những máy móc thiết bị mới hiện đại do họ chế tạo ra ^[42, tr 36]. Như vậy, loại hình cho thuê tài chính có sự tham gia của hai bên thì thường tài sản được dùng để tài trợ đã thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê bằng cách mua tài sản hoặc tự xây dựng và loại hình cho thuê này cũng thường áp dụng đối với cho thuê bất động sản. Mô hình tài trợ được thể hiện qua sơ đồ 1.2.

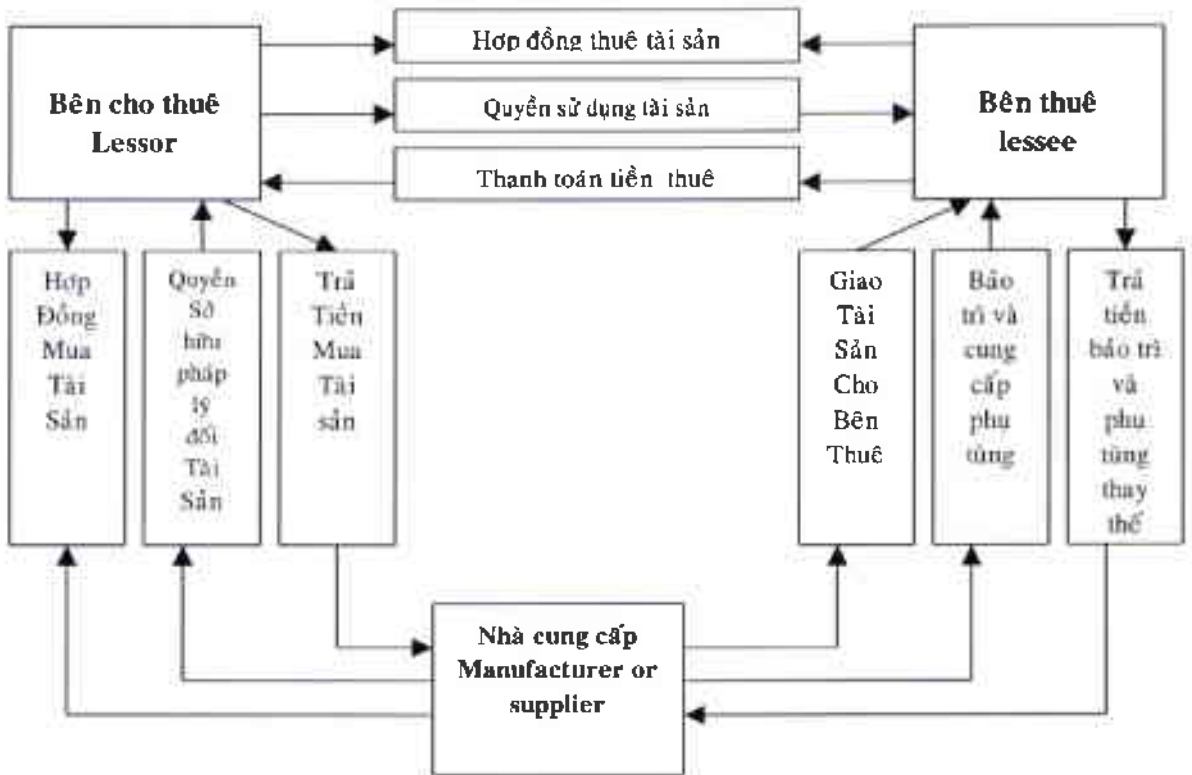


Sơ đồ 1.2: Mô hình cho thuê tài chính có sự tham gia của hai bên

1.4.2.2. Cho thuê có sự tham gia của ba bên

Theo loại hình này, trước khi nghiệp vụ cho thuê xảy ra, bên cho thuê chưa nắm quyền sở hữu về tài sản, bên thuê được quyền lựa chọn tài

sản từ nhà cung cấp theo yêu cầu của mình, vì vậy quy trình tài trợ có sự tham gia của ba bên: bên cho thuê, bên thuê, nhà cung cấp tài sản. Mô hình cho thuê tài chính có sự tham gia của ba bên được thể hiện qua Sơ đồ 1.3.



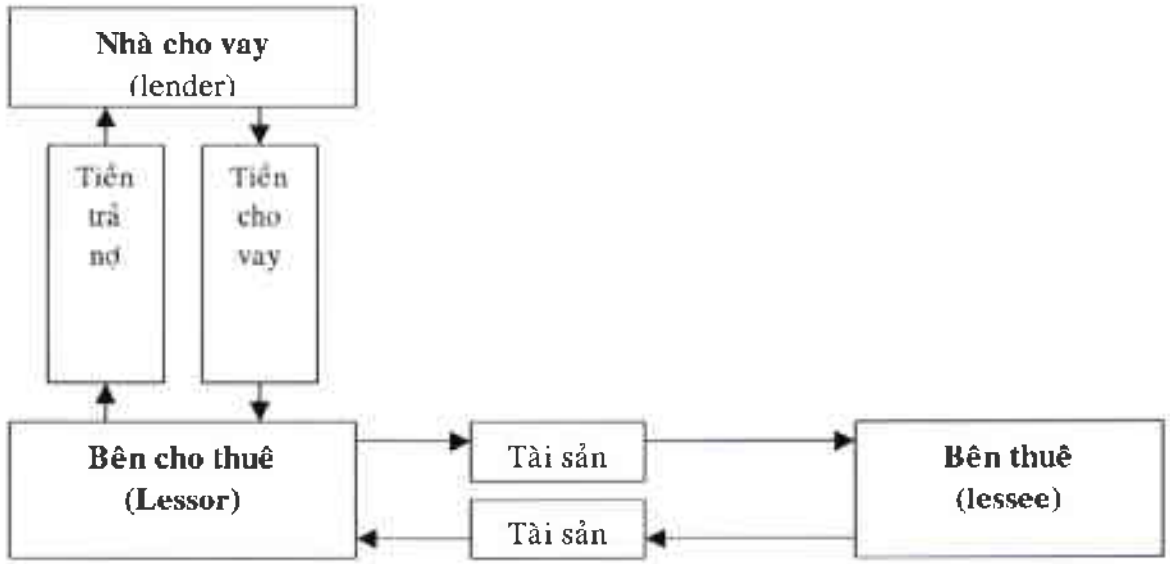
Sơ đồ 1.3: Mô hình cho thuê tài chính có sự tham gia của ba bên

Theo loại hình này, thì bên cho thuê mua tài sản từ nhà cung cấp, giữ quyền sở hữu tài sản và cho bên thuê thuê theo thỏa thuận hợp đồng cho thuê tài chính. Bên cho thuê không cung cấp các chi phí và dịch vụ vận hành, bảo trì tài sản và không chịu mọi rủi ro thiệt hại đối với tài sản cho thuê, và khi hết hạn hợp đồng cho thuê tài chính bên cho thuê cho phép bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản hay ký tiếp hợp đồng thuê, ủy quyền cho bên thuê bán hoặc nhận lại tài sản. Còn đối với bên thuê thì có trách nhiệm trả các khoản tiền thuê theo định kỳ và được

quyền sử dụng tài sản thuê, chịu mọi rủi ro và thiệt hại liên quan đến tài sản và có trách nhiệm mua bảo hiểm đóng thuế tài sản, không được hủy ngang hợp đồng nếu chưa được sự chấp thuận của bên cho thuê hoặc bên cho thuê không vi phạm hợp đồng. Được quyền mua hoặc thuê tiếp khi hết hạn hợp đồng cho thuê tài chính hoặc trả lại cho bên cho thuê. Đây là loại hình cho thuê tài chính phổ biến nhất, nó thể hiện đầy đủ những nét đặc trưng của cho thuê tài chính. Vì nó chứa đựng đầy đủ bốn tiêu chuẩn do IASC quy định. Ngoài ra, loại hình này còn thêm một đặc trưng là phần lớn các chi phí bảo trì, vận hành, bảo hiểm, rủi ro, thuế và các lợi ích phát sinh trong quá trình sử dụng được chuyển từ bên cho thuê sang bên thuê.

1.4.2.3. Cho thuê hợp tác (Leveraged lease)

Theo loại hình này, bên cho thuê đi vay để mua tài sản cho thuê - từ một hay nhiều nhà cho vay nào đó. Theo luật pháp của một số quốc gia khoản tiền vay này không được vượt quá 80% tổng giá trị của tài sản tài trợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu tài sản cho thuê và các khoản tiền thuê mà bên thuê sẽ trả trong tương lai. Nhà cho vay được hoàn trả tiền đã cho vay từ các khoản tiền thuê thường do bên thuê trực tiếp chuyển trả theo yêu cầu của bên cho thuê, sau khi trả hết món nợ vay, những khoản tiền thuê còn lại sẽ được trả cho bên cho thuê. Về bên thuê, không có sự khác biệt trong mối quan hệ giao dịch với bên cho thuê. Loại hình cho thuê này đem lại lợi nhuận và mở rộng khả năng tài trợ ra khỏi phạm vi nguồn vốn của bên cho thuê. Có thể tóm tắt hợp đồng cho thuê hợp tác qua sơ đồ 1.4.



Sơ đồ 1.4: Mô hình cho thuê hợp tác

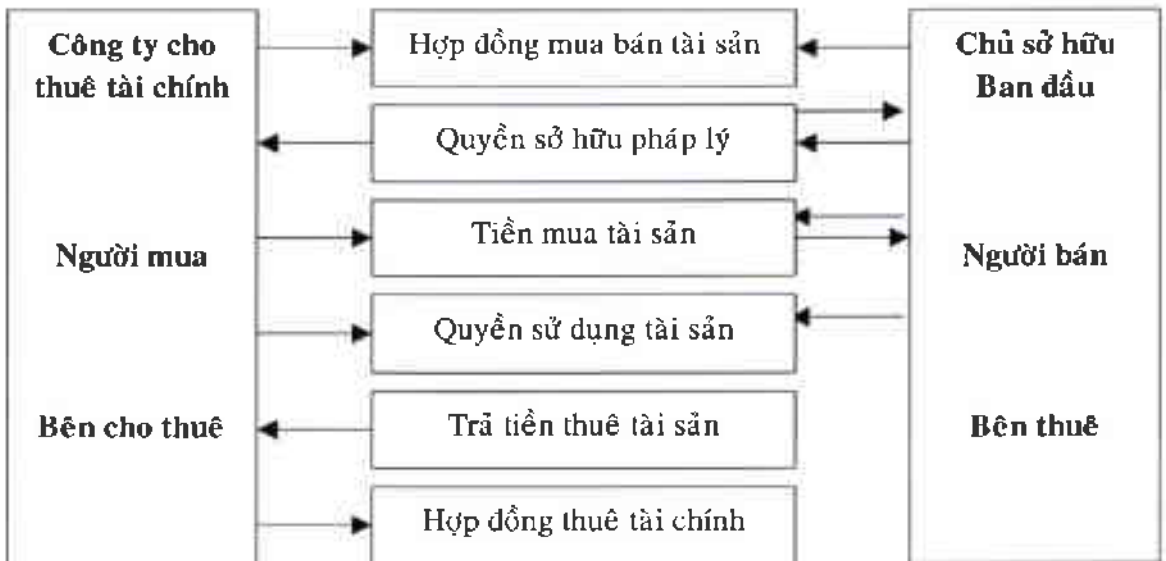
Loại hình này, thường được sử dụng trong những giao dịch cho thuê đòi hỏi một lượng vốn đầu tư lớn, chẳng hạn như việc thuê tàu chở hàng hay một tổ hợp sản xuất chuyên ngành hoặc thuê máy bay thương mại. Ví dụ như năm 1989 Hãng hàng không quốc gia Việt Nam đã thuê mua hai máy bay hành khách ATR 72 với giá 20 triệu USD của công ty Stock Leasing LTD và công ty này lại được bốn ngân hàng của Pháp cho vay để thực hiện hợp đồng cho thuê với hãng hàng không Việt Nam^[12, tr. 59]. Hiện nay, Vietnam Airlines (VNA) đang chuẩn bị thuê thêm một chiếc B767 vào tháng 11/2002, và kế hoạch sẽ trang bị và thuê thêm 4 chiếc B777 trong năm 2003 và đang trình chính phủ mua năm chiếc A321 mới^[6, số 205].

1.4.2.4. Mua và cho thuê lại (Buying and Lease back)

Trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn

lưu động. Vay vốn sẽ gặp phải nhiều thủ tục, điều kiện khắt khe mà các doanh nghiệp này khó có thể thỏa mãn. Đồng thời, trong điều kiện doanh nghiệp có nhu cầu phải duy trì năng lực sản xuất nên không thể bán bớt tài sản cố định để chuyển thành tài sản lưu động. Trong tình hình đó hình thức mua và cho thuê lại có thể thỏa mãn được yêu cầu này của doanh nghiệp.

Mua và cho thuê lại là một thỏa thuận tài trợ tín dụng mà công ty cho thuê tài chính L (bên cho thuê) mua tài sản doanh nghiệp D (bên thuê). Đồng thời, ngay lúc đó một hợp đồng cho thuê được thảo ra với nội dung công ty cho thuê tài chính L đồng ý cho doanh nghiệp D thuê lại tài sản mà họ vừa bán. Nếu giao dịch này hoàn tất, doanh nghiệp D vừa có vốn để kinh doanh và vẫn duy trì việc sử dụng tài sản. Có thể tóm tắt loại hình cho thuê tài chính bán và tái thuê qua sơ đồ 1.5.



Sơ đồ 1.5: Mô hình mua và cho thuê lại

1.4.2.5. Cho thuê gián lưng (Under lease)

Cho thuê gián lưng là loại hình mà trong đó, thông qua sự đồng ý của bên cho thuê, bên thuê thứ nhất cho bên thuê thứ hai thuê lại tài sản

đó. Kể từ thời điểm hợp đồng thuê lại được ký kết, mọi quyền lợi và nghĩa vụ cùng tài sản được chuyển giao cho bên thuê thứ hai. Các chi phí về pháp lý, di chuyển tài sản, do bên thuê thứ nhất và bên thuê thứ hai thỏa thuận. Tuy nhiên, bên thuê thứ nhất vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới với những rủi ro và thiệt hại liên quan đến tài sản vì họ là người trực tiếp ký hợp đồng với bên cho thuê.

Loại hình này, thường được áp dụng trong trường hợp khi đã thực hiện được một phần thời hạn thuê, nhưng bên thứ nhất vì không còn nhu cầu hay vì một lý do nào đó mà không muốn thuê tài sản này nữa thì họ có thể chuyển quyền sử dụng tài sản thuê cho bên thuê thứ hai với sự chấp thuận của bên cho thuê. Sở dĩ phải có loại hình này là vì hợp đồng cho thuê mà bên thứ nhất đã ký kết với bên cho thuê là không được hủy ngang nên buộc họ phải tìm bên thuê thứ hai có nhu cầu về tài sản thuê đó để chuyển giao quyền thuê đó. Nếu không chuyển giao được quyền thuê cho bên thuê thứ hai thì dù họ có sử dụng hay không thì họ vẫn phải thanh toán tiền thuê định kỳ.

1.4.2.6. Cho thuê trả góp (Hire - Purchase or Lease - Purchase)

Loại hình cho thuê này có nguồn gốc từ các biện pháp khuyến mãi của các công ty sản xuất lớn nhằm đẩy mạnh việc bán sản phẩm của họ. Trước kia, người bán thường chuyển giao tài sản và quyền sở hữu tài sản ngay cho người mua sau khi hai bên thỏa thuận về việc mua bán. Nhưng biện pháp này đem lại cho người bán quá nhiều rủi ro. Nên sau này người bán thường chỉ chuyển giao tài sản và giữ lại sở hữu tài sản đó trong một khoảng thời gian nhất định thường nhỏ hơn thời gian hữu dụng của tài sản

thay vì nhận vật thế chấp của người mua. Và hình thức bán trả góp này dần dần phát triển thành hình thức tài trợ cho thuê trong khi vẫn giữ một số đặc tính của mua trả góp. Do đó, ta có thể gọi đây là hình thức tài trợ kết hợp được cả hai hình thức cho thuê và bán trả góp, hay còn gọi là hình thức cho thuê trả góp.

1.5. KỸ THUẬT TÀI TRỢ CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Việc xác định và ra quyết định cho thuê hay không cho thuê cũng như việc xác định tổng số tiền cho thuê, phương thức tính tiền thuê là vấn đề rất nhạy cảm liên quan đến sự thành bại của công ty do đó việc nghiên cứu kỹ thuật tài trợ cho thuê tài chính là nội dung căn bản đối với các công ty cho thuê tài chính. Tùy theo chiến lược kinh doanh của từng công ty mà việc đánh giá có những tiêu thức khác nhau. Tuy nhiên, dù gì đi chăng nữa thì khi thẩm định để cho thuê tài chính cũng phải chú ý đến các yếu tố cơ bản sau đây:

1.5.1. Cơ sở định giá tiền thuê

Định giá hợp lý là nhân tố rất căn bản để đạt thành công trong hoạt động kinh doanh của công ty cho thuê tài chính. Mức giá hợp lý là mức giá mà bên đi thuê có thể chấp nhận được mà vẫn đảm bảo tính cạnh tranh trong kinh doanh. Mặt khác, đối với bên cho thuê mức giá hợp lý còn là mức giá đem lại thu nhập đủ trang trải toàn bộ các chi phí và có lợi nhuận hợp lý. Do đó, giá cả mà các công ty cho thuê tài chính cần phải xác định không quá cao hoặc quá thấp đảm bảo mức giá bình quân của thị trường. Yếu tố quan trọng để định giá hợp lý là phải hiểu nhu cầu của khách hàng

và trên cơ sở đó phát triển tốt mối quan hệ với khách hàng để có thể đáp ứng nhu cầu của họ ngày càng tốt hơn. Những yếu tố này sẽ gây ấn tượng rất tốt đối với khách hàng và sẽ lôi cuốn họ đến với nhà tài trợ. Về phía bên thuê, hiểu biết giá cả cũng là một yếu tố rất cần thiết để xem xét lựa chọn mức giá có thể chấp nhận được trên cơ sở mức giá do công ty cho thuê tài chính đưa ra trong quá trình thương lượng hợp đồng.

1.5.2. Các yếu tố hình thành giá cả cho thuê

1.5.2.1. Chi phí mua thiết bị

Đây là khoản chi phí lớn nhất, tác động đến giá cả của cho thuê và được tính toán dựa trên tính chất của cơ cấu vốn đầu tư, quy mô vốn đầu tư và thời hạn thuê, cùng phần chi phí sử dụng vốn tài trợ. Phần chi phí này có thể được tính theo mức lãi suất cố định, cũng có thể là lãi suất thả nổi, tùy theo sự lựa chọn và thỏa thuận giữa bên cho thuê và bên thuê xuất phát từ tình hình thị trường, lạm phát, công nghệ, cạnh tranh và nhiều yếu tố khác. Nhưng lãi suất cố định thường được áp dụng phổ biến trong các giao dịch cho thuê tài chính.

1.5.2.2. Chi phí tiếp thị trực tiếp

Bao gồm tất cả các chi phí phục vụ mua tài sản cho thuê, chi phí công chứng (đối với những tài sản có giá trị cao) và chi phí trả hoa hồng cho người môi giới (nếu có).

1.5.2.3. Chi phí quản trị chung

Bao gồm tất cả các loại chi phí biến đổi và chi phí cố định trong quản lý của bên cho thuê được phân bổ cho tài sản cho thuê và một tỷ lệ

nhất định để dự phòng cho các khoản tiền đã chi tiêu cho các giao dịch cho thuê đó.

1.5.2.4. Khoản dự phòng cho trường hợp không thu hồi được vốn tài trợ

Độ lớn của khoản dự phòng cho sự thiệt hại do không thu hồi được vốn tài trợ được xác định dựa trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động cho thuê trước đó. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn, tỷ lệ này thường ở mức thấp hơn so với các giao dịch nhỏ, diễn ra hàng ngày. Còn những chi phí sử dụng thông tin kế toán và đánh giá xếp hạng tín dụng trong từng giao dịch thông thường là bằng nhau.

1.5.2.5. Lợi nhuận biên tế

Lợi nhuận biên tế phụ thuộc vào mức lợi nhuận trên vốn tài trợ. Mức lợi nhuận này chịu sự chi phối của yếu tố cạnh tranh tại khu vực thị trường đang diễn ra giao dịch. Do đó giữa các khu vực thị trường sẽ có mức lợi nhuận biên tế khác nhau. Bên cho thuê thường chấp nhận mức lợi nhuận biên tế thấp hơn đối với những tài sản tài trợ cho khách hàng lớn, nếu thấy rằng trong tương lai còn có thể thu được lợi nhuận từ những khách hàng này và tài sản cho thuê chỉ là một phần của các dịch vụ hỗ trợ kèm theo.

1.5.2.6. Giá trị còn lại

Tùy theo giá trị còn lại của tài sản cho thuê mà bên cho thuê tính toán mức giá cho thuê cho phù hợp. Nếu tài sản được chuyển cho bên thuê vào thời điểm kết thúc hợp đồng với mức giá tương xứng hay hoàn toàn miễn phí, thì bên cho thuê thường định giá cao hơn so với tài sản được

chuyển giao với giá thị trường hay trả lại cho bên cho thuê, bởi trong giá thuê có bao hàm tiền mua phần giá trị còn lại.

Trong nhiều trường hợp giá trị còn lại của tài sản cho thuê là một món hời đối với bên thuê, bởi nó được chuyển quyền sở hữu cho họ với mức giá thấp hơn giá thực tế. Điều này tùy thuộc vào việc bảo quản, bảo trì, sử dụng tài sản trong suốt thời gian thuê và cũng có thể do việc xác định giá trị còn lại không chính xác.

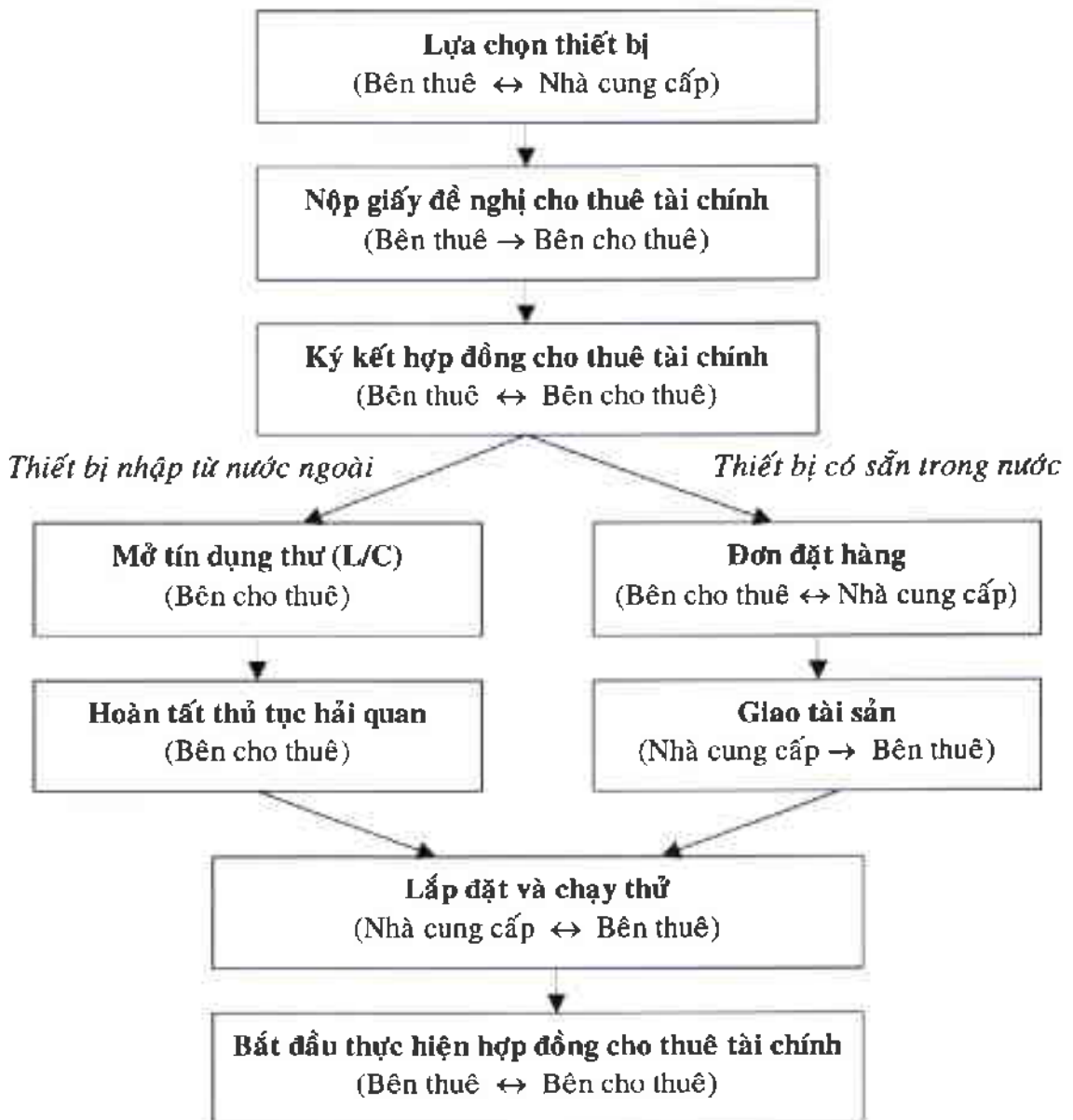
Ngoài những yếu tố trên, nếu bên cho thuê còn cung cấp các loại phụ tùng, thiết bị kỹ thuật hay các dịch vụ bảo trì khác theo hình thức tài trợ cho thuê trọn gói thì giá thuê sẽ được tính cả những khoản tiền này. Trong trường hợp không phải là hợp đồng tài trợ trọn gói thì những chi phí này không được tính vào giá thuê mà được hai bên ký kết một hợp đồng khác để cung cấp những phụ kiện và thanh toán riêng rẽ.

Đối với những giao dịch chỉ chiếm một phần thời gian hữu dụng của tài sản cho thuê, bên cho thuê thường định giá thuê dựa trên cơ sở phần giá trị khấu hao tài sản trong giai đoạn đó cộng với các chi phí.

1.5.3. Quy trình nghiệp vụ cho thuê tài chính

Hiện nay, các công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam đã tự xây dựng cho mình một quy trình nghiệp vụ cho thuê phù hợp với đặc điểm và tình hình thị trường tài chính, và các văn bản pháp luật hiện hành. Dù mỗi công ty cho thuê tài chính có ban hành một quy trình nghiệp vụ riêng song về nội dung vẫn là một quy trình tín dụng trung, dài hạn. Thông thường quy

trình nghiệp vụ cho thuê tài chính được thực hiện qua các bước sau (Sơ đồ 1.6).



Sơ đồ 1.6: Quy trình thực cho thuê tài chính

➤ Lựa chọn tài sản cho thuê

Bên thuê được toàn quyền lựa chọn tài sản và nhà cung cấp cho mình. Đồng thời thương lượng các đặc điểm về chủng loại, giá cả với nhà

cung cấp, công ty cho thuê tài chính sẽ mua những tài sản đó theo sự lựa chọn của bên thuê.

➤ **Nộp giấy đề nghị cho thuê tài chính**

Sau khi có nhu cầu về thuê tài chính bên thuê nộp giấy đề nghị đến công ty cho thuê tài chính để yêu cầu công ty cho thuê tài chính thực hiện dịch vụ. Hồ sơ bao gồm:

- + Giấy đề nghị thuê tài chính
- + Hồ sơ pháp nhân của doanh nghiệp
- + Báo cáo tài chính hai năm gần nhất (nếu có hoạt động nhiều năm)
- + Dự án hoặc phương án đầu tư bằng phương thức cho thuê tài chính

➤ **Ký hợp đồng cho thuê tài chính**

Sau khi xem xét nhu cầu của bên thuê và khả năng đáp ứng được nhu cầu đó bên cho thuê và bên thuê tiến hành ký kết hợp đồng với những điều khoản cơ bản sau:

- Tài sản cho thuê là tài sản được bên thuê tự do quyết định lựa chọn
- Thời hạn cho thuê tài chính là thời hạn bên thuê được quyền sử dụng tài sản thuê theo hợp đồng đã được thỏa thuận giữa bên cho thuê và bên thuê. Thông thường thời hạn cho thuê từ 2 năm đến 7 năm, có trường hợp lên đến 10 năm và trên 10 năm .
- Lãi suất thuê được thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở lãi suất thị trường. Ở Việt Nam lãi suất này căn cứ vào lãi suất cho vay trung, dài hạn

do Ngân hàng Nhà nước quy định. Và về nguyên tắc lãi suất cho thuê không vượt quá lãi suất cơ bản cộng với biên độ giao động từng thời kỳ do Ngân hàng Nhà nước công bố. Doanh nghiệp có thể thỏa thuận áp dụng lãi suất cố định hoặc thả nổi.

- Thanh toán tiền thuê được xác định trên cơ sở nguyên giá của tài sản thuê + (thuế, chi phí vận chuyển, vv...). Tiền thuê được thanh toán hàng tháng, quý, sáu tháng, một năm hoặc thời vụ theo sự thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

- Thanh lý hợp đồng được hai bên tiến hành khi thời hạn hợp đồng kết thúc. Việc thanh lý hợp đồng được tiến hành theo hai hướng một là bên thuê mua tài sản thuê của bên cho thuê với giá danh nghĩa ghi trong hợp đồng hoặc sẽ gia hạn hợp đồng thuê.

- Bên cho thuê tiến hành mua tài sản cho thuê theo yêu cầu của bên thuê từ nhà cung cấp.

- Tiến hành lắp đặt và chạy thử thiết bị (tài sản cho thuê).

Sau khi bên cho thuê thực hiện giao dịch mua tài sản cho thuê từ nhà cung cấp. Nhà cung cấp tiến hành giao tài sản cho bên thuê và tiến hành lắp đặt và chạy thử.

- Thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính

Bên thuê được quyền sử dụng tài sản thuê và có trách nhiệm trả tiền thuê theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

1.6. LỢI ÍCH CỦA CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Một trong những nguyên nhân thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính phát triển mạnh mẽ trên thế giới, nhất là đối với các nước có nền kinh tế đang phát triển là do những lợi ích mà chúng mang lại cho nền kinh tế nói chung và cho các bên tham gia vào hình thức tài trợ này nói riêng.

1.6.1. Lợi ích đối với nền kinh tế

➤ *Cho thuê tài chính góp phần thu hút vốn dài hạn cho nền kinh tế*

Do tính chất của cho thuê tài chính có mức độ rủi ro thấp, phạm vi tài trợ rộng rãi hơn các hình thức khác nên cho thuê tài chính có thể khuyến khích các thành phần kinh tế, cá nhân và nhất là các định chế tài chính đầu tư vốn để kinh doanh. Do đó, hoạt động cho thuê tài chính đã huy động được những nguồn vốn còn nhàn rỗi trong nội bộ nền kinh tế, thậm chí thu hút vốn từ các lĩnh vực đầu tư khác. Mặt khác, trong điều kiện giao lưu quốc tế ngày nay cho thuê tài chính góp phần giúp cho quốc gia thu hút các nguồn vốn quốc tế cho nền kinh tế thông qua các loại máy móc thiết bị cho thuê mà quốc gia đó nhận được. Đồng thời, hình thức thu hút vốn đầu tư nước ngoài này không làm tăng khoản nợ nước ngoài của quốc gia nhận được tài sản cho thuê.

Đối với các nước có nền kinh tế đang phát triển, cho thuê tài chính càng phát huy tác dụng mạnh mẽ bởi việc tích lũy vốn của nền kinh tế các nước này thường rất khó khăn, do các doanh nghiệp đều thuộc loại vừa và nhỏ, thu nhập quốc dân thấp, hiệu quả của nền kinh tế thấp nên cho thuê tài chính có thể thu hút vốn quốc tế giúp các doanh nghiệp hiện đại hóa

sản xuất, gia tăng công suất, nâng cao hiệu quả tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

➤ *Cho thuê tài chính góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ, thiết bị, cải tiến khoa học kỹ thuật*

Thông qua hoạt động cho thuê tài chính, các loại máy móc, thiết bị có trình độ công nghệ tiên tiến được đưa vào các doanh nghiệp góp phần nâng cao trình độ công nghệ của nền sản xuất trong những điều kiện có khó khăn về vốn đầu tư. Ngay cả đối với các nền kinh tế phát triển cao như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Pháp,... cho thuê tài chính vẫn phát huy tác dụng, cập nhật hóa công nghệ hiện đại cho nền kinh tế. Đối với các quốc gia chậm phát triển nếu có những biện pháp đúng đắn, đồng bộ và toàn diện thì tác dụng của nó còn mạnh mẽ hơn nhiều. Nhất là trong thời đại bùng nổ công nghệ ngày nay, việc đầu tư công nghệ hiện đại một cách kịp thời, nhanh chóng đối với các nền kinh tế chậm phát triển gặp rất nhiều khó khăn. Nếu có chính sách đúng đắn, hoạt động cho thuê tài chính có thể đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ nhanh chóng. Song đứng trên bình diện vĩ mô cũng cần có chính sách quản lý khoa học, để khắc phục những mặt trái của cho thuê tài chính, nhất là đối với các quốc gia chậm phát triển. Do thiếu thông tin, trình độ quản lý yếu, luật pháp không rõ ràng thiếu đồng bộ, và nhất là trong xu hướng các nước phát triển đang muốn chuyển giao các công nghệ lỗi thời, gây ô nhiễm môi trường, hao tổn nguyên liệu, sử dụng nhiều lao động, điều kiện an toàn không đảm bảo, sản xuất ra sản phẩm chất lượng kém sang các quốc gia đang phát triển. Do đó, nếu không có chính sách công nghiệp hóa - hiện đại hóa đúng đắn, khoa học. Cho

thuê tài chính sẽ góp phần gây lãng phí nguồn ngoại tệ hiếm hoi của quốc gia, biến đất nước thành “bãi rác” thiết bị công nghiệp của thế giới.

1.6.2. Lợi ích đối với bên cho thuê

➤ Cho thuê tài chính góp phần làm đa dạng sản phẩm tài chính, thúc đẩy cạnh tranh

Cho thuê tài chính làm đa dạng sản phẩm tài chính, thúc đẩy cạnh tranh giữa các định chế tài chính theo hướng có lợi cho người sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự ra đời của các công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã và đang làm thay đổi cái nhìn của các ngân hàng thương mại, đặc biệt là các ngân hàng thương mại quốc doanh về các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn chỉ là khách hàng loại hai, thậm chí còn lâu mới đủ tư cách là khách hàng của các ngân hàng thương mại quốc doanh.

➤ Cho thuê tài chính là hình thức tài trợ ít rủi ro và thủ tục đơn giản

So với các phương thức tài trợ khác, cho thuê tài chính là phương thức tài trợ ít rủi ro nhất bởi những lý do sau đây:

- Quyền sở hữu về tài sản tài trợ thuộc về bên cho thuê cho nên họ được quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản. Nếu có những biểu hiện đe dọa sự an toàn cho giao dịch cho thuê đó, bên cho thuê có thể thu hồi tài sản ngay lập tức. Nhờ vậy, bên cho thuê sẽ tránh được những mất mát và thiệt hại đối với vốn tài trợ.

- Cho thuê tài chính cung cấp cho bên thuê bằng tài sản cụ thể do đó giúp cho bên thuê dùng liền tài trợ đúng mục đích. Nguyên tắc sử dụng vốn tài trợ đúng mục đích rất có ý nghĩa trong việc đảm bảo khả năng trả

nợ của người được tài trợ. Ví dụ như nếu người tài trợ nhận vốn đem kinh doanh trong những lĩnh vực nhà nước không cho phép hoặc trong lĩnh vực không thuộc chuyên môn của họ thì rõ ràng rất nguy hiểm cho nhà tài trợ.

- Cho thuê tài chính là hình thức tài trợ bằng tài sản cho nên không bị ảnh hưởng của lạm phát làm “teo” dần vốn tài trợ.

- Tiền thuê tài sản được đảm bảo bởi chính hoạt động của tài sản. Có nghĩa là bên thuê sẽ trả tiền bằng hiệu quả thu được từ việc sử dụng tài sản (pay as you earn)

- Cho thuê tài chính giúp cho bên thuê không bị khó khăn về khả năng thanh khoản do tiền thuê và vốn của hoạt động cho thuê được thu hồi dần dần.

Ngoài ra, cho thuê tài chính là hình thức tài trợ với thủ tục đơn giản, chủ yếu dựa vào khả năng tạo ra thu nhập của bên thuê để trả tiền thuê hơn là dựa vào báo cáo tài chính của quá khứ, vì thế nó rất phù hợp cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới thành lập.

1.6.3. Lợi ích đối với bên thuê

➤ *Cho thuê tài chính là một kênh huy động cho những doanh nghiệp không thỏa mãn các yêu cầu vay vốn của ngân hàng*

Các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có qui mô vừa và nhỏ hay những doanh nghiệp mới thành lập, chưa có uy tín với ngân hàng thường rất khó thỏa mãn các điều kiện chống rủi ro, nên thường bị ngân hàng từ chối cho vay. Vì đối với các khoản tiền cho khách hàng vay, ngân hàng không trực tiếp quản lý được. Khi có rủi ro xảy ra, khách hàng không

trả được nợ, thì ngân hàng chỉ có quyền hạn giống như những chủ nợ khác trong khuôn khổ vật thế chấp mà thôi. Trái lại, tài sản cho thuê trong hoạt động cho thuê tài chính do bên cho thuê nắm quyền sở hữu pháp lý đối với tài sản và họ có thể trực tiếp kiểm soát theo dõi việc sử dụng tài sản, tình hình kinh doanh của bên thuê. Nếu bên thuê không trả được tiền thuê thì bên cho thuê sẽ tiến hành thu hồi lại tài sản với tư cách là chủ sở hữu pháp lý về tài sản đó. Do đó, các công ty cho thuê tài chính có thể sẵn sàng thỏa mãn nhu cầu đầu tư của khách hàng ngay cả khi tài chính, uy tín của họ có những hạn chế. Hơn nữa, do các công ty cho thuê tài chính chuyên biệt kinh doanh các loại tài sản thiết bị nên thường có mạng lưới hoạt động rộng rãi, có trình độ chuyên môn sâu về thiết bị, công nghệ cao nên họ có thể cải tiến, điều chuyển các loại tài sản cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng ở từng khu vực thị trường khác nhau. Vì lẽ đó mà khách hàng của các công ty cho thuê tài chính có thể có cả những người mà ngân hàng sợ rủi ro không dám cho vay.

➤ Cho thuê tài chính giúp cho bên thuê không bị động vốn đầu tư vào tài sản cố định

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể sẽ có lúc doanh nghiệp phát hiện ra rằng lĩnh vực mình kinh doanh là không có lợi hoặc đang bị lão hóa. Do đó doanh nghiệp muốn thay đổi hoạt động kinh doanh. Thông thường thì khi thay đổi hoạt động kinh doanh sẽ kéo theo sự thay đổi cơ cấu vốn và tài sản cố định. Trong những trường hợp thay đổi tài sản cố định như vậy thường giá bán tài sản rất thấp so với giá thực tế của tài sản. Hoặc có khi không bán được do doanh nghiệp không có

khả năng tìm kiếm khách hàng có nhu cầu đúng loại tài sản đó. Như vậy, đối với những tài sản cố định được mua sắm thường dễ bị kẹt vốn đầu tư vào đó. Trường hợp của những tài sản cố định được thuê thì vấn đề lại khác, nếu tài sản được thuê dưới hợp đồng thuê hoạt động, hoặc hợp đồng thuê tài chính nhưng đã hết thời hạn cơ bản của hợp đồng. Khi cần thay đổi tài sản doanh nghiệp có thể hủy hợp đồng, trả lại tài sản và sau đó thuê tài sản khác để sử dụng.

Lợi ích này của cho thuê tài chính tỏ ra rất quan trọng đối với những thiết bị hiện đại có tốc độ lỗi thời cao. Nó giúp cho doanh nghiệp thay đổi thiết bị đã lạc hậu một cách dễ dàng và nhanh chóng. Thông qua nghiệp vụ bán và tái thuê, các doanh nghiệp có thể chuyển nguồn tài sản cố định thành tài sản lưu động hay chuyển dịch vốn đầu tư cho các dự án kinh doanh khác có hiệu quả hơn trong khi vẫn duy trì được hoạt động đầu tư hiện hành vì tài sản vẫn được tiếp tục sử dụng.

➤ ***Cho thuê tài chính cho phép bên thuê hoãn thuế thu nhập doanh nghiệp***

Theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 1062 TC/QĐ/CSTC, ngày 14/11/1996 của Bộ tài chính, đối với tài sản cố định thuê tài chính, thời gian sử dụng tài sản cố định là thời gian thuê tài sản cố định ghi trong hợp đồng thuê. Như vậy, tiền thuê do bên thuê và bên cho thuê chủ động thỏa thuận, dựa trên thời gian và lãi suất thuê, luôn được xem là một khoản chi hợp lý trong quan hệ với thuế. Điều này cho phép bên thuê chủ động khấu hao tài sản cố định, mà kết quả thường dẫn đến việc hoãn nộp thuế thu nhập doanh

nghiệp trong vài năm đầu sử dụng tài sản thuê. Theo chế độ Kế toán doanh nghiệp, ban hành theo Quyết định số 1141-TC/QĐ/QĐKT, ngày 1/11/1995 của Bộ tài chính, bên thuê được hạch toán toàn bộ tiền thuê trả định kỳ vào chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán. Tiền thuê được chia ra làm hai phần, gồm phần lãi thuê hạch toán vào chi phí trả trước (TK142-chi phí trả trước), sau đó được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh (nhóm các TK 627, 641, 642), và phần vốn gốc hạch toán vào tài sản cố định thuê tài chính (TK212-tài sản cố định thuê tài chính), được khấu hao như khấu hao tài sản cố định hữu hình do doanh nghiệp sở hữu. Thời gian khấu hao tài sản cố định thuê tài chính là thời gian thuê tài sản cố định ghi trong hợp đồng thuê ^[4].

Đối với công ty cho thuê tài chính, giá trị tài sản cho thuê tài chính được hạch toán là một khoản thu của công ty cho thuê tài chính (TK 4312 hoặc 4322-Nợ cho thuê tài chính). Mặc dù tài sản cho thuê tài chính thuộc sở hữu của công ty cho thuê tài chính nhưng công ty không trích khấu hao (hoặc phân bổ giá trị tài sản) vào chi phí kinh doanh của công ty, mà giá trị tài sản được thu hồi dần thông qua tiền thuê do bên thuê trả. Ngoài việc thu hồi giá trị tài sản cho thuê tài chính (còn gọi là vốn gốc về cho thuê tài chính), công ty được thu một số lãi về cho thuê tài chính. số lãi này được hạch toán vào thu lãi cho thuê tài chính (TK 8018-thu lãi cho thuê tài chính) ^[25].

Tuy nhiên, cho thuê tài chính cũng có những bất lợi của nó như bên thuê chịu mức phí tài trợ cao hơn mức lãi suất cho vay của các hình thức tài trợ khác, và họ không có quyền thế chấp, cầm cố tài sản vào thời hạn gần

cuối hợp đồng mặc dù tiền thuê đã trả gần đủ. Trong trường hợp hợp đồng có dự kiến quyền mua tài sản với giá tương trưng bị hủy bỏ, bên thuê sẽ bị thiệt hại do mất quyền ưu tiên này bởi trong phí thuê đã tính gộp cả phần tiền trả cho quyền chọn mua.

1.7. VAI TRÒ CỦA CHO THUÊ TÀI CHÍNH TRONG NỀN KINH TẾ HIỆN ĐẠI

➤ Là một công cụ tài trợ vốn quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nền kinh tế. Hoạt động cho thuê tài chính là một hoạt động mang tính chuyên môn hóa cao trong việc trang bị máy móc thiết bị với công nghệ cao cho các ngành kinh tế. Đặc biệt trong điều kiện hội nhập với nền kinh tế thế giới, thì các doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững trong cạnh tranh đòi hỏi phải cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, vv... Điều này chỉ thực hiện được khi có công nghệ sản xuất hiện đại. Vì vậy khi một doanh nghiệp đang hoạt động, nhưng các nhà quản trị phát hiện ra sự lạc hậu của công nghệ sản xuất thì lập tức họ phải nghĩ đến việc thay thế máy móc thiết bị mới cho phù hợp với thị trường. Để có vốn phục vụ cho việc mua sắm máy móc thiết bị thì đòi hỏi các doanh nghiệp phải đi vay, nhưng vay các định chế tài chính khác thì phải có tài sản đảm bảo, trong lúc đó nếu được tài trợ theo hình thức thuê tài chính thì doanh nghiệp sẽ được tài trợ ngay nếu việc trang bị lại máy móc thiết bị đó là mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Trong điều kiện một nền kinh tế đang thực hiện công nghiệp hóa thì lại càng quan trọng vì vốn của nền kinh tế đó rất ít, tài sản thì còn quá

nhỏ, vốn tự tài trợ thì không đủ nên không thể mua sắm những loại tài sản lớn như mua một chiếc máy bay, mua một chiếc tàu thủy lớn, vv.... Điều này chỉ có thể giải quyết bằng hoạt động cho thuê tài chính là thuận lợi nhất.

➤ Cho thuê tài chính là một công cụ tài trợ vốn mang tính hiện đại trong hoạt động tài chính – có khả năng cải tiến nền tài chính nước nhà. Khi nền kinh tế phát triển để theo kịp sự phát triển của thế giới đòi hỏi phải cải cách hoạt động của hệ thống tài chính cho phù hợp. Những hoạt động tài trợ của các định chế như tín dụng ngân hàng chứa đựng nhiều rủi ro cho ngân hàng và nhiều vướng mắc đối với người vay.

Do đó cần phải đưa các nghiệp vụ tài chính hiện đại vào nền tài chính Việt Nam trong đó cho thuê tài chính là một nghiệp vụ quan trọng có khả năng cải cách nền tài chính hiện nay.

1.8. KINH NGHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

Cho thuê tài chính là hình thức tài trợ bắt đầu từ những năm 1950 với sự thành lập công ty cho thuê tài chính của Hoa Kỳ (U.S. Leasing International Corporation) và các công ty cho thuê tài chính ở Hoa Kỳ được phát triển rất mạnh vào những năm 1960^[47].

Tại Anh, các công ty cho thuê tài chính đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống tài chính. Các sản phẩm của cho thuê tài chính phát triển rất mạnh và được chấp nhận rộng rãi. Điều này đã khuyến khích việc thành lập nhiều công ty cho thuê tài chính ở Anh. Và các công ty cho thuê

tài chính ở Anh đã thu hút được một số khách hàng lớn do tính an toàn và linh hoạt của các sản phẩm này mang lại.

Tại Pháp, ngay từ khi hoạt động cho thuê tài chính xuất hiện, nó đã được chính phủ quan tâm và lập tức đã có một khung pháp lý dành riêng cho hoạt động cho thuê tài chính được ban hành. Do đó, mà loại bỏ được mọi khó khăn cản trở đối với hoạt động cho thuê tài chính như pháp lý, tài chính, thuế, vv...

Trong số các nước Châu Á, Nhật Bản là nước có thị trường cho thuê tài chính năng động nhất. Hiệp hội cho thuê tài chính Nhật Bản có hơn 100 thành viên. Hoạt động cho thuê tài chính ở Nhật Bản được hỗ trợ mạnh mẽ bởi các ngân hàng và các công ty thương mại.

Kinh nghiệm ở các nước trong việc phát triển ngành công nghiệp cho thuê tài chính cho thấy họ cũng xuất phát từ căn bản kinh tế tương tự như tình hình kinh tế Việt Nam hiện nay. Từ đó, cho phép chúng ta có cái nhìn lạc quan về tiềm năng phát triển ngành công nghiệp cho thuê tài chính ở Việt Nam.

1.8.1. Hoạt động cho thuê tài chính ở Nhật Bản

Hoạt động cho thuê tài chính ở Nhật Bản bắt đầu vào những năm 60. Các công ty như: Công ty cho thuê tài chính Nhật Bản, Công ty cho thuê tài chính Phương Đông, Công ty cho thuê tài chính Tokyo được thành lập vào những năm 1963 và 1964. Kể từ đó, hàng loạt các công ty cho thuê tài chính ở Nhật Bản ra đời và được hỗ trợ mạnh mẽ của các ngân hàng thương mại lớn, các công ty thương mại tổng hợp và các công ty sản xuất

lớn. Hoạt động cho thuê tài chính ở Nhật Bản phát triển rất mạnh là do những lý do sau:

- Các doanh nghiệp ở Nhật Bản coi các công ty cho thuê tài chính là nguồn cung cấp vốn dài hạn với lãi suất tương đối cố định so với các loại hình tài trợ khác.

- Hoạt động cho thuê tài chính ở Nhật Bản được các doanh nghiệp quan tâm vì các khoản thuê được hạch toán ngoài bảng tổng kết tài sản do đó nó không làm ảnh hưởng tới các tỷ số tài chính của doanh nghiệp, cụ thể là không ảnh hưởng đến tỷ số nợ của doanh nghiệp.

- Các công ty cho thuê tài chính ở Nhật Bản được thừa hưởng một lượng khách hàng rất lớn và nguồn vốn lớn vì các công ty cho thuê tài chính thường có cổ phần của các ngân hàng, đặc biệt là có sự tham gia của các công ty bảo hiểm.

- Các công ty cho thuê tài chính được thực hiện tất cả các loại hình cho thuê. Do đó các công ty cho thuê tài chính có thể lựa chọn các phương thức để cung ứng cho khách hàng với chi phí và hiệu quả nhất.

- Các công ty cho thuê tài chính được tham gia vào hầu hết các lĩnh vực, ngành kinh tế và ở khắp mọi nơi kể cả trong nước và quốc tế. Hầu hết các công ty cho thuê tài chính Nhật Bản đều có văn phòng đại diện tại Newyork, London, Hongkong, Singapore, và các nước Đông Á. Vài công ty cũng tham gia vào thị trường Châu Âu, Bắc Mỹ dưới hình thức hoạt động độc lập hay liên doanh với các tổ chức tài chính của nước sở tại. Hơn 20 công ty Nhật Bản có văn phòng tại Newyork^[27].

1.8.2. Hoạt động cho thuê tài chính ở Trung Quốc

Ở Trung Quốc, hoạt động cho thuê trang thiết bị hiện đại đã được triển khai thực hiện từ đầu thập niên 80. Tháng 2/1981, với sự ra đời của công ty cho thuê tài chính Phương Đông Trung Quốc (China Orient Leasing Co.Ltd) ^[53], là một liên doanh với công ty cho thuê tài chính Phương đông Nhật Bản (Orient Leasing Co.Ltd) báo hiệu cho sự ra đời của ngành công nghiệp cho thuê tài chính ở Trung Quốc. Cùng với chính sách mở cửa và phát huy nguồn lực trong nước đã làm cho hệ thống đầu tư Trung Quốc có những thay đổi to lớn, trong đó việc phân phối tài chính của nhà nước đã được sửa đổi về tín dụng, ngân hàng, tăng nguồn vốn hoặc gia tăng vốn tự có của doanh nghiệp. Việc đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư đã tạo điều kiện để phát triển hoạt động cho thuê tài chính ở Trung Quốc. Nhờ có chính sách mở cửa, cải cách đầu tư mà ngành cho thuê tài chính ở Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng. Sau 10 năm, Trung Quốc đã có hơn 60 công ty cho thuê tài chính, trong đó có hơn 25 công ty liên doanh với nước ngoài ^[53] hoạt động trong tất cả các lĩnh vực và mở cơ sở tại hơn 12 tỉnh, thành phố cùng các khu tự trị ^{[27], [53]}. Nếu như doanh thu về hoạt động cho thuê tài chính của cả Trung Quốc năm 1981 chỉ ở mức 13,2 triệu USD thì năm 1987 xấp xỉ 1 tỷ USD, tổng doanh thu của 6 năm từ 1981-1987 đạt con số 3 tỷ USD ^{[27], [53]}. Ngoài ra, ở Trung Quốc còn cho phép hàng trăm công ty tài chính đầu tư, công ty tài chính tư vấn được thực hiện hoạt động cho thuê như là một nghiệp vụ phụ bên cạnh hoạt động kinh doanh chính của mình.

Sở dĩ hoạt động cho thuê tài chính ở Trung Quốc phát triển nhanh như vậy là do những nguyên nhân sau:

- Nhu cầu rất lớn của các doanh nghiệp Trung Quốc trong việc đổi mới kỹ thuật để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và họ đã tìm đến các công ty cho thuê tài chính. Hoạt động cho thuê tài chính đã được đón nhận rộng rãi trong nhiều ngành, lĩnh vực như: giao thông vận tải, công nghiệp nhẹ, điện tử, công nghiệp hóa chất, thiết bị xây dựng, luyện kim, thiết bị y khoa, giáo dục, truyền thông, vv... Riêng cơ quan quản lý hàng không dân dụng Trung Quốc (CAAC) đã mở rộng hoạt động kinh doanh của mình bằng cách đi thuê trên 65 máy bay từ các công ty cho thuê tài chính ^[53]. Trong vòng 10 năm, tức là đầu những năm 90 đã có hơn 400.000 xí nghiệp quốc doanh có quy mô vừa và nhỏ cùng với hơn 1 triệu xí nghiệp cấp phường, xã tại Trung Quốc có nhu cầu đổi mới công nghệ và một trong những phương thức để họ tiếp cận đến với công nghệ mới đó là phương thức cho thuê tài chính.

- Các thiết bị cho thuê được đưa vào danh mục quản lý của nhà nước hoặc kế hoạch của địa phương và là đối tượng phải được sự chấp thuận của nhà nước hoặc các cơ quan quản lý. Điều này nhằm tránh được việc đầu tư vào những máy móc thiết bị lạc hậu, lỗi thời và không phục vụ cho sự tăng trưởng kinh tế. Bởi vì mục đích cao nhất của chính phủ Trung Quốc là tái thiết lại các doanh nghiệp dựa trên việc đầu tư đổi mới công nghệ để sản phẩm làm ra đạt chất lượng cạnh tranh trên trường quốc tế.

- Hoạt động cho thuê tài chính hiện nay ở Trung Quốc được thực hiện theo phương thức tài trợ toàn bộ (full pay out leasing) giá trị tài sản

thuê trong đó bên thuê được quyền chọn sử dụng tài sản thuê cho đến khi hết thời hạn hợp đồng, và được trích khấu hao tài sản mình sử dụng. Ngoài ra, hoạt động cho thuê tài chính đều phải chịu sự chi phối của kế hoạch và chính sách của nhà nước. Nguồn vốn đưa ra và lịch trình trả nợ cũng phải căn cứ vào kế hoạch của nhà nước.

- Tất cả các công ty cho thuê tài chính ngoài chức năng của mình, còn thực hiện thêm chức năng như một công ty xuất nhập khẩu. Nghĩa là, công ty cho thuê tài chính phải tìm một nhà cung cấp thiết bị thích hợp, nắm được giá cả cung ứng thiết bị, sắp xếp các cuộc thương lượng về kỹ thuật và thương mại, tổ chức kiểm tra từ nước ngoài về các thiết bị và về cách huấn luyện nhân viên của công ty thuê thiết bị cũng như ra lệnh gửi hàng xuống tàu, sắp đặt việc bảo hiểm thiết bị cho thuê.

- Hoạt động cho thuê tài chính ở Trung Quốc được chính phủ dành cho những điều kiện ưu đãi về thuế. Chẳng hạn các công ty cho thuê tài chính liên doanh được miễn thuế lợi tức trong 2 năm đầu tiên, và chỉ nộp thuế trong năm thứ 3 sau khi thu được lợi nhuận. Thuế lợi tức là 30% cộng với thuế phụ thu địa phương (local additional tax) tổng cộng lên đến 33%, trong khi đó các xí nghiệp quốc doanh phải trả đến 55% thuế. Nếu tiền lãi thu được về phía đối tác nước ngoài được tái đầu tư cho Trung Quốc thì bên đối tác nước ngoài sẽ được hoàn trả lại phần thuế lợi tức đã nộp (tương ứng với số lãi đưa vào tái đầu tư). Ngoài ra, Chính phủ còn có những ưu đãi về ngoại tệ cho các công ty cho thuê tài chính. Năm 1988, Ủy Ban Quản Lý Ngoại hối ban hành quy định về việc chi trả số tiền thuê bằng ngoại tệ cho các công ty cho thuê tài chính và các nguồn thu bằng

ngoại tệ từ hoạt động cho thuê được giao dịch thông qua tài khoản tiền gửi ngoại tệ.

- Thực hiện khuyến khích đầu tư nước ngoài dưới các hình thức các công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài nhằm tận dụng nguồn vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý của các công ty nước ngoài trong việc đổi mới các doanh nghiệp Trung Quốc.

- Thành lập hiệp hội cho thuê tài chính nhằm mục đích bảo vệ lợi ích cho hoạt động cho thuê tài chính, đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác của các công ty cho thuê tài chính. Thông qua hiệp hội mà họ đã đưa ra những vướng mắc chung và kêu gọi chính phủ có sự hỗ trợ và quan tâm đến các công ty cho thuê tài chính thành viên.

- Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện công tác cải tổ, sắp xếp lại toàn diện nền kinh tế Trung Quốc và chính sách mở cửa của Trung Quốc đang đi vào chiều sâu. Chế độ pháp luật, chính sách thuế và các hệ thống kế toán đang được hoàn chỉnh từng bước đây là cơ sở để Trung Quốc tiếp nhận và sẵn sàng phát triển sự hợp tác kinh doanh với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng và đôi bên cùng có lợi.

1.8.3. Hoạt động cho thuê tài chính ở Singapore

Các công ty cho thuê tài chính ở Singapore chỉ mới được thừa nhận từ những năm 1970. Hiện nay, có khoảng 20 công ty cho thuê tài chính đang hoạt động ở Singapore và đã trở thành một kênh cung cấp vốn cho các doanh nghiệp. Sở dĩ có sự thành công đó chính là nhờ các công ty cho

thuê tài chính ở Singapore đã tận dụng được những lợi thế từ những yếu tố trong nước cũng như ngoài nước.

- Hoạt động cho thuê tài chính ở Singapore không chỉ là nghiệp vụ của riêng các công ty cho thuê tài chính mà nó còn là nghiệp vụ phụ của các công ty tài chính khác và một số ngân hàng cũng tham gia nghiệp vụ này.

- Hầu hết các công ty cho thuê tài chính ở Singapore là công ty liên doanh giữa một bên là công ty tài chính địa phương và các đối tác nước ngoài. Các công ty địa phương luôn là đầu mối giao dịch tại nước sở tại vì họ quen với môi trường kinh doanh và khách hàng truyền thống còn các đối tác nước ngoài thì cung cấp trình độ chuyên môn, vốn, kỹ thuật, quản lý, vv...

- Các công ty cho thuê tài chính cùng với các tổ chức tài chính phi ngân hàng khác và các ngân hàng thành lập hiệp hội cho thuê tài chính Singapore (The leasing Association of Singapore – LAS). Hiệp hội cho thuê tài chính Singapore được thành lập vào tháng 8 năm 1981, chỉ sau 2 năm số thành viên lên tới 43, trong đó số thành viên đầy đủ là 40 bao gồm 12 công ty cho thuê tài chính, 20 công ty tài chính, 6 ngân hàng đầu tư, 1 công ty mua nợ (factoring) và 1 ngân hàng thương mại. Hiệp hội cho thuê tài chính Singapore đã tích cực thảo luận với MAS và The Inland Revenue department về các lĩnh vực liên quan đến thuế của hoạt động cho thuê tài chính. Theo yêu cầu của Bộ tài chính năm 1983. LAS đã có một cuộc nghiên cứu toàn diện để lập ra một khung pháp lý thích hợp nhất cho hoạt động cho thuê tài chính ở Singapore.

Tóm lại, các công ty cho thuê tài chính ở các nước có những bước đi không đồng nhất với nhau vì phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế – chính trị – xã hội ở từng quốc gia. Nhưng sự thành công vượt bậc của hoạt động cho thuê tài chính ở những nước này cho chúng ta rút ra được những kinh nghiệm quý báu, góp phần vào việc phát triển ngành công nghiệp cho thuê tài chính ở Việt Nam. Những nguyên nhân làm cho hoạt động cho thuê tài chính ở các nước này phát triển cũng là bài học cho sự phát triển hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam.

1. Nhà nước có sự quan tâm đặc biệt đến hoạt động cho thuê tài chính, cụ thể là có chính sách ưu đãi về thuế, hoạt động xuất nhập khẩu, và ngoại tệ.

2. Chú trọng, tích cực hình thành các công ty cho thuê tài chính liên doanh giữa các đối tác trong nước và các đối tác nước ngoài để tận dụng tối đa nguồn lực trong nước và quốc tế bao gồm cả vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, khách hàng, vv...

3. Đa dạng hóa các loại hình cho thuê tài chính để nhằm giảm tối đa chi phí và mang lại tiện ích tối đa cho khách hàng, đơn giản hóa tối đa thủ tục cho thuê.

4. Hình thành hiệp hội cho thuê tài chính, một mặt để bảo vệ quyền lợi chung cho các thành viên và tham gia thảo luận những vấn đề khó khăn để trình Chính phủ giải quyết. Ngoài ra, hiệp hội cũng là chủ thể tham gia góp ý vào các văn bản pháp lý tạo hành lang cho hoạt động cho thuê tài chính vì hơn ai hết họ là chủ thể trực tiếp chịu sự điều chỉnh của luật cho thuê tài chính.

5. Thành lập công ty cho thuê tài chính cổ phần, với các cổ đông là các định chế tài chính lớn như các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các công ty tài chính, các nhà sản xuất lớn và các cá nhân để tận dụng sức mạnh tài chính cũng như khách hàng một cách tối ưu nhất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Cho thuê tài chính là một hình thức tài trợ vốn trung và dài hạn dưới hình thức tài sản thay vì phải vay tiền để mua cho các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới thành lập. Bởi tính khả thi của hình thức này là không chú trọng đến quá khứ của doanh nghiệp xin tài trợ mà chú trọng đến tính khả thi của dự án. Do đó, việc phát triển loại hình cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay là một tất yếu vừa đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp và làm phong phú thêm nguồn tài trợ cho doanh nghiệp góp phần làm phát triển hệ thống tài chính Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG

CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

2.1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CHO THUÊ TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA

Mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2020, mà được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng cộng sản Việt Nam đưa ra là: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”, và chiến lược cũng nêu rõ: “phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm”. Những mục tiêu mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đưa ra là hết sức cần thiết cho sự phát triển và phồn thịnh của đất nước, nhất là trong điều kiện nền kinh tế toàn cầu hóa, khi Việt Nam tham gia đầy đủ vào AFTA, APEC và khi Hiệp định thương mại Việt – Mỹ đã được thông qua và tiến tới Việt Nam là thành viên đầy đủ của tổ chức thương mại thế giới (WTO). Để thực hiện được mục tiêu trên thì Việt Nam phải thực hiện hàng loạt các biện pháp, trong đó có một vấn đề nổi cộm là vốn cho sự phát triển kinh tế

nói chung và cho các doanh nghiệp nói riêng. Do đó việc ra đời loại hình tài trợ mới là một yêu cầu bức thiết đối với Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

2.1.1. Những yêu cầu đòi hỏi phải có loại hình cho thuê tài chính ở Việt Nam

2.1.1.1. Sự cần thiết phải đổi mới công nghệ - máy móc thiết bị

Ngày nay, với xu thế hội nhập với thế giới đây là thời cơ đồng thời là thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi phải cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế cũng như trong nước để tồn tại. Khi Việt Nam tham gia vào khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) thì mọi rào cản về thuế quan và hạn ngạch được xóa bỏ mà rào cản lúc này là yếu tố kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Đặc biệt là cuối năm 2001 Hiệp định thương mại Việt – Mỹ được Quốc hội phê chuẩn đã mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường Mỹ và cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi phải cạnh tranh với các doanh nghiệp Mỹ ngay trên thị trường trong nước. Do đó, để tồn tại và đứng vững trong cạnh tranh các doanh nghiệp Việt Nam phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, hạ giá thành, vv...

➤ Chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam chưa cao

So với thời kỳ bao cấp, hàng hóa ngày nay vô cùng phong phú cả về chủng loại, chất lượng, mẫu mã và chất lượng hàng hóa Việt Nam cũng được cải tiến rất nhiều để có thể cạnh tranh trên thị trường. Một số doanh nghiệp nhờ có đầu tư thỏa đáng, đã nâng cao đáng kể chất lượng sản phẩm

của mình, tạo nên uy tín trên thị trường trong nước cũng như trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, những doanh nghiệp tạo được vị thế trên thị trường quốc tế là rất ít ỏi. Mặc dù các doanh nghiệp Việt Nam đã rất cố gắng nâng cao chất lượng sản phẩm, nhưng “lực bất tòng tâm”, hay nói đúng hơn là chất lượng dù có cải thiện ít nhiều nhưng do thiết bị máy móc quá cũ kỹ, thiếu vốn do đó không sao chống đỡ nổi trước sự xâm nhập như vũ bão của hàng ngoại. Trên thị trường Việt Nam hiện nay, hàng hóa đủ mọi “quốc tịch” được bày bán tràn lan. Khi mới mở cửa, hàng tiêu dùng Thái Lan tràn vào, kế đến là hàng Trung Quốc, Đài Loan, rồi Nhật và bây giờ là hàng Mỹ,...

Còn hàng Việt Nam, trừ hàng lương thực, thực phẩm tươi sống, thì đang điêu đứng trước sự cạnh tranh không cân sức. Do nhiều yếu tố nhất là do máy móc thiết bị quá cũ kỹ, lạc hậu, không đồng bộ nên hàng Việt Nam sản xuất ra phần lớn giá thành cao, chất lượng kém, mẫu mã bao bì vẫn chưa thể sánh với hàng ngoại. Ngoài ra, còn có vô số các doanh nghiệp đang đứng trước sự cạnh tranh khốc liệt của hàng ngoại. Ngay cả những sản phẩm “vang bóng một thời” như nước ngọt Tribeco trước sự xuất hiện của hai chàng khổng lồ Pepsi cola và Coca cola, phải đành ngậm ngùi rút lui chạy về các tỉnh lẻ. Hay như kem đánh răng Dạ Lan vang bóng một thời nay đã nhường chỗ cho Colgate của Mỹ, Close-up của Thái. Ngành bột giặt là một trong những thế mạnh của công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, trước khi có sự xuất hiện của những Công ty liên doanh Lever-Viso, Haso-Lever, P&G - Việt Nam, Công ty Tico của Sở Công nghiệp làm ăn rất thuận lợi, sản phẩm bột giặt và xà bông thơm có chỗ

đứng vững chắc trên thị trường thành phố. Nay trước sự cạnh tranh của các tập đoàn khổng lồ thì Tico chỉ còn sản xuất bột giặt cầm chững và nay thì đã rút lui khỏi thị trường.

Trên đây là những ví dụ điển hình, hiện còn vô số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất lớn nhỏ phải lao đao, ngắc ngoãi vì không có vốn đầu tư cho sản xuất lại không tiêu thụ được hàng hóa. Liệu mai đây, khi các tên tuổi nước ngoài đã đứng vững ở thành thị rồi, lại tiếp tục bung ra thị trường các tỉnh thì các doanh nghiệp Việt Nam có giữ được chút thị phần bé nhỏ của mình không?

Đó là thị trường trong nước, còn thị trường nước ngoài thì sao? Trong những năm gần đây mặc dù Việt Nam đã cố gắng trong việc chiếm lĩnh thị trường nhưng hàng hóa của Việt Nam không thể cạnh tranh được với các hàng hóa trong khu vực về giá cả, chủng loại, mẫu mã một phần là do thiết bị quá cũ kỹ.

Ngoài ra, để đảm bảo cạnh tranh trên thị trường không những trong nước mà cả ngoài nước thì hàng hóa Việt Nam phải tiến tới đạt tiêu chuẩn ISO. Trong quá trình xúc tiến để được công nhận ISO nhằm nâng cao cạnh tranh, mở rộng thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam cần chuẩn bị nhiều yếu tố mà trong đó yếu tố thiết bị, công nghệ phù hợp là điều không thể thiếu được.

➤ *Thực trạng máy móc thiết bị của các doanh nghiệp tại Việt Nam*

Từ khi nhà nước ban hành chính sách mở cửa, môi trường Kinh tế bắt đầu thay đổi. Trước những thử thách khắc nghiệt của nền kinh tế thị trường, những doanh nghiệp đều phải tự vận động, vươn lên đổi mới không

ngừng để tồn tại, nâng cao sức cạnh tranh, tìm chỗ đứng trên thị trường, giải pháp “chất lượng sản phẩm” luôn là giải pháp căn cơ nhất của bất cứ nhà làm ăn chân chính nào. Để thực hiện giải pháp này, máy móc, thiết bị, công nghệ phù hợp là điều không thể thiếu được. Chính vì vậy, qua những năm gần đây, trên các phương tiện truyền thông chúng ta thường bắt gặp những mẫu tin như công ty A vừa nhập thiết bị X ước tính nâng năng suất tăng 5 - 7 lần với chất lượng tương đương hàng ngoại nhập. Đây chính là dấu hiệu đáng mừng cho nền kinh tế Việt Nam trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Tuy vậy, những trường hợp như trên chỉ như muối bỏ biển so với nhu cầu đổi mới thiết bị và công nghệ của các doanh nghiệp. Hầu hết các trang thiết bị ở Việt Nam hiện đang sử dụng đều từ thời những năm 50 - 60. Theo đánh giá của các chuyên gia công nghệ ASEAN, mức độ công nghệ, trang thiết bị của Việt Nam lạc hậu từ hai đến năm thế hệ so với các nước đang phát triển trong khu vực, còn tỷ lệ đổi mới trang thiết bị trung bình hàng năm ở Việt Nam chỉ khoảng 5 - 7%.^[16] Trong khi đó, hệ số đổi mới máy móc thiết bị của thế giới hiện nay là khoảng 20% năm.

Thực trạng công nghệ Việt Nam đang là một vấn đề nhức nhối, làm đau đầu các nhà hoạch định chính sách phát triển công nghệ, hiện đại hóa nền kinh tế đất nước. Theo một cuộc khảo sát gần đây thì các doanh nghiệp Việt Nam chỉ có 17% thiết bị hiện đại, 52% thiết bị trung bình và 31% thiết bị lạc hậu.^{[2], [31]}

Bảng 2.1: Tỷ lệ hao mòn hữu hình và vô hình của một số ngành

Ngành	Hao mòn hữu hình %	Ngành	Hao mòn vô hình %
- Công nghiệp luyện kim	50	- Giao thông vận tải	00
- Công nghiệp thực phẩm	49	- Hóa chất	50
- Công nghiệp nhẹ	46	- Sành sứ	40
		- Than	36

Nguồn: Sở công nghiệp Tp.HCM^{[2], [31]}

Ở các nước, khi máy móc hao mòn khoảng 70% là phải được thanh lý, còn ở Việt Nam nếu áp dụng các chỉ tiêu này thì phải tiến hành thanh lý hàng loạt.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, nơi được coi là có trình độ công nghệ khá nhất nước thì máy móc thiết bị cũng đã thuộc vào thời kỳ những năm 70 so với thế giới. Qua cuộc điều tra, thống kê tình hình thiết bị, đổi mới công nghệ do Cục thống kê thành phố Hồ Chí Minh tiến hành cho thấy thực trạng máy móc thiết bị tại các doanh nghiệp Việt Nam đáng báo động, cụ thể ở một số ngành như sau:

- Cơ khí và điện: thiết bị lạc hậu chiếm 74%, 15% trung bình, 11% tiên tiến; công nghệ thiếu đồng bộ và yếu ở các khâu: tạo phôi, nhiệt, luyện, gia công chính xác và thiết bị đo lường cao cấp.

- Ngành dệt, nhuộm: phần lớn thiết bị thuộc thế hệ nhập trước 1975, dùng công nghệ dệt thoi. Bình quân toàn ngành gồm 57,4% thiết bị lạc hậu, 38,3% thiết bị trung bình và 4,3% thiết bị tiên tiến; trong đó chỉ có

công ty Dệt may Nam Định đạt 45% thiết bị tiên tiến và 55% thiết bị lạc hậu.

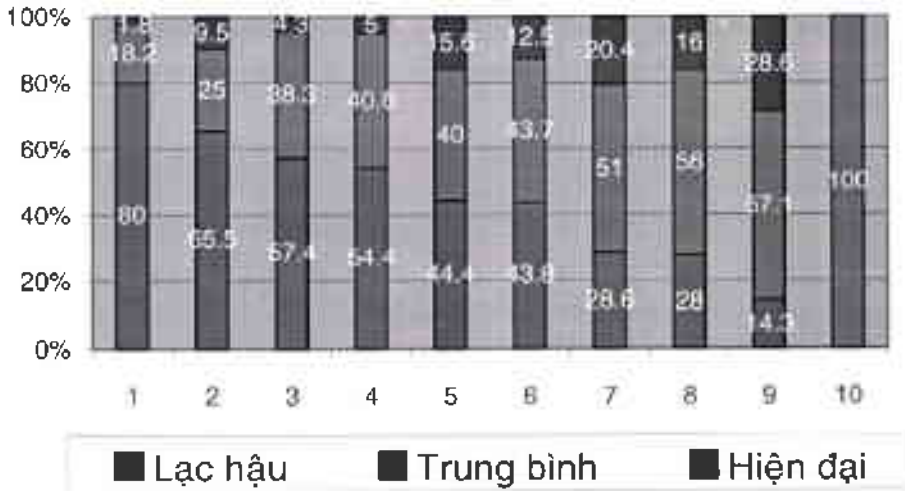
- Ngành điện, điện tử: Công nghệ chủ yếu là lắp ráp dạng CKD các sản phẩm dân dụng; trình độ tự động hóa và năng suất còn thấp. Chưa có công nghệ chế tạo linh kiện và các thiết bị chuyên dùng. Tuy nhiên thiết bị hiện đại cũng chiếm 28,6% và thiết bị lạc hậu chỉ chiếm 14,3% và 57% là thiết bị trung bình.

- Ngành giấy: Có 68% thiết bị lạc hậu, 22% thiết bị trung bình và chỉ có 20% thiết bị tiên tiến.

- Ngành may: Hầu hết thiết bị đều có công nghệ ở mức trung bình chiếm 51% thiết bị lạc hậu chiếm 28,6% và hiện đại 24,4%.

- Ngành nhựa cao su: Tính chung khoảng 54,4% thiết bị lạc hậu, 40,6% thiết bị trung bình và chỉ có 5% thiết bị tiên tiến, riêng công ty Rubimex số máy móc thiết bị lạc hậu chỉ chiếm 20% còn 80% là thiết bị tiên tiến.

- Ngành hóa chất: Tính chung khoảng 44,4% thiết bị lạc hậu và 15,6% thiết bị tiên tiến.



- | | |
|-------------------------------------|-----------------------------|
| 1. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng | 6. Ngành da và giả da |
| 2. Ngành thực phẩm | 7. Ngành may mặc |
| 3. Ngành dệt, nhuộm | 8. Ngành in |
| 4. Ngành nhựa cao su | 9. Ngành điện, điện tử |
| 5. Ngành hóa chất | 10. Ngành chế biến thuốc lá |

Biểu đồ 2.2: Trình độ công nghệ theo ngành kinh tế
 Nguồn: Tổng cục thống kê [31], [42, tr. 248], [43]

Thực tế cho thấy hầu hết các ngành kinh tế máy móc thiết bị có trình độ lạc hậu chiếm đại đa số và chủ yếu lại tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ được minh chứng qua biểu đồ 2.3.

Đứng trước thực trạng này, các doanh nghiệp Việt Nam muốn tồn tại và hòa nhập với các nước trong khu vực thì không có con đường nào khác hơn là đầu tư đổi mới thiết bị.

Tuy nhiên, một thực trạng hiện nay là có một số máy móc thiết bị mới được nhập về trong thời gian gần đây cũng không phải không có vấn đề. Trong một cuộc kiểm tra hơn 700 thiết bị và ba dây chuyền công nghệ

Theo đánh giá chung, từ khi có luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, một số doanh nghiệp Việt Nam tham gia liên doanh với nước ngoài đã được tăng cường nhanh về công nghệ và thiết bị, sản xuất được một số sản phẩm có chất lượng khá để xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên cần phải nhìn nhận rằng công nghệ chuyển giao vào trong nước, từ vài lĩnh vực vẫn còn một số dự án áp dụng công nghệ và thiết bị lạc hậu, thiết bị đã bị sa thải do đổi mới công nghệ của các công ty ở nước ngoài.

Đó là về công nghiệp, còn nông nghiệp thì sao? Việc trang bị máy móc, nông cụ trong quá trình cơ giới hóa sản xuất ở nông thôn tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, là phù hợp với bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ, nông thôn cả nước có 41.750 máy kéo, 246.000 máy bơm nước, 52.000 máy xay xát, gần 100.000 máy có động cơ các loại và hàng trăm ngàn các loại công cụ cơ khí phục vụ sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản. Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo số liệu của cuộc tổng điều tra nông nghiệp và nông thôn của tổng cục thống kê, nông nghiệp toàn Thành phố HCM có 319 máy kéo lớn, 1.127 máy kéo nhỏ, 1.200 động cơ nổ, 1.198 động cơ điện, 291 ô tô, 1.567 tàu thuyền vận tải cơ giới, 729 tàu thuyền đánh cá cơ giới, 50.849 máy bơm nước, 301 máy tuốt lúa, 704 máy xay xát, 58 máy nghiền thức ăn gia súc, 327 máy cưa xẻ gỗ. Tổng công suất máy kéo lớn là 9.272 sức ngựa, máy kéo nhỏ là 9.292 sức ngựa, số lượng máy kéo nhỏ nhiều gấp 3,5 lần máy kéo lớn, nhưng tổng công suất thì tương đương nhau.

Trong quá trình chuẩn bị đi lên công nghiệp hóa, địa bàn cơ giới hóa nông nghiệp ở vùng nông thôn ngoại thành ngày càng mở rộng. Ở Củ Chi

có xã như Trung Lập Thượng đến nay đã cơ giới hóa khâu làm đất 80% diện tích và cơ giới hóa khâu đập tuốt lúa 70% tổng sản lượng lúa thu hoạch. Làm đất bằng máy chỉ tốn 180.000 đồng/ha, trong khi đó làm đất bằng trâu bò tốn 250.000 đồng/ha. Cơ giới hóa nông nghiệp có lợi cho người nông dân và người chủ máy đi làm thuê.

Nhìn chung công nghiệp hóa nông nghiệp đã có những bước tiến nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của công nghiệp hóa, cũng như chưa phù hợp với vị trí và tiềm năng của Việt Nam.

Như vậy, các doanh nghiệp Việt Nam muốn đứng vững trong cạnh tranh thì không ngừng phải nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, cải tiến mẫu mã. Để làm được điều này phải có máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại, nhưng các công nghệ máy móc, thiết bị ở Việt Nam rất lạc hậu cần phải đổi mới hàng loạt, đây là tiềm năng lớn cho phát triển loại hình cho thuê tài chính.

2.1.1.2. Các hình thức tài trợ khác chưa thể đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư để thay thế thiết bị và đổi mới công nghệ

Theo chiến lược phát triển ngành được Chính phủ duyệt thì nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2001 – 2005 cho ngành công nghiệp vật liệu xây dựng vào khoảng 22.323 tỷ đồng, ngành công nghiệp dệt may khoảng 35.000 tỷ đồng trong đó vốn cho đầu tư chiều sâu vào khoảng trên 30% tổng vốn đầu tư toàn ngành.

Theo số liệu dự báo của ngành giao thông vận tải thì nhu cầu về vốn để thực hiện các hạng mục công trình của ngành đến năm 2010 là rất lớn, riêng kinh phí xây dựng hệ thống giao thông thủy giai đoạn 2001 – 2010

khoảng 3.600 triệu USD. Ngoài ra, còn vô số các hạng mục của các ngành các lĩnh vực khác, song các ngành này thậm chí cũng chưa xác định rõ sẽ tìm nguồn vốn tài trợ cho các nhu cầu vốn này ở đâu?

Câu hỏi làm thế nào để giải quyết nhu cầu vốn đầu tư cho công nghiệp hóa - hiện đại hóa đang là câu hỏi đặt ra cho các ngành và cho các doanh nghiệp.

Với nhu cầu vốn lớn như vậy thì các phương thức tài trợ truyền thống chưa thể đáp ứng được, có thể đánh giá mức độ đáp ứng các nhu cầu này từ các nguồn hiện có của doanh nghiệp.

- Nguồn vốn từ ngân sách. Đây là nguồn vốn mà chỉ các doanh nghiệp nhà nước mới có thể có được. Tuy nhiên, hiện nay nhà nước đang tiến hành sắp xếp lại các doanh nghiệp và chủ trương tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, nhà nước sẽ chỉ tập trung đầu tư các doanh nghiệp trọng điểm, ngành mũi nhọn có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Do đó, nguồn vốn này không phải là một phương cách tốt cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị.

- Nguồn vốn tự bổ sung cho doanh nghiệp. Đây là nguồn được tạo lập bởi hai nguồn: nguồn vốn khấu hao cơ bản và nguồn vốn tích lũy từ lợi nhuận của doanh nghiệp.

+ Nguồn vốn khấu hao cơ bản là nguồn vốn thu hồi lại để mua sắm tài sản, máy móc thiết bị thay thế cho các loại thiết bị đã lạc hậu. Tỷ lệ khấu hao thường phải tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và có tác động đến giá thành sản phẩm. Theo các văn bản hiện hành thì việc quy định tỷ lệ khấu hao hiện nay là rất thấp so với tốc độ hao mòn nhất là hao

mòn vô hình của các loại tài sản máy móc thiết bị, nên nguồn vốn tạo được từ trích lập khấu hao là rất nhỏ. Chẳng hạn trong ngành dệt may, máy dệt có mức khấu hao cơ bản là 9%/năm, máy may là 8%/năm, máy nhuộm là 8%/năm, vv.. Đa số mức khấu hao cơ bản của các loại máy móc thiết bị nằm trong mức 7 – 10%/năm. Do đó phải khấu hao chúng trong vòng 10 – 15 năm mới hết, đây là một trong những nguyên nhân làm giảm tốc độ đổi mới máy móc thiết bị. Ngoài ra, để tăng nguồn vốn từ khấu hao cơ bản bằng cách tăng mức khấu hao thì sẽ làm giảm doanh thu của doanh nghiệp cho nên cơ quan thuế sẽ có ý kiến. Do đó hiện nay nguồn vốn tạo lập từ khấu hao sẽ không thể là phương án tối ưu để đầu tư đổi mới thiết bị.

+ Riêng đối với nguồn vốn tích lũy từ lợi nhuận, việc hình thành nguồn vốn này hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhà nước còn phụ thuộc vào mức trích do Bộ tài chính quy định. Trên thực tế tình trạng các doanh nghiệp nhà nước thường lãi ít, thậm chí có doanh nghiệp bị lỗ. Còn các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì phần lớn quy mô còn rất nhỏ. Do đó khả năng tích lũy từ lợi nhuận không cao.

- Vốn vay từ ngân hàng. Đây là nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn đối với các doanh nghiệp, song muốn vay được, các doanh nghiệp phải đảm bảo đúng các yêu cầu ràng buộc của luật tổ chức tín dụng như có tài sản thế chấp, tín chấp, vv.. Mặc dù hiện nay Chính phủ đã ban hành nghị định 178 - CP về quy định cơ chế đảm bảo tiền vay, nhằm mở rộng thông thoáng hơn các quy định trước đây, tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp

vay vốn. Song các tổ chức tín dụng cũng rất hạn chế với các loại cho vay trung và dài hạn và nhất là đối với các món vay không có thế chấp tài sản.

- Vốn tự huy động trên thị trường. Hiện nay, quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp đang diễn ra hết sức chậm chạp, các công ty chưa phải là công ty cổ phần nên chưa được phép phát hành chứng khoán để huy động vốn trên thị trường tài chính. Mặt khác, do thị trường tài chính Việt Nam đang ở giai đoạn đầu nên chưa phát triển do đó khó có thể dựa vào thị trường tài chính mà huy động.

- Vốn vay từ các tổ chức nước ngoài. Các tổ chức nước ngoài như IMF, ADB thường cung cấp các khoản cho vay với lãi suất thấp hơn các ngân hàng rất nhiều. Điều này đã kích thích các doanh nghiệp Việt Nam khao khát kiếm được nguồn tài trợ này. Tuy nhiên, bên cạnh việc các tổ chức này yêu cầu các doanh nghiệp Việt Nam phải có ngân hàng bảo lãnh, mà điều này không phải doanh nghiệp nào cũng được ngân hàng bảo lãnh. Ngoài ra, để được khoản vay này Việt Nam phải thực hiện các cam kết do phía tài trợ đưa ra có khi không có lợi về mặt chính trị. Như vậy, nguồn vốn này cũng chỉ đáp ứng một phần rất nhỏ trong việc đổi mới máy móc thiết bị cho số ít các doanh nghiệp Việt Nam mà thôi.

- Liên doanh , liên kết với các tổ chức nước ngoài. Từ khi có luật đầu tư nước ngoài, đã thu hút nguồn vốn ở nước ngoài vào Việt Nam ngày càng nhiều. Năm 2002 có tới 697 dự án với số vốn đăng ký gần 1,4 tỷ USD^[43]. Chính nhờ vậy, nguồn vốn này đã góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất cho nền kinh tế đang đói vốn trầm trọng ở Việt Nam. Nhờ nguồn đầu tư này, một số liên doanh đã được thành lập giúp cho các doanh

nghiệp có điều kiện mở rộng sản xuất, thoát khỏi tình trạng thiếu vốn đầu tư. Do phía nước ngoài góp vốn phần lớn bằng máy móc, thiết bị nên các doanh nghiệp Việt Nam có dịp tiếp cận với những loại máy móc, công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, trong mấy năm vừa qua, một số vụ tiêu cực tại các liên doanh đã bị phanh phui, đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ loại hình này. Hiện tượng khá phổ biến là việc khai khống giá máy móc nhập vào các công ty liên doanh. Nhiều máy móc góp vào đều là thiết bị cũ được tân trang lại. Theo khảo sát của Bộ công nghiệp ở 42 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho thấy phía Việt Nam đã thiệt hại đến 50 triệu USD. Trong năm 1995, công ty Société Général de Surveillance (SGS) của Thụy Sĩ, được sự ủy nhiệm của Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI) đã tiến hành giám định việc nhập khẩu thiết bị vật tư để góp vốn ở 12 công ty liên doanh với các đối tác nước ngoài đang hoạt động ở Việt Nam. Kết quả, 6/12 công ty bị phía nước ngoài khai khống giá trị tài sản tổng cộng trên 13 triệu USD. Trên đây chỉ mới nêu ra một kiểu gian lận của đối tác nước ngoài, trên thực tế các vụ vi phạm thật thiên hình vạn trạng mà đối tác Việt Nam do còn non yếu trên thương trường không thể lường trước được, gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế của đất nước nói chung, các doanh nghiệp nói riêng.

Qua phân tích cho thấy các phương thức tài trợ trên chưa thể đáp ứng được nhu cầu về vốn rất lớn của các doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây chính là một trong những tiền đề cho sự ra đời và phát triển hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam.

2.1.2. Sự ra đời và phát triển ngành cho thuê tài chính ở Việt Nam

Nhu cầu vốn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng là rất lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhưng các phương thức tài trợ hiện hữu không đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp. Với ưu thế của loại hình cho thuê tài chính là có thể đáp ứng được nhu cầu vốn của các doanh nghiệp mà các phương thức tài trợ khác chưa thỏa mãn được. Do đó, với sự quyết tâm của Chính phủ hoạt động cho thuê tài chính đã chính thức đưa vào áp dụng tại Việt Nam và được đánh dấu bằng Nghị định 64/CP ngày 9/10/1995 của Chính phủ về việc ban hành quy chế tạm thời về hoạt động của các công ty cho thuê tài chính đã chính thức đưa hoạt động cho thuê tài chính vào áp dụng ở Việt Nam.

Tính đến thời điểm này, Ngân hàng Nhà nước đã xem xét và cấp Giấy phép hoạt động (GPHĐ) cho 9 công ty cho thuê tài chính (trong đó 1 công ty cho thuê tài chính có vốn nước ngoài đã sát nhập vào công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương), cụ thể:

- Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHĐ năm 1996, là công ty liên doanh giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam và 4 đối tác nước ngoài với số vốn điều lệ khi thành lập là 5 triệu USD.

- Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam (KVLC) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHĐ năm 1996, là công ty 100% vốn của Hàn Quốc với số vốn điều lệ khi thành lập là 10 triệu USD.

- Công ty cho thuê tài chính Việt Nam (VLC) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHE năm 1997, là công ty liên doanh giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và 2 đối tác nước ngoài của Nhật Bản với số vốn điều lệ khi thành lập là 10 triệu USD. Do khó khăn của các đối tác Nhật Bản, tháng 4 năm 2001 Ngân hàng Nhà nước đã cho phép công ty này sát nhập vào công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương.

- Công ty cho thuê tài chính ANZ V - TRAC (ANZ V - Trac) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHE năm 2000, là công ty 100% vốn của Ngân hàng ANZ (Australia) và tập đoàn V - Trac (Hoa Kỳ) với số vốn điều lệ khi thành lập là 5 triệu USD.

- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICBLC) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHE năm 1998, là công ty trực thuộc Ngân hàng Công thương Việt Nam với số vốn điều lệ khi thành lập là 55 tỷ đồng, hiện nay là 75 tỷ đồng.

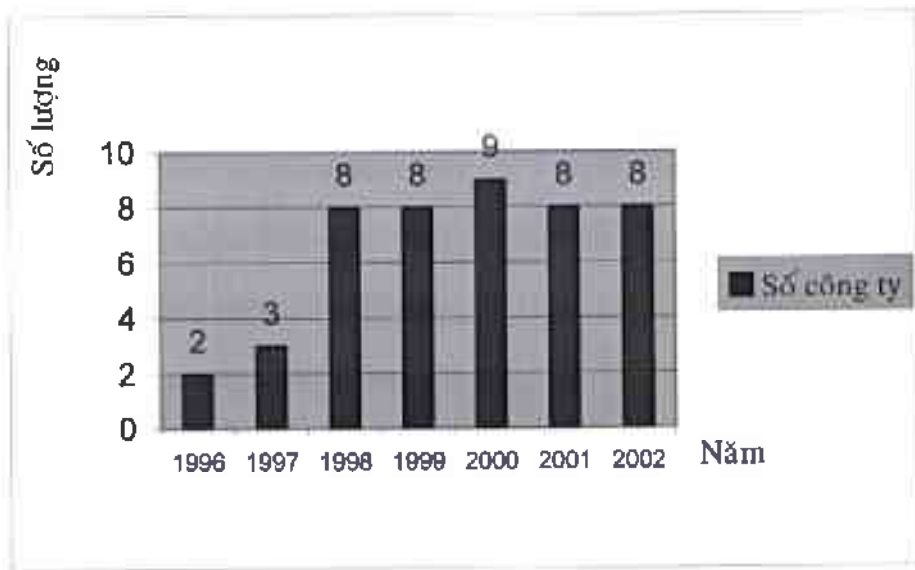
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDVLC) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHE năm 1998, là công ty trực thuộc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ khi thành lập là 55 tỷ đồng, hiện nay là 102 tỷ đồng.

- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBLC) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHE năm 1998, là công ty trực thuộc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với số vốn điều lệ khi thành lập là 55 tỷ đồng, hiện nay là 75 tỷ đồng.

- Công ty cho thuê tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp (ALC I) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPHE năm 1998, là công ty trực thuộc

Ngân hàng Nông nghiệp với số vốn điều lệ khi thành lập là 65 tỷ đồng, hiện nay là 100 tỷ đồng.

- Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp (ALC II) được Ngân hàng Nhà nước cấp GPXH năm 1998, là công ty trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp với số vốn điều lệ khi thành lập là 55 tỷ đồng, hiện nay là 100 tỷ đồng.



Biểu đồ 2.4: Tốc độ tăng trưởng của công ty cho thuê tài chính^[26]

Như vậy, từ khi ban hành Nghị định 64/CP của Chính phủ về quy chế tạm thời về hoạt động cho thuê tài chính và ban hành luật các tổ chức tín dụng đã tạo hành lang pháp lý cho sự ra đời của các công ty cho thuê tài chính, chỉ riêng trong năm 1998 Ngân hàng Nhà nước đã cấp giấy phép cho 5 công ty cho thuê tài chính ra đời và hoạt động nâng tổng số công ty cho thuê tài chính trong năm 1998 lên 8 công ty. Có thể nói tốc độ tăng trưởng của các công ty cho thuê tài chính khá nhanh và đã phần nào đáp

ứng được nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, cho đến nay thì con số đó vẫn không tăng mà chỉ dừng lại 8 công ty.

2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA

Qua hơn 7 năm tồn tại và phát triển, hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam đã đạt được những thành quả nhất định. Bên cạnh đó cũng đang tồn tại một số vấn đề cần phải khắc phục. Việc nghiên cứu thực trạng để tìm ra những nguyên nhân nhằm giải quyết những tồn tại và phát huy tính ưu việt để cho hoạt động cho thuê tài chính ngày càng phát triển góp phần vào việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

2.2.1. Những thành tựu đạt được trong thời gian qua

Hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam đã chính thức đi vào hoạt động và được đánh dấu bằng Nghị định 64/CP ngày 9/10/1995 của Chính phủ về việc ban hành quy chế tạm thời về hoạt động của các công ty cho thuê tài chính. So với các nước trong khu vực thì sự ra đời của hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam có phần muộn màng nhưng nó hoàn toàn cần thiết và phù hợp với xu thế của thế giới và tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa, tiến tới hội nhập với kinh tế thế giới và khu vực. Mặc dù, hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam còn non trẻ nhưng qua hơn 7 năm hoạt động đã đạt những thành tựu nhất định và đóng góp rất lớn cho nền kinh tế và xã hội.

2.2.1.1. Hoàn thiện dần hệ thống luật tài chính ngân hàng ở Việt Nam

Trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cần phải có hệ thống pháp luật rõ ràng đồng bộ. Sự ra đời của hệ thống các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động cho thuê tài chính trong thời gian qua bước đầu làm hoàn thiện dần hệ thống luật tài chính ngân hàng ở Việt Nam.

Ngay từ năm 1993, Công ty tài chính quốc tế (IFC) đã tư vấn cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu và soạn thảo quy chế về cho thuê tài chính nhằm đưa công nghệ cho thuê tài chính áp dụng vào Việt Nam. Nhưng mãi đến ngày 27 tháng 5 năm 1995 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mới ban hành thể lệ tín dụng thuê mua (Quyết định 149/QĐ – NH5) và ngày 9/10/1995 Chính phủ đã ban hành Nghị định 64/CP về “Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam,” Thông tư số 03/TT-NH5 của Ngân hàng Nhà nước, thông tư số 07/TT-BKH/ĐT của Bộ Kế hoạch đầu tư, thông tư số 61/TT-TCT của Tổng cục thuế - Bộ tài chính, và gần đây là Nghị định 16/CP của Chính phủ về hoạt động cho thuê tài chính ban hành ngày 2 tháng 5 năm 2001, và thông tư 08/2001 TT-NHNN ngày 6/9/2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/CP. Như vậy, cùng với các Nghị định, thông tư và Luật các tổ chức tín dụng ban hành ngày 26/12/1997, Thông tư 01/2003/TT – NHNN hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn đối với hoạt động cho thuê tài chính, Quyết định số 18/NHNN – CSTT về việc hướng dẫn giao dịch cho thuê tài chính được thực hiện bằng ngoại tệ và một số văn bản pháp luật khác liên

quan như luật doanh nghiệp, luật dân sự, luật khuyến khích đầu tư trong nước, luật khuyến khích vốn đầu tư nước ngoài, luật bảo vệ môi trường, Nghị định 178/2000/NĐ-CP về quy chế đảm bảo tiền vay, vv.. đã tạo được một hành lang pháp lý cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển và làm hoàn thiện dần hệ thống luật trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nhằm đáp ứng được yêu cầu của hội nhập.

Sự ra đời của hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động cho thuê tài chính đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển loại hình tài trợ này, đặc biệt là sự ra đời của Nghị định 16/CP đã giải quyết một số tồn tại của Nghị định 64/CP về Quy chế tạm thời về hoạt động cho thuê tài chính đã tồn tại trong suốt gần 6 năm, nổi bật nhất của Nghị định 16/CP là:

- Công ty cho thuê tài chính được thực hiện hình thức mua rồi cho thuê lại, đây là một trong những điều chỉnh quan trọng nhằm giải quyết được nhu cầu tái cấu trúc vốn cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp giảm được khó khăn về vốn lưu động và nhờ đó làm tăng thêm các giao dịch cho thuê tài chính, hoạt động cho thuê tài chính được sôi động hơn cả về số lượng cũng như chủng loại.

- Đối tượng cho thuê được mở rộng hơn, bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh, đây là một bước mở rộng đối tượng thuê tài chính song nó còn vướng mắc ở chỗ hiểu như thế nào là cá nhân kinh doanh. Ngoài ra, những đối tượng không kinh doanh nhưng có nhu cầu mua sắm, trang bị thêm tài sản chưa được đề cập đến.

- Công ty cho thuê tài chính ngoài việc được phép phát hành trái phiếu, vay vốn từ các tổ chức dụng khác còn được huy động tiền gửi trên một năm để bổ sung vốn kinh doanh. Như vậy, các công ty cho thuê tài chính sẽ có năng lực tài chính mạnh hơn, nguồn vốn mạnh hơn để mở rộng thêm khách hàng cũng như nâng mức tài trợ cho bên thuê.

2.2.1.2. Đa dạng hóa các loại hình tài trợ góp phần hoàn thiện thị trường tài chính ở Việt Nam

Qua hơn 17 năm thực hiện chính sách đổi mới Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định song thị trường tài chính, một lĩnh vực nhạy cảm và là huyết mạch của nền kinh tế chưa được phát triển và hoàn thiện. Trước năm 1995 thị trường tài chính của Việt Nam hầu như chỉ có hoạt động của thị trường tiền tệ, còn thị trường vốn thì chưa được hình thành. Sự ra đời của hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam đánh dấu một bước tiến trong việc từng bước hoàn thiện dần thị trường tài chính Việt Nam tạo ra nhiều kênh tài trợ cho các doanh nghiệp.

2.2.1.3. Góp phần đáp ứng được nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp thông qua việc cho thuê tài sản

Hoạt động cho thuê tài chính với những lợi ích to lớn mà chúng mang lại đã trở thành loại hình tài trợ vốn trung và dài hạn được nhiều doanh nghiệp đón nhận nhằm trang bị và đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị. Theo báo cáo tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước thì đến cuối năm 2002 thì tổng doanh số cho thuê của các công ty cho thuê tài chính đạt trên 2.544,5 tỷ đồng, với hàng trăm dự án được tài trợ của các doanh nghiệp

quốc doanh và ngoài quốc doanh trên nhiều lĩnh vực khác nhau như giao thông vận tải, xây dựng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, bệnh viện, nông nghiệp, vv....

Bảng 2.2: Doanh số cho thuê tài chính của các công ty CTTC

Đơn vị: tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2000	NĂM 2001	NĂM 2002
1	Tổng các công ty CTTC	804,4	1.535,2	2.544,5
1.1	VCBLC	42,2	109,0	195,7
1.2	ICBLC	90,8	198,0	289,0
1.3	ALC I	98,4	229,3	387,2
1.4	ALC II	177,5	1334,2	584,1
1.5	BIDVLC	91,3	257,0	518,5
1.6	VILC	149,2	193,3	247,3
1.7	KVLC	147,6	197,0	295,7
1.8	ANZ V – Trac	7,2	17,4	27,0
2	Tổng các công ty CTTC tại Tp.HCM	474,3	724,5	1.287,1

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam⁽²⁴⁾

Nhờ có hoạt động cho thuê tài chính, nhiều doanh nghiệp từ tình trạng khó khăn không có vốn, máy móc thiết bị cũ kỹ, giá thành cao, chất lượng sản phẩm kém nay đã được mở rộng sản xuất, thay đổi được công nghệ tạo ra được nhiều sản phẩm có chất lượng cao với giá thành hạ có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế.

Ngoài ra, hoạt động cho thuê tài chính Việt Nam ra đời và đi vào hoạt động không những đóng góp vào sự thành công của nền kinh tế – tài chính mà còn có tác động tích cực cho xã hội, được thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Góp phần tạo thêm nhiều việc làm mới và tạo thu nhập cho người lao động nhờ năng lực sản xuất được mở rộng.
- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do việc thay thế các thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm bằng những thiết bị mới, tiên tiến hiện đại.
- Góp phần thực hiện cuộc cách mạng công nghệ vì hầu hết các tài sản cho thuê tài chính là những tài sản có hàm lượng tri thức cao được nhập khẩu từ nước ngoài, nhờ đó không những trực tiếp tạo ra bộ mặt mới về công nghệ sản xuất mà còn gián tiếp kích thích các ngành chế tạo máy móc trong nước nghiên cứu chế tạo ra những sản phẩm có khả năng thay thế.

2.2.1.4. Có cơ cấu nhân sự gọn nhẹ

Hầu hết các công ty cho thuê tài chính được biên chế gọn nhẹ với số cán bộ công nhân viên không nhiều. Một mặt, do các công ty chưa mở rộng mạng lưới chi nhánh, mặt khác chưa mở rộng được nhiều khách hàng cho thuê. Tổng số cán bộ công nhân viên của 08 công ty cho thuê tài chính tính đến 6/2002 là 224 người, trong đó: VCBLC 27 người, ICBLC 36 người, ALC I 35 người, ALC II 50 người, BIDVLC 35 người, VILC 23 người, KVLC 12 người và ANZ V -Trac 6 người.^[26]

Hầu hết các cán bộ của các công ty cho thuê tài chính trong nước được tuyển chuyển từ ngân hàng mẹ. Tỷ lệ có trình độ Đại học cao hơn so với hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, khi tiếp cận với nghiệp vụ cho thuê tài chính cũng còn bỡ ngỡ vì chưa được đào tạo một cách chính quy.

2.2.1.5. Hoạt động của các công ty cho thuê tài chính bước đầu có lợi nhuận

Mặc dù thời gian và quy mô hoạt động của các công ty cho thuê tài chính chưa nhiều, nhưng các công ty cho thuê tài chính đã từng bước ổn định hoạt động của mình và bước đầu có lãi. Tính riêng trong năm 2002, các công ty cho thuê tài chính đều có lợi nhuận và đạt con số toàn ngành trên 36 tỷ đồng đạt 4,5% so với vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, một số công ty do nhiều nguyên nhân gây ra nên hoạt động kinh doanh chưa có lợi nhuận và bị lỗ cụ thể như trường hợp của công ty cho thuê tài chính Kexim (bảng 2.3).

Bảng 2.3: Tổng hợp lỗ – lãi đã hạch toán trong năm của các công ty CTTC

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2000	2001	2002
Toàn ngành	38.588	10.535	36.012
VCBLC	5.340	6.823	6.122
ICBLC	4.732	6.632	6.951
ALC I	2.837	2.976	5.292
ALC II	6.333	5.546	7.004
BIDVLC	6.611	5.730	11.606
VILC	8.250	13.932	8.221
KVLC	5.181	- 30.746	- 9.633
ANZ V – Trac	- 696	- 358	449

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

2.2.2. Những tồn tại của hoạt động cho thuê tài chính trong thời gian qua

Mặc dù hoạt động cho thuê tài chính trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam chưa thực sự phát triển ngang tầm với tiềm năng vốn có của nó điều này được khái quát qua những tồn tại sau:

2.2.2.1. Các công ty cho thuê tài chính không được phân bố đều giữa các vùng miền

Cho đến nay có 08 công ty cho thuê tài chính đang hoạt động tại Việt Nam. Trong đó có 05 công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở chính tại Hà Nội (Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương, công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương, công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Đầu tư và phát triển, công ty cho thuê tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và công ty cho thuê tài chính ANZ V-Trac) và 03 công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh (Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp, Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, công ty cho thuê tài chính Kexim).

Ngoài ra, một số công ty đã mở rộng mạng lưới của mình thông qua việc mở chi nhánh ở các địa phương, cụ thể: Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp đã mở 02 chi nhánh tại TP. Đà Nẵng (năm 2001) và Cần Thơ (năm 2002); công ty cho thuê tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp đã mở 01 chi nhánh tại Hải Phòng (năm 2002); công ty cho thuê tài

chính Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam đã mở 01 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh (năm 2001).¹²⁶¹

2.2.2.2. Dư nợ và thị phần cho thuê tài chính còn ở mức thấp

Với chức năng chính của công ty cho thuê tài chính là cho thuê tài chính và khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên các công ty cho thuê tài chính đã triệt để sử dụng mọi nguồn vốn để triển khai hoạt động cho thuê. Tuy nhiên, dư nợ cho thuê và thị phần của thị trường cho thuê tài chính còn ở mức thấp. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì tổng dư nợ cho thuê của các công ty cho thuê tài chính năm 1999 là 218 tỷ đồng, năm 2000 là 304 tỷ đồng, năm 2001 là 407 tỷ đồng và đến cuối năm 2002 dư nợ cho thuê tài chính của các công ty cho thuê tài chính đạt con số 569 tỷ đồng và đạt doanh số cho thuê là 2.544,5 tỷ đồng.

Bảng 2.4: Tỷ trọng dư nợ cho thuê tài chính so với toàn hệ thống ngân hàng

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	1999	2000	2001	2002
1	Tổng dư nợ toàn hệ thống	135.940	173.395	215.287	281.450
2	Dư nợ trung và dài hạn	48.583	64.504	85.981	118.598
3	Dư nợ CTTC	218	304	407	569
4	Tỷ lệ CTTC / tổng dư nợ	0,16%	0,18%	0,19%	0,2%
5	Tỷ lệ CTTC / dư nợ dài hạn	0,45%	0,47%	0,47%	0,48%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam¹²⁴¹

Một thực tế cho thấy thị trường cho thuê tài chính chưa được phân bố đều giữa các khu vực trong cả nước mà chỉ tập trung ở hai khu vực Thành

phố Hồ Chí Minh và Hà Nội trong đó doanh số cho thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh chiếm khoảng 47,2% tổng doanh số cho thuê của toàn hệ thống vào thời điểm năm 2001 và 50,1% năm 2002. Phải chăng là các doanh nghiệp ở các khu vực khác không cần đến vốn để đầu tư đổi mới dây chuyền sản xuất, công nghệ?

Thị trường cho thuê tài chính chính thức đi vào hoạt động từ năm 1996, khi các công ty được cấp giấy phép hoạt động thì gặp thời điểm của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Á làm cho mức độ tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng đầu tư của Việt Nam chững lại, ở các ngân hàng có hiện tượng đọng vốn do huy động nhiều mà không cho vay được và hậu quả là làm ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động cho thuê tài chính, dư nợ cho thuê của các công ty cho thuê tài chính năm 1999 chỉ đạt 218 tỷ đồng. Từ năm 2000 đến nay khi tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã được phục hồi tốc độ tăng trưởng GDP được tăng dần qua từng năm, năm 2000 đạt 6,7% năm 2001 đạt 6,8% và năm 2002 đạt 7,04%,^[5, số 2584] đã làm cho hoạt động cho thuê tài chính có chiều hướng tích cực, dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng có mức tăng 27,6% so với năm trước. Với sự quan tâm của Chính phủ, của ngành và của cả bản thân các công ty cho thuê tài chính làm cho hoạt động cho thuê tài chính đạt được sự tăng trưởng nhanh trong 2 – 3 năm gần đây và dư nợ cho thuê của toàn ngành cho thuê tài chính tại thời điểm này lên đến 569 tỷ đồng với doanh số cho thuê là 2.544,5 tỷ đồng.

Ngoài ra, một áp lực nữa làm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của cho thuê tài chính là do kinh tế toàn cầu suy thoái, lãi suất trên thị trường thế

giới liên tục giảm làm cho các công ty cho thuê tài chính gặp rất nhiều khó khăn đối với các khoản đã tài trợ cho khách hàng và các doanh nghiệp có nhiều cơ hội để được tài trợ với giá rẻ hơn so với việc đến các công ty cho thuê tài chính.

Bảng 2.5: Tổng dư nợ cho vay và cho thuê của các tổ chức tín dụng

TT	Tên các TCTD	2001		2002	
		Dư nợ (tỷ đồng)	Thị phần (%)	Dư nợ (tỷ đồng)	Thị phần (%)
1	Ngân hàng TMQD	172.721	80,2	229.662	81,6
2	Ngân hàng TMCP	19.755	9,2	26.372	9,4
3	Ngân hàng liên doanh	1.903	0,9	2.917	1,0
4	Ngân hàng nước ngoài	20.182	9,4	21.560	7,7
5	Công ty tài chính cổ phần	318	0,1	375	0,1
6	Công ty cho thuê tài chính	407	0,2	569	0,2
	Tổng cộng	215.287	100	281.454	100

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

Mặc dù có tốc độ phát triển khá nhanh trong hai, ba năm gần đây nhưng xét trong tổng thể toàn hệ thống thì tỷ trọng vốn đầu tư qua kênh cho thuê tài chính vẫn quá nhỏ chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của cho thuê tài chính. Dư nợ cho thuê tài chính hàng năm chỉ xấp xỉ con số 0,2% so với tổng dư nợ của toàn bộ hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính tín dụng. Xét trên tiêu chuẩn tài trợ vốn trung và dài hạn thì dư nợ của cho thuê tài chính cũng chưa vượt qua con số 0,5% dư nợ của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Nếu đem so sánh thị phần của cho thuê tài

chính với các tổ chức tín dụng khác thì cho thấy hoạt động cho thuê tài chính chưa thực sự phát triển đúng với tiềm năng và vị thế của nó. Cụ thể dư nợ cho thuê tài chính chỉ chiếm một phần nhỏ 0,2% so với 80,2% và 81,6% ở các năm 2001, 2002 của Ngân hàng thương mại Quốc doanh.

Phân tích trên cho chúng ta có cái nhìn tổng quan về hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay là quá nhỏ so với thị trường tài chính nói chung. Hoạt động cho thuê tài chính chưa được phát huy và mở rộng, tỷ trọng dư nợ còn thấp so với tổng mức dư nợ tín dụng trong khi đó hoạt động cho thuê tài chính ở Hàn Quốc, Thái Lan thì phần chiếm khoảng 10% tổng dư nợ cho vay. Chính vì thực trạng đó làm cho mức độ hỗ trợ vốn đầu tư trung, dài hạn qua việc trang bị máy móc, thiết bị cho doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp.

Nếu đi sâu phân tích kết quả huy động và dư nợ của các công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay, thì việc phát hành các giấy tờ có giá, chỉ có mỗi công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam thực hiện, còn lại các công ty khác huy động thông qua việc vay vốn của các ngân hàng mẹ. Tình hình dư nợ của các công ty cho thuê tài chính có tăng, trong số đó dư nợ của công ty cho thuê tài chính I và II Ngân hàng Nông nghiệp và công ty cho thuê tài chính ngân hàng đầu tư là lớn nhất vì 3 công ty này có lượng khách hàng lớn bên cạnh đó được ngân hàng mẹ hỗ trợ về vốn và có mạng lưới rộng khắp mà chủ yếu là cho thuê nội ngành.

Trong những năm 1997, 1998, 1999 tốc độ tăng trưởng của cho thuê tài chính không cao do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ

khu vực, các nguồn vốn đầu tư vào Việt Nam bị hạn chế một số doanh nghiệp không có nhu cầu đầu tư nên dư nợ cho thuê trong giai đoạn này ở mức thấp.

2.2.2.3. Nguồn vốn sử dụng cho thuê tài chính chủ yếu là vốn tự có

Nguồn vốn hoạt động của các công ty cho thuê tài chính thì vốn chủ sở hữu của công ty chiếm 26,96% trong tổng nguồn vốn còn các nguồn vốn huy động, đi vay, tiền ký quỹ của khách hàng, các khoản phải trả khác chiếm 73,04% tổng nguồn vốn. Qua phân tích cho thấy trong cơ cấu nguồn vốn của các công ty cho thuê tài chính thì vốn đi vay chủ yếu bằng tiền đồng từ các ngân hàng thương mại đạt con số 1.724.174 triệu đồng chiếm 58,14% trong tổng nguồn vốn. Sở dĩ nguồn vốn này chiếm tỷ trọng cao là do các công ty cho thuê tài chính này đều trực thuộc các ngân hàng thương mại. Nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu là 95,5 tỷ đồng chiếm 3,22% tổng nguồn vốn. Mà nguồn vốn này cho đến nay chỉ một công ty cho thuê tài chính duy nhất huy động là công ty cho thuê tài chính Quốc tế. Sở dĩ trong cơ cấu nguồn vốn hiện nay còn có sự bất cập như vậy là do việc phát hành giấy tờ có giá chưa được hướng dẫn cụ thể. Theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định 16/CP của Chính phủ, các công ty cho thuê tài chính chỉ được nhận tiền gửi có kỳ hạn trên một năm và phát hành các loại giấy tờ có giá khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép. Điều này đã không tạo điều kiện cho các công ty cho thuê tài chính chủ động trong việc tạo nguồn vốn.

Bảng 2.6: Cơ cấu nguồn vốn của các công ty cho thuê tài chính

Chỉ tiêu		Thành tiền (Triệu đồng)	%/Tổng vốn
Vốn chủ sở hữu		799.373	26,96%
Vốn huy động	Tiền gửi	145.165	4,90%
	Phát hành trái phiếu	95.500	3,22%
Vốn đi vay		1.724.174	58,14%
Tiền ký quỹ của khách hàng thuê		131.730	4,44%
Các khoản phải trả khác		69.525	2,34%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

Nếu so sánh nguồn vốn huy động của các công ty cho thuê tài chính với hệ thống ngân hàng thương mại thì con số này rất khiêm tốn.

Bảng 2.7: Tình hình huy động vốn của công ty cho thuê tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	1999	2000	2001	2002
Toàn hệ thống	146.200	185.100	238.470	292.126
Công ty CTTC	20	136	189	241
Tỷ trọng	0,01%	0,07%	0,08%	0,08%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

2.2.2.4. Cho thuê tài chính còn xa lạ với công chúng

Một thực tế hiện nay là hầu như dân chúng chưa biết hoặc biết rất hạn chế về cho thuê tài chính, mà khi cần vốn họ chỉ biết đến ngân hàng để vay tiền, khi ngân hàng từ chối thì các ngân hàng mẹ mới chỉ đến các công ty cho thuê tài chính trực thuộc mình để được tư vấn. Theo một cuộc

điều tra đối với các nhà quản lý, các chủ doanh nghiệp thì có tới 49% biết đến loại hình cho thuê tài chính và 4% có quan hệ với công ty cho thuê tài chính. Mặc dù, những khảo sát mới chỉ được thực hiện ở phạm vi hẹp, đối tượng hạn chế chưa thể đưa ra kết luận chung nhưng cũng phần nào phản ánh bức tranh về sự hiểu biết của loại hình cho thuê tài chính hiện nay là rất thấp, điều này thể hiện sự thiếu quảng đại của loại hình cho thuê tài chính đối với công chúng và các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.2.2.5. Năng lực cạnh tranh của các công ty cho thuê tài chính chưa cao

Hiện nay, Việt Nam có 8 công ty cho thuê tài chính đăng ký hoạt động. Trong đó 5 công ty cho thuê tài chính là công ty trực thuộc ngân hàng thương mại quốc doanh, 1 công ty cho thuê tài chính liên doanh và 2 công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Các công ty cho thuê tài chính có vốn nước ngoài được đầu tư tương đối lớn với vốn điều lệ của mỗi công ty khoảng 10 triệu USD. Tuy nhiên, hoạt động của các công ty này cũng chỉ mới bắt đầu, doanh thu chưa đáng kể và chỉ nhắm vào đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tập trung ở khu vực Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Còn đối với các công ty cho thuê tài chính trong nước thì tất cả đều trực thuộc các ngân hàng thương mại quốc doanh nên cơ cấu tổ chức cũng như chiến lược kinh doanh của công ty phụ thuộc vào chiến lược chung của ngân hàng mẹ và chưa chủ động trong việc tìm kiếm thị trường và chưa thực sự cạnh tranh lẫn nhau. Do đó, chưa tạo ra cho thị trường những sản phẩm cho thuê có giá rẻ và chất

điều tra đối với các nhà quản lý, các chủ doanh nghiệp thì có tới 49% biết đến loại hình cho thuê tài chính và 4% có quan hệ với công ty cho thuê tài chính. Mặc dù, những khảo sát mới chỉ được thực hiện ở phạm vi hẹp, đối tượng hạn chế chưa thể đưa ra kết luận chung nhưng cũng phần nào phản ánh bức tranh về sự hiểu biết của loại hình cho thuê tài chính hiện nay là rất thấp, điều này thể hiện sự thiếu quảng đại của loại hình cho thuê tài chính đối với công chúng và các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.2.2.5. Năng lực cạnh tranh của các công ty cho thuê tài chính chưa cao

Hiện nay, Việt Nam có 8 công ty cho thuê tài chính đăng ký hoạt động. Trong đó 5 công ty cho thuê tài chính là công ty trực thuộc ngân hàng thương mại quốc doanh, 1 công ty cho thuê tài chính liên doanh và 2 công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Các công ty cho thuê tài chính có vốn nước ngoài được đầu tư tương đối lớn với vốn điều lệ của mỗi công ty khoảng 10 triệu USD. Tuy nhiên, hoạt động của các công ty này cũng chỉ mới bắt đầu, doanh thu chưa đáng kể và chỉ nhắm vào đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tập trung ở khu vực Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Còn đối với các công ty cho thuê tài chính trong nước thì tất cả đều trực thuộc các ngân hàng thương mại quốc doanh nên cơ cấu tổ chức cũng như chiến lược kinh doanh của công ty phụ thuộc vào chiến lược chung của ngân hàng mẹ và chưa chủ động trong việc tìm kiếm thị trường và chưa thực sự cạnh tranh lẫn nhau. Do đó, chưa tạo ra cho thị trường những sản phẩm cho thuê có giá rẻ và chất

lượng dịch vụ tốt để phục vụ khách hàng. Ngoài ra, hoạt động cho thuê tài chính chưa thực sự hấp dẫn và chưa có động lực phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu vốn đầu tư cho các thành phần kinh tế các vùng miền trong cả nước. Đồng thời, do bị lệ thuộc về sở hữu cũng như chưa có một chiến lược tổng thể nên hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay còn rất nhỏ bé và manh mún, hoạt động của các công ty này dường như là một chi nhánh của các ngân hàng mẹ trong hoạt động cho vay trung và dài hạn.

2.2.2.6. Chưa đa dạng các hình thức cho thuê tài chính và tài sản cho thuê

Hầu hết các giao dịch cho thuê hiện nay chỉ diễn ra dưới một hình thức là cho thuê hoàn trả toàn bộ (full – payout lease) mà chưa sử dụng cho thuê hoàn trả từng phần (non – full payout lease) và thực tế các công ty mới chỉ sử dụng một hình thức cho thuê có sự tham gia của ba bên còn các hình thức khác như cho thuê hợp tác, mua rồi cho thuê lại, cho thuê giáp lưng , cho thuê trả góp, vv... chưa được sử dụng.

Ngoài ra, tài sản cho thuê trong những năm qua chủ yếu là các máy móc thiết bị lẻ đơn chiếc, các phương tiện vận tải chủ yếu được nhập từ các nước Châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc có chất lượng và mức độ công nghệ ở mức trung bình khá còn các dây chuyền công nghệ cao hay các thiết bị hiện đại chiếm tỷ trọng rất thấp chưa được bên thuê hay các công ty cho thuê tài chính khai thác. Chính vì vậy mà giá trị tài trợ cho khách hàng còn thấp, các hợp đồng cho thuê tài chính hiện nay có giá trị

khoảng vài tỷ đồng, ít có hợp đồng có giá trị cao do bị khống chế về hạn mức tài trợ trên vốn tự có của công ty cho thuê tài chính.

2.2.3. Nguyên nhân hoạt động cho thuê tài chính chậm phát triển trong thời gian qua

Thực trạng hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam còn nhiều tồn tại và chậm phát triển, chưa tương xứng với nhu cầu về vốn đầu tư trung và dài hạn cho nền kinh tế do nhiều nguyên nhân khác nhau. Việc tìm hiểu nguyên nhân là tiền đề để đề ra các giải pháp để thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam. Sau đây là những nguyên nhân chính dẫn đến những tồn tại của hoạt động cho thuê tài chính trong thời gian qua ở Việt Nam.

2.2.3.1. Môi trường pháp lý chưa hoàn thiện

Hoạt động cho thuê tài chính Việt Nam từ khi ra đời được sự điều chỉnh của Nghị định 64/CP ngày 09/10/1995 của chính phủ về việc ban hành quy chế tạm thời và hoạt động của các công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam. Thông tư 03/TT-NH ngày 9/2/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 64/CP. Sau một thời gian áp dụng Nghị định 64/CP đã bộc lộ nhiều bất cập cản trở cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển. Những bất cập này đã được điều chỉnh một phần nào bằng việc ban hành Nghị định 16 /CP của Chính phủ về tổ chức hoạt động của các công ty cho thuê tài chính được ban hành ngày 2/5/2001. Tuy nhiên, Nghị định 16/CP cũng chỉ tháo gỡ được phần nào những khó khăn về hoạt động cho thuê tài chính hiện nay nhưng tính

pháp lý cũng chỉ dừng lại ở mức Nghị định chứ chưa phải là luật, do đó việc triển khai thực hiện gặp không ít khó khăn, thiếu sự đồng bộ giữa các ban ngành liên quan. Đi sâu phân tích môi trường pháp lý trong thời gian qua chúng ta đi phân tích một cách khái quát giai đoạn thực hiện Nghị định 64/CP và giai đoạn thực hiện Nghị định 16/CP.

● *Giai đoạn trước tháng 5/2001*

Trước khi Nghị định 16/CP được ban hành vào tháng 5/2001, thì mọi hoạt động của các công ty cho thuê tài chính được điều chỉnh trực tiếp từ Nghị định 64/CP về quy chế tạm thời về hoạt động cho thuê tài chính và chính những điểm bất cập từ Nghị định này cũng như các văn bản có liên quan đã kìm hãm sự phát triển của cho thuê tài chính trong thời gian qua. Cụ thể những điểm còn bất cập gây ảnh hưởng đến bên thuê đó là:

. Phải đóng trước bạ tài sản hai lần: Khi kết thúc hợp đồng thuê, về nguyên tắc bên thuê có thể được sở hữu tài sản thuê, nhưng để chuyển quyền sở hữu bên thuê phải nộp thêm một lần lệ phí trước bạ nữa. Trong lúc đó khi thuê bên thuê đã trả thuế trước bạ rồi. Do đó, khi lựa chọn phương thức cho thuê tài chính doanh nghiệp phải đóng hai lần trước bạ đã hạn chế các doanh nghiệp đến với phương thức này. Giám đốc một công ty xây dựng cho biết trong gần 3 năm qua, công ty đã phải đầu tư khoảng trên 50 tỷ đồng cho việc mua xe, máy, thiết bị thi công cơ giới. Công ty đã tìm đến các công ty cho thuê tài chính nhưng đều vướng mắc vào việc phải đóng trước bạ hai lần nên phải cân nhắc và lựa chọn và lại phải đến ngân hàng^[32].

- Một khó khăn vướng mắc trong mối quan hệ giữa công ty cho thuê tài chính với cơ quan quản lý nhà nước. Tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định 64/CP quy định: "Hợp đồng thuê tài chính phải đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý hợp đồng, nơi công ty cho thuê tài chính đặt trụ sở theo quy định của pháp luật". Quy định này không rõ ràng, nên gây nhiều khó khăn trong thực hiện. Vì cơ quan quản lý hợp đồng là cơ quan nào? Một hợp đồng kinh tế có nhất thiết phải đăng ký tại hai cơ quan nhà nước không? Luật pháp cũng chưa quy định về việc chứng thực hợp đồng cho thuê tài chính. Điều này có trái với chủ trương đang dần giảm bớt thủ tục hành chính của Chính phủ không?

- Hiện nay chưa có cơ quan nào được chỉ định đứng ra tiến hành đăng ký tài sản cho thuê, cũng chưa có quy định nào về việc công nhận và bảo hộ đối với ký hiệu sở hữu mà công ty cho thuê tài chính dính vào tài sản cho thuê của mình. Chính phủ cần có quy định rõ ràng đối với các tài sản cho thuê tài chính như máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất có hay không phải đăng ký quyền sở hữu và đăng ký với cơ quan nào?

- Về đồng tiền sử dụng trong thanh toán. Thông tư 01/TT-NH5 quy định: "Mọi giao dịch cho thuê tài chính phải thực hiện bằng đồng Việt Nam, trường hợp công ty cho thuê tài chính sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu tài sản cho thuê, thì đối với các hợp đồng thuê có thời hạn cho thuê trên một năm, được xác định số tiền thuê bằng ngoại tệ, nhưng việc thanh toán tiền thuê phải thực hiện bằng đồng Việt Nam, theo tỷ giá hiện hành của các ngân hàng thương mại vào thời điểm thanh toán". Quy định này đã không cho phép các công ty cho thuê tài chính được chủ động về nguồn

ngoại tệ cần thiết cho hoạt động của mình. Đặc biệt là hợp đồng cho thuê tài chính có thời hạn tương đối dài, việc quy định như trên để phát sinh rủi ro không nhỏ đối với hoạt động cho thuê tài chính. Rủi ro này có thể giảm khi cho các công ty cho thuê tài chính được phép thu bằng ngoại tệ, nếu đầu tư bằng ngoại tệ, và điều này phù hợp với thực tế vì các doanh nghiệp đi thuê đều có yêu cầu máy móc, thiết bị hiện đại có nguồn gốc từ nước ngoài.

● *Giai đoạn từ tháng 5/2001 đến nay*

Nghị định 16/CP đã có hiệu lực, song các bộ, ngành liên quan vẫn chưa kịp thời ban hành các văn bản dưới hình thức thông tư để hướng dẫn thi hành và triển khai một cách đồng bộ. Điều này thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Điều 18 Nghị định 16/CP: "Cho thuê tài chính được nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển mà bên thuê được phép mua, nhập khẩu và sử dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật. Song cho đến nay, Bộ thương mại vẫn chưa có công văn hướng dẫn nào.

- Điều 19 Nghị định 16/CP: "Tài sản cho thuê tài chính phải đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch có đảm bảo, Bộ tư pháp hướng dẫn chi tiết việc đăng ký tài sản cho thuê tài chính". Đến nay vẫn chưa có thông tư hướng dẫn.

- Điều 22 Nghị định 16/CP: "Trong trường hợp quyền sở hữu tài sản cho thuê được chuyển cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng bán tài sản cho thuê, bên thuê không phải nộp thuế trước

bạ". Bộ tài chính cũng cần phải có quy định cụ thể hướng dẫn các cơ quan thuế trực thuộc để thi hành.

Ngoài ra một số vướng mắc khác không phải là nhỏ còn tồn tại trong quá trình thực hiện Nghị định 16/CP chủ yếu là xuất phát từ sự thiếu rõ ràng, không đồng bộ và mâu thuẫn nhau, cũng như cách quán triệt nội dung của Nghị định này mà thời gian qua các công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam còn gặp phải. Xin đơn cử một ví dụ về việc thế chấp quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân trong nước quy định tại Điều 24 Nghị định 178 cho phép hộ gia đình, cá nhân và tổ chức trong nước được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất cho tổ chức tín dụng Việt Nam. Vậy ai là tổ chức tín dụng Việt Nam với quy định mập mờ này và với suy luận lô gích thì chúng ta có thể hiểu công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là tổ chức tín dụng Việt Nam (vì theo quy định của luật tổ chức tín dụng, công ty cho thuê tài chính là một tổ chức tín dụng. Mặc dù luật các tổ chức tín dụng không định nghĩa cụ thể tổ chức tín dụng Việt Nam nhưng lại có định nghĩa tổ chức tín dụng nước ngoài là tổ chức tín dụng được thành lập theo luật nước ngoài, mà công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là một pháp nhân Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, nên công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là tổ chức tín dụng Việt Nam), và do đó được quyền nhận thế chấp giá trị quyền sử dụng đất của các cá nhân, hộ gia đình và tổ chức trong nước. Còn việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định 24 hướng dẫn quy định rõ ràng doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có thể thế chấp giá trị quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong suốt thời gian thuê đất hay thuê lại đất cho tổ chức tín dụng Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và ngân hàng liên doanh giữa Việt Nam và các bên nước ngoài. Như vậy, công ty cho thuê tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức tín dụng Việt Nam, do đó có quyền được nhận thế chấp giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, theo tinh thần của thông tư 772 quy định “Tổ chức tín dụng có thể nhận thế chấp giá trị quyền sử dụng đất bao gồm: tổ chức tín dụng Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và ngân hàng liên doanh hoạt động theo quy định của luật tổ chức tín dụng. Nếu theo thông tư này thì dường như không xem ngân hàng liên doanh là tổ chức tín dụng Việt Nam, do đó công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài lại không thể nhận thế chấp giá trị quyền sử dụng đất. Mặt khác theo Nghị định 178, khi thế chấp tài sản gắn liền với đất, bên thế chấp phải thế chấp cả giá trị quyền sử dụng đất gắn liền. Kết hợp hai quy định của Thông tư 772 và Nghị định 178 có thể suy ra rằng công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài không được nhận thế chấp cả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Các quy định này không phù hợp với luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Qua nội dung trên, rõ ràng là thực tế môi trường kinh doanh Việt Nam rất cần có một hệ thống văn bản pháp lý hoàn chỉnh về hoạt động cho thuê tài chính. Nhằm đưa ra những chế định cụ thể, chi tiết từ những khái niệm cơ bản, tư cách pháp nhân, hình thức kinh doanh, quyền sở hữu đối với tài sản thuê, hạn mức tín dụng, các ưu đãi về thuế, vv... Những quy

định đó sẽ khắc phục những khoảng trống pháp lý mà các quy định trên đã để lại. Mặt khác, việc tạo môi trường pháp lý thống nhất sẽ giúp cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển và phát huy được vai trò của nó trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và trở thành một ngành công nghiệp cho thuê tài chính phát triển ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới.

2.2.3.2. Đối tượng và tài sản cho thuê tài chính còn hạn chế

Theo Nghị định 64/CP thì đối tượng thuê tài chính là các doanh nghiệp. Theo số liệu thống kê từ các công ty cho thuê tài chính thì trong thời gian qua khách hàng là doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 60% tổng số khách hàng và chiếm trên 70% doanh số cho thuê, phần còn lại là các công ty trách nhiệm hữu hạn và các công ty liên doanh. Còn các cơ sở sản xuất tư nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, các văn phòng,... đã không được tham gia vào loại hình cho thuê tài chính, mà chính các đối tượng này lại có nhu cầu rất lớn về cho thuê tài chính. Một lý do khác mà các đối tượng ngoài quốc doanh và khách hàng là cá nhân còn chiếm tỷ trọng thấp trong hoạt động cho thuê tài chính là các công ty cho thuê tài chính còn chưa tin tưởng vào khả năng trả nợ của bên thuê. Các công ty cho thuê tài chính vẫn còn quan tâm nhiều đến thủ tục hành chính và tình hình hoạt động quá khứ của bên thuê mà chưa chú trọng đến hiệu quả kinh tế của dự án xin tài trợ mang lại. Chính vì vậy, phần lớn các doanh nghiệp mới thành lập ít được cơ hội tiếp cận loại hình cho thuê tài chính, điều này trái với tôn chỉ của hoạt động cho thuê tài chính nói chung.

Nghị định 16/CP đã mở rộng được đối tượng tham gia thuê tài chính đó là tổ chức và cá nhân hoạt động tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích hoạt động của mình. Ngoài ra, hiện nay theo quy định thì tài sản cho thuê là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác. Như vậy, bất động sản không được coi là tài sản để cho thuê, mà nhu cầu thuê tài chính về bất động sản là rất lớn.

2.2.3.3. Vốn huy động cho thuê tài chính còn ít và chưa đa dạng

Hầu hết các công ty cho thuê tài chính hiện nay chủ yếu sử dụng các nguồn vốn chủ sở hữu, mà nguồn vốn này hiện nay là rất ít ỏi, cụ thể đối với các công ty cho thuê tài chính có vốn đầu tư nước ngoài thì vốn điều lệ khi thành lập công ty chỉ ở mức 10 triệu USD, còn các công ty cho thuê tài chính trực thuộc các ngân hàng thương mại quốc doanh thì có vốn đăng ký là 55 tỷ đồng. Trong lúc đó, khả năng thu hút vốn của các công ty cho thuê tài chính chưa đa dạng, do chỉ được phép phát hành trái phiếu và nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng trong nước. Việc phát hành trái phiếu cho đến nay chỉ duy nhất một công ty thực hiện trong tổng số 8 công ty đó là công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, còn lại tất cả các công ty thu hút vốn bằng cách vay từ ngân hàng mẹ. Ngoài ra, các công ty cho thuê tài chính chưa nhận được sự hỗ trợ nào về vốn từ phía Chính phủ hay của Ngân hàng Nhà nước. Thực tế các công ty cho thuê tài chính chỉ hoạt động dựa trên số vốn chủ sở hữu, điều này không những không hạn chế khả năng tài trợ, mở rộng thị trường mà còn làm giá cho thuê cao vì chi phí sử dụng vốn cao so với các nguồn vốn huy động khác. Bên cạnh hạn chế về vốn thì các công ty cho thuê cũng bị hạn chế về mức tài trợ cho một khách

hàng không được vượt quá 30% vốn tự có của mình. Chính vì vốn kinh doanh quá nhỏ cũng như bị hạn chế bởi các điều kiện huy động vốn, hạn chế mức tín dụng cộng với đặc thù hoạt động của cho thuê tài chính là hoạt động tín dụng trung và dài hạn có số dư khách hàng cao dẫn tới thực trạng các công ty cho thuê tài chính chưa thực hiện được các hợp đồng cho thuê có giá trị lớn mà chỉ dừng lại cho thuê các thiết bị lẻ, giá trị hợp đồng thấp thường dưới 10 tỷ đồng, lượng khách hàng thuê trong một thời kỳ cũng hạn chế. Nguyên nhân trên đã làm cho dư nợ cho thuê hàng năm của các công ty cho thuê tài chính trong thời gian qua không lớn, chỉ đạt mức 0,2% so với dư nợ cho vay của toàn hệ thống.

2.2.3.4. Lãi suất tài trợ còn cao

Một trong những vấn đề mà doanh nghiệp quan tâm khi tiếp cận đến một loại hình tài trợ là lãi suất tài trợ tức là quan tâm đến giá cả của việc sử dụng vốn. Do lãi suất tài trợ của loại hình cho thuê tài chính cao là một trong những nguyên nhân làm cho hoạt động cho thuê tài chính không phát triển, các doanh nghiệp không mặn mà với loại hình tài trợ này và đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng thua lỗ của một vài công ty trong thời gian qua.

Khi phân tích tình hình lợi nhuận của các công ty cho thuê tài chính trong năm 2000, 2001 cho thấy trong tổng số 8 công ty đang hoạt động thì có hai công ty bị thua lỗ đó là công ty cho thuê tài chính Kexim và công ty cho thuê tài chính ANZ – Vtrac, riêng năm 2002 thì chỉ duy nhất công ty Kexim lỗ. Cụ thể tại công ty cho thuê tài chính Kexim, tổng thu nhập năm 2001 là 11.028 triệu đồng, trong đó thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính là

10.587 triệu đồng, 375 triệu thu từ lãi tiền gửi và 66 triệu đồng từ các khoản thu bất thường khác. Còn tổng các khoản chi của công ty cho thuê tài chính Kexim trong năm 2001 là 41.774 triệu đồng bao gồm chi trả lãi vay 4.678 triệu, chi cho nhân viên 7.150 triệu, chi hoạt động quản lý và công cụ 4.759 triệu, chi dự phòng 22.240 triệu, chiếm 53% trong tổng số chi và chi khác 2.946 triệu đồng.

Bảng 2.8: Tổng hợp số liệu thu – chi lũy kế của các công ty CTTC

Đơn vị: Triệu đồng

CÁC CÔNG TY CTTC	2001			2002		
	Tổng thu	Tổng chi phí	± Chênh lệch thu chi	Tổng thu	Tổng chi phí	± Chênh lệch thu chi
VCBLC	9.809	2.986	6.823	18.491	12.369	6.122
ICBLC	14.113	7.481	6.632	24.916	17.966	6.950
ALC I	14.614	11.638	2.976	30.809	25.517	5.292
ALC II	29.595	24.049	5.546	46.406	39.402	7.004
BIDVLC	14.724	8.994	5.730	37.477	25.871	11.606
VILC	34.834	20.906	13.928	32.252	24.031	8.221
KVLC	11.028	41.774	-30.746	21.094	30.727	-28.533
ANZ V-Trac	4.000	4.358	-358	3.472	3.024	448
TỔNG	132.717	122.186	.10.531	196.017	178.907	17.110

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

Chính nguồn thu nhỏ hơn chi đã làm cho các công ty này lỗ, đi sâu phân tích tình trạng lỗ trong hoạt động của các công ty cho thuê tài chính trong thời gian qua cho thấy đây là những khoản lỗ chủ yếu do các năm trước chuyển qua còn lỗ trong năm hạch toán đã giảm đi đáng kể và bước đầu đã kinh doanh có lãi.

Bảng 2.9: Tình hình lỗ trong hoạt động của các công ty CTTC

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	
VILC	Lỗ trong hoạt động	20.846	12.596	0
	- Lỗ trong năm đã hạch toán	0	0	0
	- Lỗ năm trước	20.846	12.596	0
KVLC	Lỗ trong hoạt động	17.844	51.518	63.778
	- Lỗ trong năm đã hạch toán	17.844	30.746	9.633
	- Lỗ năm trước	0	20.772	54.145
ANZ V - Trac	Lỗ trong hoạt động	696	1.071	1.094
	- Lỗ trong năm đã hạch toán	696	358	0
	- Lỗ năm trước	0	713	1.094

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

Sở dĩ các công ty này bị lỗ theo chúng tôi là do một số nguyên nhân chính sau:

- Lãi suất tài trợ cho thuê tài chính còn cao so với vay vốn tín dụng trung dài hạn. Lãi suất tính cho thuê cao hơn từ 20 – 25 %, còn so với việc mua sắm tài sản trực tiếp từ nhà cung cấp thì cho thuê tài chính thường có giá cao hơn khoảng 10% sau khi loại trừ chi phí lãi suất tài trợ. Giá cho thuê tài chính cao là vì ngoài lãi suất tài trợ bằng hoặc cao hơn lãi suất cho vay trung dài hạn của ngân hàng, tại thời điểm khi lãi suất cho vay ở mức 0,95% - 1% / tháng thì các công ty cho thuê tài chính phải tính thêm vào giá cho thuê nhiều loại chi phí, lệ phí và các khoản thuế khác đã làm cho lãi suất tài trợ lớn hơn 1%/tháng.

Trong thời gian trước khi Nghị định 16/CP của Chính phủ ra đời thì mọi hoạt động cho thuê tài chính được sự điều chỉnh của Nghị định 64/CP, nhưng theo Nghị định này thì các công ty cho thuê tài chính không được

trực tiếp nhập khẩu máy móc, thiết bị trong khi tài sản cho thuê lại chủ yếu được nhập khẩu, được mua từ các nhà cung cấp nước ngoài. Chính vì vậy đã làm phát sinh thêm các chi phí nhập khẩu, chi phí ủy thác và các khoản phí tiêu cực ngoài ý muốn của công ty cho thuê tài chính dẫn đến giá thiết bị nhập khẩu để cho thuê tăng cao hơn so với việc các doanh nghiệp trực tiếp nhập khẩu qua hình thức thương mại. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề này đã được khắc phục. Bên cạnh việc giá tài sản cho thuê tăng lên do việc không được trực tiếp nhập khẩu, thì một trong những chi phí đội giá tài sản tăng lên là lệ phí trước bạ tài sản, theo quy định thì tài sản cho thuê thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê và chỉ chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi hết thời hạn hợp đồng cho thuê. Và những tài sản này theo quy định này phải đóng lệ phí trước bạ 2 lần, một lần khi bên cho thuê mua từ nhà cung cấp và một lần khi chuyển quyền sở hữu cho bên thuê và hai lần này đều được tính vào giá cho thuê và bên thuê phải gánh chịu. Một chi phí khác nữa làm tăng giá cho thuê lên là chi phí kiểm định, đăng ký tài sản, công chứng hợp đồng, vv... do quy trình nghiệp vụ cần thiết phải có một công ty thứ ba kiểm định chất lượng thiết bị, thẩm định giá hay là tài sản phải đăng ký lưu hành như phương tiện vận chuyển thủy, bộ và việc các hợp đồng cho thuê phải công chứng hoặc đăng ký tại một cơ quan quản lý đã làm phát sinh chi phí mà bên thuê phải chịu trong khi nếu mua sắm trực tiếp thì bên thuê có thể giảm bớt được loại chi phí này. Một vấn đề nữa là việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng (VAT) theo cách tính hiện nay của ngành thuế cũng làm tăng đáng kể giá cho thuê tài chính, với một loại thiết bị nếu bên thuê tự mua sắm làm tài sản cố định thì được khấu trừ

thuế VAT ngay trong vòng 3 tháng đầu kể từ khi mua sắm, nhưng đối với tài sản đi thuê thì thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phải chia thành nhiều đợt theo tỷ lệ tương ứng với giá trị thanh toán tiền thuê của mỗi đợt, việc kéo dài thời gian khấu trừ thuế đã làm phát sinh tiền lãi trên số tiền thuế VAT chậm được khấu trừ, do đó làm tăng giá thuê tài chính. Ngoài ra, giá cho thuê tài chính cao hơn ngân hàng là do ngân hàng với nhiều chức năng, nhiều loại hình dịch vụ làm đa dạng hóa nguồn thu nhập. Ngân hàng được sử dụng một tỷ lệ vốn huy động tiền gửi ngắn hạn của công chúng với lãi suất thấp vào cho vay trung và dài hạn do đó làm giảm chi phí sử dụng vốn trên góc độ tổng thể và làm giảm được lãi suất cho vay. Trong khi đó công ty cho thuê tài chính là tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoạt động kinh doanh hầu như chỉ chuyên doanh một lĩnh vực là cho thuê tài chính thông qua cho thuê động sản và dựa chủ yếu vào nguồn vốn tự có do vậy chi phí sử dụng vốn của các công ty cho thuê tài chính cao hơn so với ngân hàng thương mại làm tăng áp lực lên giá cho thuê tài chính và làm giảm lợi nhuận gây nên lỗ.

- Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực đã tác động xấu đến kinh tế của Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất cầm chừng, một số doanh nghiệp nước ngoài, liên doanh là khách hàng của các công ty cho thuê tài chính không có khả năng trả nợ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty cho thuê tài chính. Để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, Chính phủ đã chủ trương kích cầu liên tục hạ lãi suất, điều này cũng gây áp lực đối với các công ty cho thuê tài chính về lãi suất đã tính cho khách hàng với những khoản thuê chưa hết hạn hợp đồng.

- Do biến động tỷ giá nên một số công ty nhập hàng trả bằng ngoại tệ nhưng khi thanh toán tiền thuê lại bằng tiền đồng do đó có rủi ro về tỷ giá. Trong những năm qua tình hình biến động tỷ giá cho thấy đồng Việt Nam có xu hướng mất giá so với đồng đô la Mỹ, tỷ giá cuối năm 2001 của VND so với USD đã tăng lên 7,3% so với đầu năm 2000. Đây cũng là một nguyên nhân gây lỗ cho các công ty cho thuê tiến hành nhập khẩu máy móc thiết bị trả chậm theo yêu cầu của các doanh nghiệp.

Bảng 2.10: Tỷ giá bình quân hàng tháng của ngân hàng ngoại thương
Đơn vị: VND/USD

NĂM	2000		2001	
	Mua vào	Bán ra	Mua vào	Bán ra
Tháng 1	14.039	14.042	14.532	14.534
Tháng 2	14.057	14.059	14.556	14.558
Tháng 3	14.060	14.062	14.551	14.553
Tháng 4	14.062	14.064	14.555	14.557
Tháng 5	14.061	14.085	14.603	14.605
Tháng 6	14.084	14.086	14.768	14.770
Tháng 7	14.089	14.091	14.896	14.898
Tháng 8	14.104	14.106	14.977	14.979
Tháng 9	14.161	14.163	14.998	15.000
Tháng 10	14.305	14.307	15.021	15.023
Tháng 11	14.450	14.452	15.052	15.054
Tháng 12	14.509	14.511	15.068	15.070

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam^[24]

2.2.3.5. Chưa đa dạng các hình thức sở hữu

Kể từ khi hoạt động cho thuê tài chính chính thức được công nhận ở Việt Nam thì nhà nước đã cấp giấy phép cho 9 công ty cho thuê tài chính hoạt động, bao gồm 5 công ty cho thuê tài chính trực thuộc các ngân hàng thương mại, 2 công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài và 2 công ty

100% vốn nước ngoài. Tuy nhiên, do khó khăn về tài chính mà vào đầu năm 2000 một công ty cho thuê tài chính liên doanh đã xin rút và bán lại cổ phần cho một đối tác phía Việt Nam, và hiện nay chỉ có 8 công ty cho thuê tài chính đang hoạt động. Như vậy, hiện nay các công ty cho thuê tài chính ở Việt Nam chỉ tồn tại dưới ba hình thức là liên doanh, 100% vốn nước ngoài và công ty trực thuộc chưa có công ty cổ phần về cho thuê tài chính. Các công ty cho thuê tài chính có vốn nước ngoài cũng chỉ hoạt động ở mức độ thăm dò, đối tượng của họ chủ yếu là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hay các công ty ở trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Tốc độ phát triển của các công ty này chưa cao một phần cũng do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính khu vực và những khó khăn kinh tế của các công ty, các ngân hàng mẹ ở bản quốc, một số ngân hàng, công ty tài chính có xu hướng thu hẹp hoạt động hay chỉ hoạt động cầm chừng. Còn các công ty trong nước thì tất cả đều trực thuộc các ngân hàng thương mại quốc doanh, sau gần 7 năm hoạt động chưa có thêm một tổ chức cho thuê nào do doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các công ty tài chính, các ngân hàng thương mại cổ phần hay các nhà đầu tư tư nhân trong nước lập ra. Chính vì là thành viên của ngân hàng mà lại là ngân hàng thương mại quốc doanh nên cơ cấu tổ chức hay chiến lược kinh doanh của các công ty cho thuê tài chính này phụ thuộc hoàn toàn vào chiến lược của ngân hàng mẹ, phong cách điều hành quản lý còn mang đậm yếu tố quốc doanh, thiếu độc lập và chưa tạo được phong cách phục vụ riêng biệt cho chính mình. Chính vì trực thuộc vào các ngân hàng thương mại quốc doanh nên các công ty cho thuê tài chính trong nước chưa thực sự cạnh tranh lẫn nhau do

đó chưa tạo cho thị trường những sản phẩm dịch vụ tài chính với giá rẻ và chất lượng phục vụ tốt để thu hút khách hàng. Chính đây cũng là yếu tố để cho thị trường cho thuê tài chính ở Việt Nam chưa phát triển.

2.2.3.6. Trình độ nghiệp vụ và năng lực quản lý của cán bộ còn nhiều hạn chế

Trong 8 công ty cho thuê tài chính đang hoạt động tại Việt Nam, có tới 5 công ty được thành lập trực thuộc các ngân hàng thương mại quốc doanh. Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện hoạt động của các công ty chưa đầy đủ, song vấn đề có ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả hoạt động kinh doanh đó là đội ngũ cán bộ, nhân viên nghiệp vụ của các công ty cho thuê tài chính hầu hết được chuyển từ ngân hàng mẹ. Năng lực quản lý, trình độ nghiệp vụ của các cán bộ các công ty cho thuê tài chính nói riêng và của ngân hàng nói chung chưa bắt kịp với nền kinh tế thị trường. Theo báo cáo tổng kết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cán bộ nhân viên có trình độ cao đẳng trở lên của hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh là 36% so với 53% của các ngân hàng thương mại cổ phần và 80% của các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp, nơi có số nhân viên nhiều nhất là 50 người so với 224 người trong tổng số toàn ngành cho thuê tài chính thì số người có trình độ đại học và trên đại học chuyên ngành tài chính – ngân hàng chiếm 70%. Ngoài ra, nghiệp vụ cho thuê tài chính mới du nhập vào Việt Nam, do đó những cán bộ nhân viên ở các công ty cho thuê tài chính chưa được đào tạo một cách căn bản, thiếu kinh nghiệm trong hoạt động cho nên hầu hết các công ty vừa triển khai

hoạt động vừa tiến hành đào tạo và đào tạo lại, vừa làm vừa học hỏi và đó cũng là lý do làm cho hoạt động cho thuê tài chính chưa có bước đột phá. Hầu hết các công ty đều thiếu cán bộ có năng lực, tinh thông về nghiệp vụ cho thuê, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, nghiệp vụ thẩm định máy móc, nghiệp vụ phát triển thị trường, vv... Do năng lực yếu kém, nên không đánh giá đúng khả năng sinh lời của dự án tài trợ, của tài sản cho thuê mang lại, cũng như năng lực trả nợ của khách hàng do đó hiệu quả cho thuê tài chính không cao. Bên cạnh yếu tố về năng lực thì vấn đề về đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhân viên ngân hàng nói chung, các công ty cho thuê tài chính nói riêng chưa được nâng cao, còn mang nặng tư tưởng lợi ích cá nhân chưa kể đến hiện tượng tham ô, đòi hối lộ, cố tình làm trái quy định, gây phiền hà cho khách hàng. Chưa thực sự quan niệm khách hàng là “thượng đế” - là người trực tiếp trả lương” vì vậy làm nản lòng tin ở khách hàng và tất nhiên họ sẽ tìm đối tác khác có thái độ phục vụ tốt hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Thực tế cho thấy nhu cầu đổi mới máy móc, thiết bị và công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là rất cấp bách và có dung lượng rất lớn. Trong khi đó các nguồn vốn cung ứng để thỏa mãn nhu cầu này còn hạn chế, bởi tính chất và điều kiện của các hình thức tài trợ hiện hữu rất khắt khe nên nhiều doanh nghiệp không thể được thỏa mãn các nhu cầu đổi mới công nghệ. Với những đặc điểm riêng có và sự đa dạng về phương thức tài trợ cũng như tính đơn giản về thủ tục, điều kiện so với các

phương thức tài trợ khác, cho thuê tài chính đã đáp ứng được phần nào nhu cầu của nhiều doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, do hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam còn mới mẻ và hệ thống pháp lý điều chỉnh lĩnh vực cho thuê tài chính trong thời gian qua chưa được hoàn thiện nên hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam chưa thực sự phát triển tương xứng với tiềm năng của nó. Chính vì vậy, việc tìm ra giải pháp để thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính hiện nay là một điều bức thiết.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CHO THUÊ

Để hoạt động cho thuê tài chính phát triển thì việc định hướng cho ngành cho thuê trong thời gian tới là rất quan trọng. Nó là những kim chỉ nam để cho các nhà hoạch định đưa ra các giải pháp để phát triển loại hình này trong thời gian tới.

3.1.1. Đường lối và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội

Xuất phát từ đặc điểm tình hình thế giới và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới mà mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2010 là: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”^[1].

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%^[1]. Chiến lược nêu rõ: Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm.

Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Đồng thời cũng chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

3.1.2. Mục tiêu và chiến lược của hệ thống tài chính

Chiến lược phát triển của hệ thống tài chính đến năm 2010 là một chiến lược tổng thể, mang tính đồng bộ và đan xen ba loại tốc độ phát triển: tuần tự, đuổi bắt và đón đầu để chủ động thích ứng và cập nhật hóa với trình độ phát triển của hệ thống tài chính của khu vực và thế giới. Tính đồng bộ của định hướng chiến lược phát triển bao gồm ba nội dung then chốt là: Hoàn thiện môi trường pháp lý; cấu trúc thích ứng mô hình mạng lưới; Phát triển năng lực quản lý và năng lực kinh doanh – kích thích cạnh tranh bình đẳng, nhất quán theo cơ chế thị trường, mở cửa, có sự quản lý vĩ mô của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các định chế tài chính được tự do hóa trong hoạt động kinh doanh, được tạo điều kiện mở rộng không gian hoạt động ra ngoài lãnh thổ, chấm dứt mô hình hoạt động đan xen giữa mô hình tín dụng thương mại với tín dụng chính sách trong một định chế tài chính hạch toán độc lập. Thực hiện cải thiện môi trường đầu tư, huy động tối đa nguồn lực trong nước, nâng cao chất lượng tín dụng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và nâng cao sức cạnh tranh của nền

kinh tế. Chú trọng đầu tư vốn cho khu vực nông nghiệp nông thôn, sản xuất chế biến hàng xuất khẩu; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ nghèo tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng góp phần tích cực vào chiến lược tăng trưởng giảm nghèo toàn diện của Chính phủ.

3.1.3. Định hướng phát triển ngành cho thuê

Xuất phát từ những mục tiêu kinh tế - xã hội nói chung và mục tiêu chiến lược của hệ thống tài chính nói riêng thì ngành cho thuê phải ngày càng được củng cố và phát triển nhằm đáp ứng được mục tiêu chung của cả nước, cụ thể:

↳ Trong những năm tới phát triển hoạt động cho thuê tài chính thành một loại hình tài trợ lớn của nền kinh tế để thay thế dần cho việc cho vay ứng trước trong mua sắm máy móc thiết bị nhằm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nền kinh tế theo chủ trương “đi tắt”, “đón đầu” các công nghệ hiện đại của thế giới, chống lại sự tụt hậu về công nghệ một cách có hiệu quả.

↳ Hoạt động của nghiệp vụ cho thuê tài chính cần được mở rộng ra đến các đối tượng có triển vọng phát triển mạnh mẽ, nhưng thiếu công nghệ hiện đại như ngành nuôi trồng thủy sản, ngành chế biến nông hải thủy sản, ngành vận tải đường bộ, đường biển, hàng không, ngành đánh bắt hải sản xa bờ, ngành công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất, sản xuất vật liệu mới trong xây dựng, chế tạo máy móc thiết bị.

↳ Phấn đấu đến năm 2010 mạng lưới hoạt động cho thuê tài chính sẽ được phủ kín trên mọi vùng lãnh thổ của nền kinh tế, và có khả năng tài

trợ cho tất cả mọi doanh nghiệp có nhu cầu trang bị máy móc thiết bị theo hình thức cho thuê tài chính.

✧ Mở rộng các chủ thể kinh doanh cho thuê. Luật pháp của một số quốc gia đều cấm các thể nhân, doanh nghiệp tư nhân hay các công ty phi tài chính và có thể cả các ngân hàng thương mại không được tham gia hoạt động cho thuê tài chính như ở Anh Quốc. Song nhiều quốc gia có những quy định rộng rãi hơn cho phép các công ty công nghiệp tham gia hoạt động cho thuê tài chính như là một hình thức hỗ trợ bán sản phẩm của công ty như ở Hoa Kỳ, Trung Quốc, vv. Tuy nhiên, các hoạt động này phải được thực hiện qua các công ty chuyên kinh doanh cho thuê tài chính.

Nhưng hầu hết các quốc gia đều cho rằng công ty cho thuê tài chính phải là một định chế tài chính và các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, các tập đoàn công nghiệp lớn có thể tham gia kinh doanh cho thuê như là một chức năng hoạt động của tổ chức đó.

Ở các nước đang phát triển, do đặc điểm cho thuê tài chính của các quốc gia này là nhận vốn, công nghệ thông qua cho thuê tài chính, nên các công ty này hoạt động như một công ty xuất nhập khẩu để tài trợ cho doanh nghiệp và chuyên doanh cho thuê theo định hướng của kế hoạch nhà nước (Hàn Quốc, Trung Quốc).

Ở Việt Nam, theo Nghị định 16/CP của Chính phủ qui định thì công ty cho thuê tài chính là một tổ chức phi ngân hàng, là pháp nhân Việt Nam và được thành lập và hoạt động dưới các hình thức công ty cho thuê tài chính Nhà nước, công ty cho thuê tài chính cổ phần, công ty cho thuê tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng, công ty cho thuê tài chính liên

doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Như vậy, với quy định này các ngân hàng, các tập đoàn công nghiệp lớn, các công ty kinh doanh địa ốc không được thực hiện hoạt động cho thuê tài chính. Để cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển và để tận dụng triệt để mọi ưu thế về vốn, kỹ thuật, trình độ quản lý, mạng lưới khách hàng thì theo chúng tôi cần phải mở rộng các chủ thể kinh doanh cho thuê. Cụ thể là cho phép các ngân hàng thương mại thực hiện hoạt động cho thuê tài chính với mức giới hạn so với vốn tự có hoặc so với tổng dư nợ. Nếu thực hiện điều này sẽ tận dụng được tối đa lợi thế của ngân hàng như vốn, khách hàng, mạng lưới, và hơn thế nữa là đa dạng hóa được mọi dịch vụ của ngân hàng và tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh với các công ty cho thuê tài chính. Bên cạnh cho phép các ngân hàng thực hiện cho thuê tài chính ở mức giới hạn thì cũng cần phải xem xét cho các công ty kinh doanh địa ốc được thực hiện nghiệp vụ cho thuê, bởi thực tế hiện nay các công ty địa ốc này đã xây nhà và tiến hành cho thuê với những thời hạn 20 năm, 30 năm, vv.. Như vậy, với những giao dịch này về mặt nội dung kinh tế là cho thuê tài chính nhưng không bị điều chỉnh bởi luật cho thuê tài chính dẫn đến việc cạnh tranh không lành mạnh giữa công ty địa ốc và các công ty cho thuê tài chính. Do đó, việc cho phép các công ty địa ốc thực hiện hoạt động cho thuê tài chính nó sẽ phải chịu sự chi phối của luật cho thuê và sẽ tạo ra sự bình đẳng trong kinh doanh và sẽ là một trong những nhân tố thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính phát triển.

3.2. HOÀN THIÊN CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ TIẾN TỚI XÂY DỰNG LUẬT CHO THUÊ

Qua nghiên cứu những quy định về cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay, cũng như các văn bản pháp quy có liên quan chưa thực sự phù hợp với cho thuê tài chính. Nếu không có văn bản pháp lý phù hợp cho loại hình cho thuê tài chính thì không những không phát huy được những lợi thế của loại hình cho thuê tài chính mà còn dẫn tới nguy cơ như ở Thái Lan, do quan niệm hoạt động cho thuê tài chính như một hình thức kinh doanh thương mại nên các quy định quản lý hoạt động thương mại đều được áp dụng cho hoạt động tài trợ này và kết cục là ngành cho thuê tài chính đã không đóng góp được vào sự phát triển của Thái Lan.

Rõ ràng là thực tế môi trường kinh doanh Việt Nam rất cần có một đạo luật về cho thuê tài chính. Nội dung của đạo luật nhằm xác định rõ những khái niệm căn bản, tư cách pháp nhân, hình thức kinh doanh, quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê, giới hạn tín dụng, các ưu đãi về thuế,... Những quy định này sẽ khắc phục những khoảng trống pháp lý và là hành lang thuận lợi cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển. Mặt khác, việc tạo môi trường pháp lý thống nhất sẽ giúp cho hoạt động cho thuê tài chính hạn chế rủi ro, sớm trở thành một ngành công nghiệp cho thuê hoà nhập với ngành cho thuê tài chính quốc tế và khu vực.

Trong nền kinh tế thị trường nhất là khi Việt Nam đang trên đường hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là khi Hiệp định thương mại Việt – Mỹ có hiệu lực hoàn toàn sau 7 năm nữa, thì việc có văn bản pháp lý hoàn thiện về lĩnh vực tài chính trong đó có cho thuê tài chính là một

yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam hiện nay. Do đó, trước mắt cần phải hoàn thiện các văn bản pháp lý hiện hành, trên cơ sở đó tiến tới xây dựng luật cho thuê tài chính tại Việt Nam.

Lịch sử cho thuê trên thế giới và thực tế chứng minh rằng hoạt động cho thuê không bị giới hạn bởi chỉ riêng hoạt động cho thuê tài chính mà còn có cả cho thuê hoạt động do đó khi xây dựng luật cũng cần phải tính đến việc xây dựng một bộ luật chung cho cả ngành cho thuê bao gồm cả cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động.

Đối với giới hạn tín dụng, hầu hết các quốc gia đều có quy chế nới lỏng hạn mức tín dụng của các công ty cho thuê tài chính hơn so với các định chế tài chính khác. Sở dĩ có sự nới lỏng hơn là do hoạt động của các công ty cho thuê tài chính có mức độ rủi ro thấp hơn các loại hình tài trợ khác. Đa số các quốc gia thường quy định hạn mức nợ/vốn từ 10/1 tới 20/1. Về hạn mức rủi ro tài trợ, các quốc gia đều cho rằng nếu quy định hạn mức này sẽ hạn chế khả năng ký kết những hợp đồng tài trợ lớn của bên thuê. Do đó, các quốc gia quy định hạn mức tài trợ cho một khách hàng lớn nhất dao động từ 20% - 200% vốn chủ sở hữu. Nhưng ở Việt Nam, tại Khoản 1 Điều 79 Luật các tổ chức tín dụng quy định về giới hạn cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng. Mà theo luật các tổ chức tín dụng tại khoản 3 Điều 20 thì công ty cho thuê tài chính là tổ chức tín dụng phi ngân hàng do đó cũng phải tuân theo quy định về biện pháp chống rủi ro tại Khoản 1 Điều 79 của luật này. Nhưng theo Khoản 2 Điều 31, Nghị định 16/CP của Chính phủ thì tổng mức cho thuê tài chính đối với một khách hàng không được vượt quá 30% vốn tự có của

công ty cho thuê tài chính. Theo chúng tôi quy định về giới hạn cho thuê tài chính đối với một khách hàng tại Nghị định 16/CP là hợp lý. Bởi đây là hoạt động tài trợ nhưng do nắm quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê nên nghiệp vụ cho thuê có mức độ an toàn cao hơn các khoản tiền cho vay thông thường của ngân hàng, do đó tỷ lệ này có thể được nâng lên cao hơn. Theo khuyến cáo của IFC, mức tài trợ tối đa đối với một khách hàng là 25% vốn tự có và quỹ dự trữ của công ty cho thuê tài chính. Như vậy, theo chúng tôi thì tại Khoản 1 Điều 79 cần phải bổ sung thêm là: “Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15%, riêng đối với hoạt động cho thuê tài chính là 30% vốn tự có của tổ chức tín dụng,....”.

3.3. PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ CHO THUÊ

Để thúc đẩy hoạt động cho thuê phát triển thì cần tiến hành phát triển các dịch vụ cho thuê như thực hiện cho thuê hoạt động, đa dạng hóa tài sản cho thuê, phát triển dịch vụ tư vấn máy móc thiết bị, vv...

3.3.1. Thực hiện nghiệp vụ cho thuê hoạt động

Thực tế hiện nay không phải khách hàng nào cũng có nhu cầu về thuê tài chính, mà có cả nhu cầu về thuê hoạt động. Để cho hoạt động cho thuê phát triển cũng như đáp ứng nhu cầu khách hàng và đa dạng hóa dịch vụ cho công ty cho thuê tài chính. Mặt khác, thời hạn của một giao dịch cho thuê tài chính bao gồm thời hạn cơ bản (basic period) và thời hạn tùy chọn (Option renewel period).

Thời hạn cơ bản: Là thời hạn mà bên thuê trả những khoản tiền thuê cho bên cho thuê để được quyền sử dụng tài sản. Trong suốt giai đoạn

này, bên cho thuê thường kỳ vọng thu hồi đủ số tiền đã bỏ ra ban đầu cộng với tiền lãi trên tổng số vốn đã tài trợ. Đây là thời hạn mà tất cả các bên không được quyền hủy ngang hợp đồng nếu không có sự chấp thuận của bên kia.

Thời hạn tùy chọn: Là thời hạn mà bên thuê có thể tiếp tục thuê thiết bị tùy theo ý muốn của họ. Tiền thuê trong suốt giai đoạn này thường rất thấp so với tiền thuê trong thời hạn cơ bản, thường chiếm tỷ lệ 1-2% tổng số vốn đầu tư ban đầu và thường phải trả trước vào đầu mỗi kỳ thanh toán.

Như vậy, khi hết thời hạn cơ bản của hợp đồng cho thuê tài chính mà bên thuê không mua tài sản theo giá tương ứng và cũng không thuê tiếp thì tài sản đó phải được bán hoặc cho các khách hàng khác thuê nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Như vậy, tài sản lúc này không thỏa mãn là một giao dịch cho thuê tài chính mà thể hiện của một giao dịch cho thuê hoạt động. Do đó, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn theo tôi, Chính phủ cần cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện cho thuê hoạt động và sớm ban hành quy chế hướng dẫn về loại hình cho thuê hoạt động để đáp ứng nhu cầu của các khách hàng đi thuê. Đồng thời bổ sung vào luật cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện nghiệp vụ cho thuê hoạt động bên cạnh nghiệp vụ cho thuê tài chính.

Bên cạnh việc cho phép các công ty cho thuê tài chính thực hiện nghiệp vụ cho thuê hoạt động thì chính phủ cũng phải xem xét và cho các công ty cho thuê tài chính thực hiện các loại hình cho thuê nhằm làm đa dạng hóa các dịch vụ. Để làm được điều này Chính phủ phải có những văn

bản hướng dẫn thực thi những nghiệp vụ đó. Cụ thể như những văn bản hướng dẫn thực thi nghiệp vụ mua và cho thuê lại đối với những tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Nghị định 16/2001/NĐ-CP cho phép thực hiện hình thức mua và cho thuê lại đối với các công ty cho thuê tài chính, nghiệp vụ này cho phép các doanh nghiệp tái cấu trúc vốn, tăng nguồn vốn lưu động nhằm giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp trong một giai đoạn nào đó. Vấn đề đặt ra là đối với doanh nghiệp quốc doanh, tài sản cố định tuy không hiện đại nhưng lại chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn, các doanh nghiệp thiếu tiền để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền công cho nhân viên trong khi máy móc thiết bị, nhà xưởng lại bỏ không, chưa được khai thác hết công suất. Các tài sản đó lại thuộc quyền sở hữu Nhà nước, chủ doanh nghiệp bị hạn chế quyền tự ý quyết định bán, cho thuê, chuyển nhượng tài sản khi chưa được sự đồng ý của các cơ quan chủ quản, thủ tục chuyển nhượng tài sản rắc rối, phức tạp khi tài sản đó còn có giá trị trên 70% và đang được sử dụng cho hoạt động của doanh nghiệp.

Như vậy, Nghị định đã mở ra hướng mới và tạo cơ hội thuê tài chính cho các doanh nghiệp thiếu vốn nói chung nhưng lại chưa triển khai, thực hiện được đối với các doanh nghiệp Nhà nước, do vậy Chính phủ, Bộ tài chính và các ban ngành liên quan cần phải nhanh chóng hoàn thiện các văn bản hướng dẫn.

Mặt khác, theo chuẩn mực số 06, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam cho thuê không hạn chế tài sản cho thuê là máy móc thiết bị, động sản hay bất động sản. Nhưng trong nội dung chuẩn mực cho thuê tài chính lại quy định đất đai nhà cửa lại thuộc cho thuê hoạt động do đó việc cho

phép thực hiện nghiệp vụ cho thuê hoạt động giải quyết được nhu cầu thuê bất động sản rất lớn hiện nay.

3.3.2. Đa dạng hóa tài sản cho thuê

Theo Nghị định 16/2001/NĐ-CP tài sản cho thuê là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác. Thực tế đây là các loại tài sản được giao dịch cho thuê nhiều nhất. Tuy nhiên, việc quy định như vậy còn có phần hạn chế vì bất động sản chưa được xem là tài sản cho thuê, điều này hạn chế hoạt động của công ty cho thuê tài chính cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đang hoạt động tại Việt Nam.

Hiện nay hầu hết các doanh nghiệp ngoài quốc doanh mới thành lập, vốn kinh doanh nhỏ nên không đủ điều kiện để tạo lập bất động sản mà phải thuê mượn văn phòng, nhà xưởng để hoạt động. Việc thuê mượn như vậy gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp vì kết cấu sử dụng không phù hợp, giá thuê cao, thời hạn thuê thường ngắn hạn làm cho các công ty không được yên tâm, không chủ động trong việc sản xuất kinh doanh. Nếu cho thuê tài chính cho phép giao dịch cho thuê bất động sản thì sẽ giải quyết được khó khăn trên, đáp ứng nhu cầu của nhiều doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất cần nhà xưởng để hoạt động ổn định, lâu dài.

Bất động sản cho thuê sẽ được cung cấp từ nhiều nguồn thông qua thị trường bất động sản, từ các nhà đầu tư tư nhân, các công ty đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà. Khi khách hàng có nhu cầu thuê một căn nhà, căn

hộ làm văn phòng hay một nhà xưởng thì tiến hành đàm phán với các nhà đầu tư kinh doanh bất động sản, sau đó tiến hành giao dịch với công ty cho thuê tài chính ký kết hợp đồng thuê tài chính và bên cho thuê cung ứng vốn cho Nhà kinh doanh bất động sản thi công xây dựng hoặc là chuyển giao nếu bất động sản có sẵn. Bất động sản vẫn do bên cho thuê đứng tên sở hữu và sẽ chuyển giao cho bên thuê sau một thời gian thuê theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính.

Thực tế hiện nay ở Tp. Hồ Chí Minh, tại một số các khu công nghiệp như Tân Tạo, Lê Minh Xuân – Chủ đầu tư là công ty đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng huyện Bình Chánh và khu công nghiệp Vĩnh Lộc thuộc công ty Kinh doanh và Đầu tư phát triển nhà Chợ lớn đã thu hút khách hàng thuê đất bằng cách xây dựng các nhà xưởng trong khu công nghiệp do mình quản lý theo thiết kế của khách hàng để sau đó bán hoặc cho khách hàng thuê lại. Đây là một mô hình nhận được nhiều sự hưởng ứng của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, các công ty chủ đầu tư nói trên gặp nhiều khó khăn về vốn đầu tư xây dựng, các khách hàng thì không đủ tiền để mua lại ngay bất động sản mà cần sự hỗ trợ và hợp tác từ phía các Ngân hàng và có thể là các công ty cho thuê tài chính. Để thực hiện được vấn đề này, ngoài việc phải bổ sung các quy định liên quan trong lĩnh vực cho thuê tài chính thì trở ngại lớn nhất hiện nay là vấn đề sở hữu nhà đất, ở Việt Nam chưa công nhận quyền sở hữu tư nhân về đất đai nhưng thực tế thị trường vẫn chuyển nhượng, mua bán. Vậy nên chẳng pháp luật phải có những quy định cụ thể về cái gọi là “sở hữu quyền sử dụng đất” và nó được mua bán công khai, hợp pháp gắn với sở hữu nhà. Các quy định hạn

chế Việt kiều và các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua bán bất động sản cũng cần phải được mở rộng và thông thoáng hơn nhằm thu hút hơn nữa nguồn vốn từ bên ngoài này.

3.3.3. Cho phép thực hiện kinh doanh ngoại tệ

Một trong những nguyên nhân làm cho hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam trong thời gian qua chưa thực sự phát triển đó là do những lo ngại về rủi ro tỷ giá. Để hạn chế rủi ro này hầu hết các quốc gia đều có quy định rất linh hoạt trong việc cho phép sử dụng đồng tiền thanh toán tiền thuê. Sự linh hoạt này cùng với những qui định khống chế mức phí tài trợ cho thuê cũng là nguyên nhân thúc đẩy cho thuê tài chính phát triển mạnh mẽ.

Chẳng hạn, Nhận Bản qui định nếu giao dịch diễn ra giữa các bên trong nước thì phải thanh toán bằng đồng tiền nội tệ. Nếu một bên là nước ngoài thì đồng tiền thanh toán do hai bên tự thỏa thuận. Còn ở Trung Quốc và Hàn Quốc thì cho phép có thể trả tiền thuê hoàn toàn bằng ngoại tệ.

Hiện nay, ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam chưa phát triển, vì vậy việc tài trợ cho thuê cho các doanh nghiệp phần lớn phải nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nước ngoài. Để thực hiện điều này các công ty cho thuê tài chính phải có nguồn ngoại tệ bằng cách đi vay từ trong nước hoặc từ nước ngoài. Trong trường hợp như thế, nếu tài trợ được tính theo đồng Việt Nam thì sẽ xuất hiện rủi ro về tỷ giá hối đoái, do đó việc ban hành Quyết định 18/NHNN –CSTT ngày 7 tháng 1 năm 2003 cho phép giao dịch cho thuê tài chính được thực hiện bằng ngoại tệ đối với những tài sản nhập

khẩu là một bước tiến mới nhằm phát triển ngành cho thuê tài chính ở Việt Nam. Tuy nhiên, Nghị định này còn có những điểm bất cập cụ thể là để thực hiện được giao dịch cho thuê tài chính bằng ngoại tệ thì bên thuê phải có nguồn thu bằng ngoại tệ hoặc được phép mua ngoại tệ. Chính quy định này tạo ra một mâu thuẫn giữa nhu cầu muốn tài trợ của các doanh nghiệp mà không đáp ứng được điều kiện của quy định này với mục đích hạn chế rủi ro hối đoái bằng cách tìm kiếm khách hàng thoả mãn những điều kiện của quy định này để cho thuê nhằm cố gắng giữ một trạng thái ngoại tệ an toàn.

Phương pháp giới hạn rủi ro hối đoái này tỏ ra không thuyết phục bởi lẽ đối với những khoản thuê lớn và đối tượng đi thuê là các doanh nghiệp có nguồn thu bằng ngoại tệ và được phép mua của ngân hàng thì có thể thực hiện được. Nhưng trong thực tế những khoản thuê không lớn và đối tượng đi thuê không đáp ứng được yêu cầu của Nghị định 18 là rất lớn do đó việc trả bằng ngoại tệ là không cần thiết mà việc tính tiền thuê nên tính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành.

Qua khảo sát của IFC thì có 31/37 nước cho phép định giá và thanh toán bằng ngoại tệ hoặc định giá bằng ngoại tệ và thanh toán bằng nội tệ được quy đổi tại thời điểm thanh toán.

Xuất phát từ các cơ sở trên đây, chúng tôi đề nghị trong Nghị định Chính phủ về hoạt động cho thuê tài chính cần có quy định đối với máy móc - thiết bị nhập khẩu có giá trị kinh tế cao, hợp đồng thuê có thể được tính và thanh toán bằng ngoại tệ hoặc nội tệ.

Như vậy, việc rủi ro tỷ giá là một trong những nguyên nhân làm cho hoạt động cho thuê tài chính chậm phát triển, do đó việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro hiện đại để phòng vệ rủi ro là điều cần thiết đối với công ty cho thuê tài chính, bằng cách cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ bên cạnh nghiệp vụ cho thuê.

Thực tế trên thế giới từ đầu thập niên 80 trở lại đây người ta không có tiêu thức phân định rõ ràng đâu là tổ chức tài chính ngân hàng và đâu là tổ chức tài chính phi ngân hàng vì các tổ chức tài chính này đều thực hiện mọi nghiệp vụ như nhau. Có nghĩa là các tổ chức tài chính trong đó có công ty cho thuê tài chính được thực hiện một số nghiệp vụ mà trước đây không được thực hiện như được thực hiện nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối. Thiết nghĩ Việt Nam cũng nên cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối nếu hội đủ điều kiện, và điều này sẽ giúp cho các công ty cho thuê tài chính chủ động trong việc phòng vệ rủi ro do tỷ giá thông qua việc thực hiện các nghiệp vụ hối đoái kỳ hạn, hoán chuyển ngoại tệ, vv.. Trước mắt Nhà nước nên cho phép các công ty thực hiện kinh doanh ngoại tệ với số vốn nhất định tùy thuộc vào số ngoại tệ dùng để nhập máy móc thiết bị do bên thuê yêu cầu.

3.3.4. Phát triển dịch vụ tư vấn máy móc thiết bị

Nhu cầu đầu tư mới máy móc thiết bị hiện nay là rất lớn mà bản thân các doanh nghiệp không thể am hiểu về tính năng cũng như kỹ thuật của các máy móc thiết bị có nhiều nguồn gốc khác nhau nên công ty cho

thuê tài chính cần phát triển dịch vụ tư vấn máy móc thiết bị để giúp khách hàng lựa chọn đúng sản phẩm cần xin tài trợ với chi phí thấp nhất và kỹ thuật tốt nhất.

Việc công ty cho thuê tài chính thực hiện dịch vụ tư vấn đem lại hiệu quả rất cao về mặt kinh tế cụ thể là giảm đi chi phí tìm kiếm nguồn tài sản vì công ty luôn có bộ phận tư vấn có trình độ cao về kỹ thuật cũng như nắm rõ giá cả của các mặt hàng hơn là tự doanh nghiệp tự tìm kiếm. Ngoài ra, việc phát triển dịch vụ tư vấn sẽ là một nghiệp vụ bổ sung bên cạnh nghiệp vụ cho thuê trên cơ sở đó cung cấp cho khách hàng dịch vụ tiện ích nhất và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

3.3.5. Có chính sách để mở rộng đối tượng cho thuê tài chính

Nghị định 16/CP của Chính phủ ban hành ngày 2/5/2001 về hoạt động của các công ty cho thuê tài chính cho phép bên thuê là các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích sử dụng của mình là phù hợp với luật các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, đối tượng thuê tài chính Nghị định chỉ nói chung và Thông tư hướng dẫn số 08/2001/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước lại hạn chế cá nhân vào diện phải đăng ký kinh doanh và hộ gia đình cá thể do đó hạn chế đối tượng khách hàng đến với công ty cho thuê tài chính. Theo chúng tôi thì cần mở rộng đối tượng đi thuê theo như tinh thần của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định 16/CP là bên thuê bao gồm cả cá nhân đủ điều kiện vay theo luật các tổ chức tín dụng, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho hoạt động kinh doanh sinh hoạt đời sống của mình. Cụ thể là đối tượng cho thuê tài chính phải bao gồm cả các trang trại, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hộ

kinh tế gia đình, vv... Có như vậy mới tạo điều kiện cho phép các xã viên hợp tác xã vận tải, xã viên hợp tác xã nông nghiệp, các làng nghề, các cá nhân có thể thuê tài chính. Tuy nhiên, Một vấn đề bất cập khác của ND/16 là ở Điều 23 và Điều 26 quy định bên thuê phải nộp báo cáo quý, quyết toán tài chính năm và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho bên cho thuê. Quy định này chưa hợp lý và không khả thi trong điều kiện hiện nay đối với đối tượng khách hàng là cá nhân, hộ kinh tế gia đình, các trang trại hoặc các bên thuê là tổ chức kinh doanh khác lại thường không có báo cáo quý, không có quyết toán tài chính hay các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh vì luật pháp không bắt buộc cũng như chưa có quy định hướng dẫn nào về cách lập báo cáo cho các đối tượng này. Thiết nghĩ để giải quyết vấn đề này theo chúng tôi cần có những văn bản bổ sung, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền đối với bên thuê là cá nhân hay hộ kinh tế gia đình, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, trang trại... để có đủ điều kiện thuê thì chỉ cần trình phương án, mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính cùng với việc đối chiếu hồ sơ chứng minh khác như: Chứng nhận trang trại, hộ sản xuất do chính quyền địa phương hay cơ quan có thẩm quyền cấp; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu nhà đất, vv...

3.4. NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Ngoài các giải pháp mang tính tổng thể thì để cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển thì bản thân mỗi công ty không ngừng nâng cao năng lực quản trị và điều hành.

3.4.1. Tái cơ cấu các công ty cho thuê tài chính

Ở Việt Nam hiện nay, có 8 công ty cung cấp dịch vụ cho thuê tài chính thì có tới 5 công ty trực thuộc các Ngân hàng thương mại quốc doanh. Sự kém đa dạng về sở hữu cùng với những yếu kém mang tính truyền thống trong tài chính và quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp quốc doanh này là nguyên nhân chính làm cho hoạt động cho thuê tài chính chậm phát triển, sức cạnh tranh thấp. Hiện nay, Chính phủ đang chủ trương thực hiện sắp xếp và cơ cấu lại hệ thống ngân hàng theo hướng đa dạng hóa các hình thức sở hữu nhằm mục tiêu sau:

Thứ nhất, đổi mới phương pháp quản lý, điều hành kinh doanh của các công ty theo yêu cầu thị trường, xóa bỏ tư tưởng ý lại thiếu trách nhiệm của các cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp. Phương thức hoạt động kinh doanh với mục tiêu là cung cấp dịch vụ tốt nhất làm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng và tìm kiếm lợi nhuận trên cơ sở phát triển bền vững.

Thứ hai, huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư vào các công ty cho thuê tài chính từ các ngân hàng thương mại cổ phần, các tổ chức tài chính – tín dụng ngoài quốc doanh, từ các tổng công ty thương mại dịch vụ và từ dân chúng, tăng năng lực cạnh tranh và tăng mức tài trợ vốn dài hạn của các công ty cho thuê tài chính trong nước so với các công ty cho thuê tài chính có vốn đầu tư nước ngoài.

Để cơ cấu lại các công ty cho thuê tài chính thuộc các ngân hàng thương mại quốc doanh theo chúng tôi nên lựa chọn theo hai hướng là cổ phần hóa hoặc hình thành mô hình tập đoàn.

3.4.1.1. Cổ phần hóa các công ty cho thuê tài chính của các ngân hàng thương mại nhà nước

Hiện nay các công ty cho thuê tài chính trực thuộc các ngân hàng thương mại hoạt động như là một công ty trách nhiệm hữu hạn lệ thuộc vào các ngân hàng mẹ cả về vốn và nhân sự. Do đó để tạo điều kiện cho các công ty này có tính tự chủ trong quản lý điều hành và huy động vốn cần cổ phần hóa các công ty này, mà vốn của các ngân hàng mẹ cấp ban đầu sẽ được chuyển thành cổ phần của ngân hàng thành lập. Tuy nhiên, việc tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ ở Việt Nam là hoàn toàn mới mẻ, nhưng với quyết tâm cơ cấu lại hệ thống tài chính thì việc tiến hành cổ phần hóa chắc chắn sẽ thành công, và cơ sở của sự thành công này là:

Thứ nhất, chúng ta có thể hoàn toàn thực hiện được việc cổ phần hóa các công ty cho thuê tài chính, vì mặc dù công ty cho thuê tài chính hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ nhưng là tổ chức tài chính phi ngân hàng nên hoạt động của nó không làm ảnh hưởng lớn đến chính sách tiền tệ quốc gia.

Thứ hai, đây không phải là ngành, lĩnh vực nhà nước cần nắm giữ độc quyền.

Thứ ba, các công ty cho thuê tài chính chưa thực sự được hỗ trợ nhiều từ ngân hàng mẹ và chưa phát huy được tính đặc thù mà gần như là cho vay trung – dài hạn, thậm chí có công ty do không khai thác được khách hàng nên đã gửi vốn kinh doanh qua các tổ chức tín dụng khác để

hưởng lãi, quá lệ thuộc vào ngân hàng mẹ. Do đó, nếu được cổ phần hóa thì công ty cho thuê tài chính sẽ chủ động hơn và sẽ phát huy được những ưu thế vốn có của nó.

Thứ tư, chúng ta đã có một số kinh nghiệm từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nói chung. Mặc dù Việt Nam chưa thực hiện tiến hành cổ phần hóa trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhưng việc triển khai cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp đã phần nào đúc rút ra những kinh nghiệm quý báu cho việc triển khai cổ phần hoá các công ty cho thuê tài chính nói riêng.

Thứ năm, tiến hành cổ phần hóa các công ty tài chính là phù hợp xu thế của thế giới trong quá trình hội nhập và cổ phần hóa cũng tận dụng được mọi nguồn vốn trong xã hội.

3.4.1.2. Xây dựng mô hình tập đoàn

Mô hình tập đoàn được các nước áp dụng là mô hình công ty mẹ, công ty con. Đây là hình thức quản lý nhằm khai thác và phát huy hết các tiềm năng vốn có của mỗi thành viên. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con dựa trên quan hệ sở hữu vốn góp và chiến lược kinh doanh chung có tính dài hạn của cả tập đoàn. So với việc cổ phần hóa thì việc thay đổi mô hình quản lý theo dạng công ty mẹ, công ty con có sự giống nhau ở mục tiêu đa dạng sở hữu vốn, thay đổi cách thức quản lý theo hướng thị trường, song điểm khác nhau là khi chuyển sang công ty cổ phần thì doanh nghiệp đó không trực thuộc Ngân hàng đã thành lập trước đây nữa mà trở thành một định chế tài chính trung gian độc lập, còn mô hình

công ty mẹ, công ty con thì công ty cho thuê tài chính độc lập về mặt luật pháp nhưng vẫn thuộc tập đoàn Ngân hàng đã thành lập ra nó trước đây.

Các công ty cho thuê tài chính hiện nay mặc dù là một doanh nghiệp được thành lập theo Pháp luật nhưng về tổ chức, hoạt động lệ thuộc nhiều vào Ngân hàng thương mại quốc doanh đã thành lập ra nó thể hiện ở việc sắp xếp bố trí cán bộ quản lý lãnh đạo, nguồn vốn được cấp hay mục tiêu, chiến lược kinh doanh, nhưng thực tế lại ít được quan tâm hỗ trợ trong hoạt động. Thay đổi mô hình nhằm tạo ra một cơ chế quản lý mới linh động hơn, độc lập hơn cho các công ty con nhằm khai thác hết năng lực vốn, khách hàng và lợi thế của cho thuê tài chính trong nền kinh tế. Thực hiện mô hình công ty mẹ, công ty con trên tinh thần ngân hàng thương mại quốc doanh vẫn là công ty mẹ, còn công ty cho thuê tài chính là công ty con.

Hiện nay, Chính phủ đang thí điểm áp dụng mô hình này cho các tổng công ty 90, 91 và khuyến khích các doanh nghiệp khác triển khai áp dụng. Tuy vậy việc thay đổi cơ cấu quản lý của lĩnh vực nhạy cảm với nền kinh tế theo mô hình mới đòi hỏi phải thận trọng, học hỏi kinh nghiệm của các nước để thí điểm ở một đơn vị sau đó nếu thành công, đạt kết quả tốt thì nhân rộng ra. Để thực hiện được mô hình mới mẻ này cần phải có các văn bản hướng dẫn thực hiện của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

3.4.2. Xây dựng cơ cấu tổ chức linh hoạt và đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao

Phương thức hoạt động cho thuê tài chính giữ vai trò như chiếc cầu nối giữa nhà chế tạo thiết bị và khách hàng là các doanh nghiệp, nhất là

các nhà sản xuất - vừa giúp nhà chế tạo bán được hàng, vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy nền sản xuất phát triển. Đồng thời, trên phương diện tín dụng, công ty cho thuê tài chính hoạt động như một định chế tài chính giữ chức năng tạo vốn, tài trợ cho vay để sản xuất.

Xuất phát từ những đặc điểm đó, công ty cho thuê tài chính đòi hỏi phải có một hệ thống cơ cấu tổ chức riêng cho phù hợp với những nét đặc thù của loại hình kinh doanh tín dụng này, chứ không thể áp dụng, theo khuôn mô hình của các loại định chế tài chính khác, mặc dù nó cũng có những nét tương đồng.

3.4.2.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức linh hoạt

Do đặc điểm của hoạt động cho thuê tài chính là hình thức tài trợ trung và dài hạn dưới hình thức cho thuê tài sản và liên quan đến cả lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, đến việc thẩm định giá trị tài sản, thiết bị cả về mặt công nghệ, giá trị sử dụng và về mặt tài chính.

Do đó, mô hình hoạt động của một công ty cho thuê tài chính đòi hỏi phải có ba cụm nghiệp vụ chủ yếu sau đây:

➤ Bộ phận nghiệp vụ tài trợ

Bộ phận này giữ chức năng huy động vốn, vay nợ và tiến hành tài trợ, hạch toán kế toán, định giá cho thuê, thẩm định rủi ro, xét tư cách khách hàng nhận tài trợ.

➤ Bộ phận tiếp thị và quản lý tài sản cho thuê

Bộ phận này đảm nhận vai trò vừa nghiên cứu mở rộng thị trường, vừa kiểm tra, kiểm soát việc khách hàng có thực hiện đúng thỏa thuận đối với tài sản, thiết bị hay không. Mặt khác bộ phận này có nhiệm vụ thẩm định công nghệ, đánh giá giá trị hữu ích, cũng như giá cả của tài sản, máy móc.

➤ Bộ phận xuất, nhập khẩu

Hoạt động của công ty cho thuê tài chính có mối liên hệ chặt chẽ với thị trường công nghệ, thị trường máy móc, thiết bị và các nhà cung cấp từ nước ngoài. Bộ phận đối ngoại và xuất, nhập khẩu đảm nhiệm toàn bộ các hoạt động liên hệ với bên ngoài để đảm bảo kế hoạch nhập khẩu máy móc thiết bị, công nghệ mới và xuất khẩu những máy móc cũ.

Ba bộ phận này có mối liên hệ ràng buộc chặt chẽ với nhau, vì mọi lĩnh vực đều có liên hệ phụ thuộc đến các bộ phận còn lại. Do đó, cần phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng mọi hoạt động của các bộ phận. Để làm được điều này, trước mắt các công ty cho thuê tài chính này phải được trang bị hệ thống công cụ quản lý hiện đại. Đưa tin học vào quản lý, nối mạng toàn công ty để thuận lợi cho việc truy xuất. Việc phân ra ba cụm bộ phận trên chỉ mang tính lý thuyết. Trong thực tế, các phòng chuyên môn có thể ít hơn hoặc nhiều hơn phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng công ty.

Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam hiện nay, có tới 5 công ty cho thuê tài chính trực thuộc ngân hàng thương mại quốc doanh. Do đó việc tổ chức quản lý của các công ty này chưa có tính độc lập cao. Song bản thân các công ty cho thuê tài chính này phải chủ động xây dựng một cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược kinh doanh của công ty và phải có tính độc lập cao

nhằm giảm bớt sự phụ thuộc về nhân sự cũng như các áp đặt từ ngân hàng mẹ, và việc xây dựng bộ máy phải xuất phát từ yêu cầu khách quan, từ chức năng nhiệm vụ của tổ chức, từ chiến lược kinh doanh của công ty. Ngoài ra, giám đốc phải có toàn quyền trong việc sử dụng cán bộ vào mục đích kinh doanh của công ty, không bị áp lực từ ngân hàng mẹ.

3.4.2.2. Thành lập phòng kinh doanh ngoại tệ

Đặc thù của ngành cho thuê tài chính là liên quan đến xuất nhập khẩu các máy móc thiết bị có giá trị lớn trong thời gian dài. Do đó, để hạn chế rủi ro do tỷ giá gây ra, các công ty cho thuê tài chính phải chủ động thành lập phòng chuyên kinh doanh hối đoái để thực hiện các nghiệp vụ kỳ hạn hối đoái, hoán chuyển hối đoái, hợp đồng hối đoái, các quyền chọn, vv... để khi nhà nước cho phép hoạt động thì các công ty đã sẵn sàng. Chính việc cho phép các công ty thực hiện kinh doanh hối đoái không những hạn chế được rủi ro mà còn cho phép công ty cho thuê tài chính đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh dịch vụ của mình. Trong thực tế các công ty sản xuất - thương mại lớn trên thế giới cũng đã có thành lập công ty con chuyên kinh doanh ngoại tệ như BP, IBM, vv...

3.4.2.3. Xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ cao

Xuất phát từ mô hình tổ chức như trên, một công ty cho thuê tài chính cần phải có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao về từng chuyên ngành hẹp.

Đối với bộ phận nghiệp vụ tài trợ, thì cần phải có các chuyên viên về ngân quỹ, tín dụng, kế toán. Còn bộ phận tiếp thị và quản lý tài sản cần

các chuyên viên về công nghệ, kỹ thuật thuộc chuyên ngành hẹp, các loại thiết bị mà công ty chuyên doanh. Riêng bộ phận xuất nhập khẩu, thì do các chuyên viên về xuất nhập khẩu đảm trách.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ của công ty phải là những chuyên gia trong lãnh vực hẹp của họ. Đối với những chuyên ngành mà công ty thiếu cán bộ hay không cần phải tuyển người chính thức thì cần nhờ đến các tổ chức tư vấn để sử dụng những chuyên gia có trình độ nghiệp vụ cao hay từng lĩnh vực thuộc các tổ chức khác. Tuy nhiên, về chiến lược dài hạn thì phải tăng cường công tác đào tạo cán bộ trên cả hai phương diện chuyên môn và đạo đức vì:

Thứ nhất, đa số cán bộ đều được chuyển qua từ các Ngân hàng, chưa được đào tạo cơ bản do vậy bên cạnh việc tuyển dụng cán bộ mới có kiến thức chuyên môn thì các công ty phải tiến hành thường xuyên tiến hành đào tạo lại bằng cách mở các lớp tập huấn về kiến thức thị trường, về nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ cho thuê tài chính, và cử một số cán bộ đi đào tạo chuyên môn và quản trị ở nước ngoài nhằm việc tiếp cận với công nghệ và phương pháp quản trị kinh doanh tài chính hiện đại của thế giới.

Thứ hai, do đặc thù của nghiệp vụ cho thuê tài chính là thường xuyên tiếp xúc với khách hàng để thiết lập quan hệ tín dụng, quan hệ mua bán. Lối suy nghĩ ban ơn, giúp đỡ khách hàng hay vụ lợi cá nhân vẫn tồn tại trong một số cán bộ làm công tác cho thuê tài chính và tín dụng nói chung, thực trạng đó là một cản trở lớn đến tiến trình cải tổ hệ thống tài chính ở Việt Nam. Do vậy yếu tố con người phải được coi trọng, công ty

phải tăng cường giáo dục tư tưởng, đề ra yêu cầu bắt buộc đối với cán bộ nhân viên là tính trung thực, đạo đức tư cách tốt và luôn luôn tôn trọng khách hàng, coi họ là đối tác kinh doanh, là người mang lại thu nhập chính đáng cho công ty và cho chính mình.

3.4.3. Mở rộng mạng lưới kinh doanh

Đối với các công ty cho thuê tài chính trực thuộc các ngân hàng thương mại hiện nay hoạt động chủ yếu ở các đô thị lớn như ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chưa thể tiếp cận với các đối tượng như nông dân, những doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các địa phương khác. Vì vậy chúng tôi đề xuất các công ty cho thuê tài chính trực thuộc các ngân hàng lớn như Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Đầu tư, Ngân hàng Công thương, vv... nên thực hiện ủy thác cho các chi nhánh ngân hàng ở các địa phương, thậm chí đến tận các Quận, Huyện để các chi nhánh này tiếp cận với khách hàng ở địa phương nhằm tiếp nhận hồ sơ, điều tra khách hàng, và chuyển cho công ty cho thuê tài chính ủy thác xem xét ra quyết định. Nếu hồ sơ khách hàng được chấp thuận thì chi nhánh ngân hàng sẽ tiếp tục nhận ủy thác cung ứng vốn, mua tài sản, bàn giao tài sản, thu hộ tiền thuê theo định kỳ trong hợp đồng, vv... Nếu thực hiện được thì đây là một cách để nông dân, những doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các địa phương tiếp cận với nghiệp vụ cho thuê tài chính trong điều kiện còn nhiều hạn chế của nền kinh tế chưa thể có một mạng lưới các tổ chức cho thuê rộng khắp hiện nay.

3.4.4. Xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý

Thành, bại của công ty là do chiến lược kinh doanh có hợp lý không? Với phương châm là thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng - “vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”. Vì thế mà công ty phải đa dạng hóa các loại hợp đồng cho thuê và cách thức tính tiền thuê.

3.4.4.1. Đa dạng hóa loại hình cho thuê tài chính

Đối với một công ty có thành công hay không là phải đa dạng hóa các loại hình cho thuê, có như vậy mới tận dụng được những ưu điểm của từng phương thức ứng cho từng đối tượng tham gia.

- Loại hình cho thuê hợp tác (Leveraged lease contract)

Trong điều kiện hiện nay, nhất là khi các công ty cho thuê tài chính có những hạn chế nguồn vốn không đủ khả năng tài trợ cho khách hàng thì đây là phương thức giải quyết được những hạn chế đó.

Theo loại hình này, bên cho thuê đi vay để mua tài sản cho thuê - từ một hay nhiều nhà cho vay nào đó. Theo luật pháp của một số quốc gia khoản tiền vay này không được vượt quá 80% tổng giá trị của tài sản tài trợ. Vật thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu tài sản cho thuê và các khoản tiền thuê mà bên thuê sẽ trả trong tương lai. Nhà cho vay được hoàn trả tiền đã cho vay từ các khoản tiền thuê thường do bên thuê trực tiếp chuyển trả theo yêu cầu của bên cho thuê. Sau khi trả hết món nợ vay, những khoản tiền thuê còn lại sẽ được trả cho bên cho thuê.

Về bên thuê, không có sự khác biệt trong mối quan hệ giao dịch với bên cho thuê. Loại hình cho thuê này đem lại lợi nhuận và mở rộng khả

năng tài trợ ra khỏi phạm vi nguồn vốn của bên cho thuê. Tuy nhiên, theo quy định hiện nay thì các ngân hàng không được trực tiếp cho thuê nên sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện loại hình cho thuê hợp tác. Bởi vì để thực hiện cho thuê hợp tác thì bên cho thuê phải đi vay từ các nhà cho vay và thế chấp tài sản cho thuê, nhưng hợp đồng cho thuê tài chính không được hủy ngang, không được phát mãi do đó sẽ gây ra rủi ro cho bên cho vay khi công ty cho thuê tài chính phá sản. Do đó, Chính phủ cần phải có văn bản hướng dẫn để giải quyết vấn đề này nhằm mở rộng cho thuê hợp tác. Ngân hàng Nhà nước có thể nghiên cứu xem xét cho các ngân hàng thương mại tham gia vào nghiệp vụ cho thuê tài chính với tư cách đồng tài trợ theo một tỷ lệ nhất định, có như vậy thì sẽ giải quyết được tình trạng khi công ty cho thuê tài chính phá sản thì nhà cho vay sẽ giảm thiểu được rủi ro do tài sản vẫn thuộc sở hữu của các bên đồng tài trợ và hợp đồng cho thuê tài chính vẫn có hiệu lực.

- Loại hình mua và cho thuê lại (Buying and Lease Back).

Trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều doanh nghiệp - nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ - gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn lưu động. Vay vốn sẽ gặp phải nhiều thủ tục, điều kiện khắt khe mà các doanh nghiệp này khó có thể thỏa mãn. Đồng thời, trong điều kiện doanh nghiệp có nhu cầu phải duy trì năng lực sản xuất nên không thể bán bớt tài sản cố định để chuyển thành tài sản lưu động. Trong tình hình đó loại hình mua và cho thuê lại có thể thỏa mãn được yêu cầu này của doanh nghiệp.

3.4.4.2. Đa dạng hóa các phương thức tính tiền thuê

Tùy theo tính chất hoạt động của các doanh nghiệp mà công ty cho thuê tài chính có thể sử dụng cách tính tiền thuê khác nhau cho phù hợp với tình hình hoạt động cũng như khả năng và nhu cầu cần tài trợ của doanh nghiệp.

Thông thường, các công ty cho thuê tài chính có thể áp dụng phương thức tính tiền thuê đều đặn giữa các định kỳ hoặc mức tiền thuê tăng dần hoặc giảm dần theo thời gian. Tuy nhiên, công ty cho thuê tài chính có thể áp dụng phương thức tính tiền thuê theo thời vụ. Việc thanh toán tiền thuê theo thời vụ được áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động theo thời vụ. Tính thời vụ thường không diễn ra theo một qui định nhất định, vì vậy tùy theo tình huống cụ thể mà công ty thiết lập công thức thích hợp để tính tiền thuê. Đồng thời, khi xây dựng chiến lược giá, công ty cho thuê tài chính cũng cần lưu ý đến việc cho thuê đơn lẻ và cho thuê theo chương trình, như chương trình cho thuê máy nông nghiệp 200 cái, 500 xe du lịch cho công ty du lịch, 400 máy nghiền đá, vv... Cho thuê theo chương trình với số lượng lớn sẽ tạo điều kiện giảm chi phí, do đó giá áp dụng sẽ phải thấp hơn cho thuê đơn lẻ.

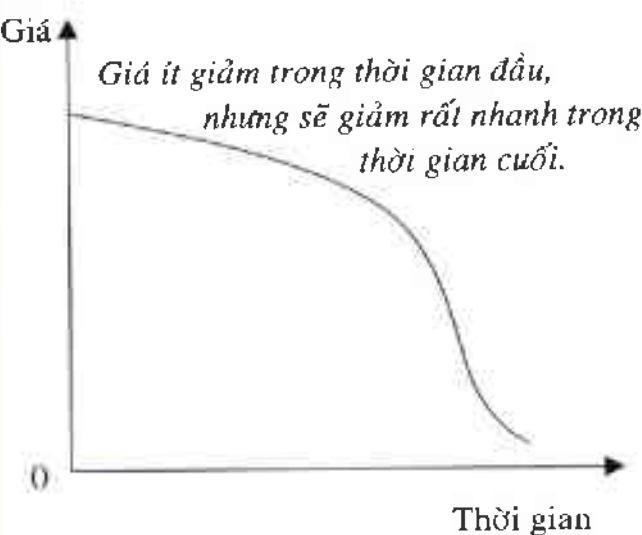
Ngoài ra, công ty cho thuê tài chính có thể áp dụng phương thức tính tiền thuê theo lãi suất thả nổi nhằm làm hạn chế rủi ro do lãi suất. Tức là hợp đồng cho thuê được áp dụng lãi suất thả nổi và mỗi định kỳ phải tính toán lại, mức thanh toán tiền thuê theo lãi suất mới của thị trường.

Song song với việc đa dạng hóa cách tính tiền thuê thì các công ty cho thuê tài chính cũng cần được Nhà nước cho phép công ty cho thuê tài

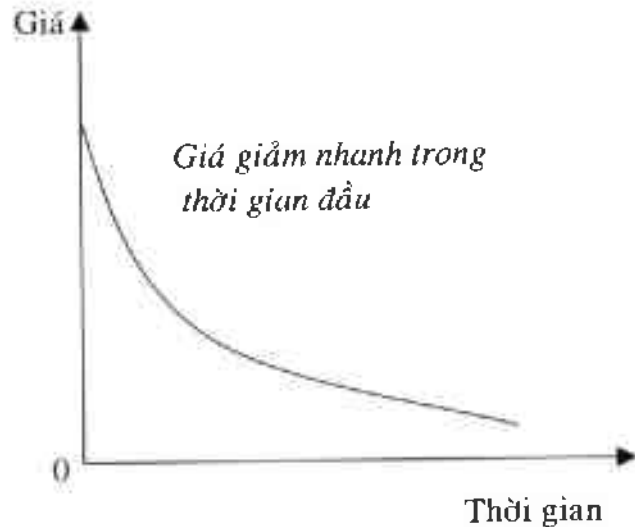
chính chủ động đưa ra mức tiền phạt hợp lý nhằm thu hồi đủ số tiền đã mua tài sản để tài trợ theo yêu cầu của bên thuê khi bên thuê vi phạm hợp đồng. Khoản tiền phạt này được bên thuê đưa ra và thỏa thuận với bên thuê và được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê tài chính. Việc quy định tiền thuê và mức phạt phụ thuộc vào các nhân tố như giá trị tài sản, thời gian hữu dụng của tài sản, mức độ hao mòn cả hữu hình và vô hình của tài sản, vv... Cụ thể đối với những tài sản cho thuê có thời gian hữu dụng ngắn và tốc độ giảm giá nhanh thì tiền thuê nên thanh toán đầu kỳ và mức phạt cao nếu bên thuê vi phạm hợp đồng, còn những tài sản có thời gian hữu dụng dài và tốc độ giảm giá chậm thì tiền thuê có thể được thanh toán cuối kỳ và mức phạt sẽ thấp hơn đối với những tài sản có tốc độ mất giá nhanh.

Do đó, trong hợp đồng cho thuê tài chính phải có sự kết hợp giữa tiền thuê và mức phạt trong vi phạm hợp đồng. Có như vậy mới giúp công ty cho thuê tài chính không bị thiệt hại khi bên thuê vi phạm hợp đồng và đây cũng là một yếu tố giúp công ty cho thuê tài chính phát triển.

Máy bay, tàu thủy, vv...



Xe hơi, vi tính, vv...



Sơ đồ 3.1: Xu hướng giảm giá của một số tài sản cho thuê (động sản)

3.4.5. Thực hiện việc quảng bá sản phẩm dịch vụ

Thực hiện việc quảng bá sản phẩm và dịch vụ thông qua xây dựng mạng lưới chi nhánh, báo chí, phát thanh truyền hình,...

3.4.5.1. Xây dựng trang web, tham gia cung cấp dịch vụ trực tuyến

Một trong những giải pháp để doanh nghiệp Việt Nam quảng bá sản phẩm dịch vụ của mình là thông qua thương mại điện tử. Hiện nay trên thế giới, thương mại điện tử đang gia tăng với tốc độ 200% trong những năm gần đây và doanh số thương mại điện tử toàn thế giới năm 2002 khoảng 300 tỷ USD. Nhưng ở Việt Nam mới chỉ có 2% doanh nghiệp có trang web riêng và chưa có hệ thống phục vụ thanh toán phạm vi toàn cầu. Mới đây Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt kế hoạch đầu tư 250 tỷ đồng để phát triển thương mại điện tử, đây là tín hiệu đáng mừng đối với các doanh nghiệp. Theo khảo sát thì ở Việt Nam hiện nay mới chỉ có 8% doanh nghiệp bắt đầu nghiên cứu dùng internet, 90% chưa tham gia mạng và 48% có thể truy cập internet nhưng để dùng trao đổi E - mail, chỉ khoảng 3.000 doanh nghiệp chiếm 2% là có website riêng.^[5, số 2534] Trong khi theo ông John Gillies – chuyên gia cao cấp Trung tâm thương mại Quốc tế (ITC) hiện có 18% xuất khẩu toàn cầu là giao dịch trên mạng được thực hiện thông qua thương mại điện tử. Các nước Tây Âu, Mỹ, Canada và cả Ấn Độ sử dụng thương mại điện tử rất nhiều vì chi phí thấp (1 USD – 50 USD / kênh phân phối), thông tin nhanh, vượt qua biên giới mọi quốc gia và các rào cản thủ tục,... Bộ thương mại khuyến cáo sức cạnh tranh của quốc gia Việt Nam đã tụt hậu so với các nước trong khu vực. Nếu không bắt đầu

thương mại điện tử từ bây giờ thì khoảng cách tụt hậu ngày càng lớn hơn. Vì vậy các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nhanh chóng xây dựng cho riêng mình một web site. Việc toàn cầu hoá đã tạo ra thuận lợi và cơ hội kinh doanh ở trên các thị trường mới nổi. Do đó các công ty Việt Nam phải nhanh chóng tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ vào việc quản lý, giới thiệu sản phẩm dịch vụ và tham gia vào thị trường thương mại điện tử, việc giao dịch được tiến hành thông qua mạng toàn cầu góp phần giảm giá thành, tiết kiệm được thời gian và không gian không hạn chế. Muốn vậy thì các công ty phải nhanh chóng xây dựng cho mình một web site tạo cho mình một địa chỉ trang Web trên internet. Việc đăng ký tên miền (domain name) rất quan trọng vì nó gắn liền với tên công ty, hay nhãn hiệu, logo của công ty. Và khi xây dựng tên miền cần phải ngắn gọn. Tuy nhiên để thương mại điện tử phát triển thì một vấn đề mấu chốt là cơ sở hạ tầng, môi trường pháp lý, vai trò của chính phủ. Mục tiêu cụ thể về phát triển thông tin của Việt Nam được Chính phủ phê duyệt đến năm 2005, 4% - 5% dân số cả nước được kết nối internet, tăng gấp 10 lần hiện nay. Chính phủ cũng đang cố gắng để đẩy nhanh thương mại điện tử bằng cách đưa ra dự thảo pháp lệnh thương mại điện tử quy định chi tiết về chữ ký điện tử an toàn, chứng nhận điện tử, tổ chức cấp chứng nhận, dữ liệu điện tử, trao đổi dữ liệu điện tử, giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng,... nhằm tạo hành lang pháp lý cho thương mại điện tử phát triển, sớm cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể đứng trên trường quốc tế cũng như tại thị trường bản địa.

3.4.5.2. *Triển khai xây dựng cho công ty một thương hiệu*

Khi nền kinh tế giữa quốc gia không có rào cản về hàng rào thuế quan, hạn ngạch thì một rào cản cho các doanh nghiệp đó là chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp đó mang lại, điều này được thể hiện qua sự nổi tiếng của công ty và một trong yếu tố đó là thương hiệu. Việc xây dựng thương hiệu cho công ty không phải sẽ có trong ngày một ngày hai mà phải được xây dựng qua thời gian, tiềm lực kinh tế, lợi thế của công ty so với đối thủ và trên hết là nó được xây dựng trên cơ sở lòng tin của khách hàng. Do đó, việc xây dựng một thương hiệu là hết sức khó khăn, nhưng việc giữ nó là hết sức quan trọng vì vậy các doanh nghiệp vừa phải xây dựng và bảo vệ bằng cách phải tiến hành đăng ký bản quyền thương hiệu trên các thị trường quốc tế tránh việc bị mất bản quyền trên thị trường thế giới. Bài học từ các doanh nghiệp của Việt Nam có nhãn hiệu nổi tiếng từ hàng chục năm nay như: Petrolimex, gạo Nàng hương, cà phê Trung Nguyên, Vinatea, Nước mắm Phú quốc, vv... nhưng do chưa đăng ký thương hiệu ở nước ngoài nên đã bị một số hãng nước ngoài đăng ký và muốn lấy lại được sẽ phải tốn không ít tiền bạc cho những tranh chấp pháp lý. Vinatea là một điển hình, trước đây chè của tổng công ty xuất sang Nga với nhãn hiệu Rồng Vàng rất thuận lợi, nhưng do không chú trọng tới việc đăng ký đã bị một công ty Nga đăng ký chiếm nhãn hiệu này và hậu quả là Vinatea mất cả nhãn hiệu lẫn thị trường. Theo thống kê chưa đầy đủ của Baker & Mackenzie, hiện có khoảng 150 nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam bị đăng ký trộm tại quận Cam – nơi tập trung nhiều người Việt tại Mỹ.^[6, số 202] Một điển hình nữa là Gạo Việt Nam hàng năm xuất khẩu gần

4 triệu tấn,^{15, số 25051} đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo, nhưng lại được bán trên thị trường dưới thương hiệu gạo Thái Lan. Còn cà phê, theo nhận định của các công ty thu mua hàng đầu thế giới, chất lượng cà phê Việt Nam không thua kém cà phê Brazil, nhưng vì không có thương hiệu nên không thể thu mua bằng giá cà phê Brazil. “thương hiệu sản phẩm, biểu tượng công ty rất quan trọng, nó là “vị đại sứ” đặc lực giúp nhà sản xuất, nhà cung ứng dịch vụ thâm nhập thị trường”. Chính vì vậy mà các công ty phải nhanh chóng tiến hành xây dựng và đăng ký thương hiệu khi Việt Nam tham gia vào AFTA, WTO. Muốn vậy, trước hết các công ty Việt Nam nói chung và các công ty cho thuê tài chính nói riêng phải xác định khách hàng sử dụng sản phẩm của mình là ai, thị trường của mình ở khu vực nào? Tiếp đó là xác định đối thủ cạnh tranh. Sau khi đã có đầy đủ những thông tin này, công ty cần tập trung nghĩ xem sản phẩm dịch vụ của mình có lợi thế gì và từ đó chọn một thương hiệu toát lên ưu thế của sản phẩm dịch vụ của công ty mình.

3.4.6. Đa dạng hóa nguồn huy động vốn

Ngoài yêu cầu phải tăng nguồn vốn tự có, vốn điều lệ thì các công ty cho thuê tài chính phải tận dụng những quy định cho phép của Nhà nước trong việc thực hiện các nghiệp vụ nợ nhằm huy động tối đa nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội, thu hút được các nhà đầu tư tư nhân và các tổ chức tín dụng, tài chính tham gia đầu tư vào thị trường cho thuê tài chính.

3.4.6.1. Triển khai nghiệp vụ huy động tiền gửi dài hạn

Nghiệp vụ này hoàn toàn mới mẻ với các công ty cho thuê tài chính cũng như đối với người gửi tiền vì từ trước tới nay các khách hàng chỉ mới quen giao dịch với các tổ chức ngân hàng và hợp tác xã tín dụng. Do vậy, bên cạnh việc phải tiến hành công tác thông tin quảng cáo đại chúng về dịch vụ mới thì các tổ chức cho thuê tài chính phải nhanh chóng xây dựng quy trình nghiệp vụ, thành lập các bộ phận chức năng để sẵn sàng triển khai việc nhận tiền gửi của các tổ chức và cá nhân.

Một lợi thế khi triển khai dịch vụ mới là các tổ chức cho thuê tài chính đều trực thuộc các Ngân hàng thương mại cho nên nhận được nhiều hỗ trợ về mặt nghiệp vụ, về tổ chức nhân sự, về kinh nghiệm... Song đó cũng là một thách thức khi các công ty này không những phải cạnh tranh với chính các Ngân hàng và chi nhánh trong cùng hệ thống. Tận dụng những lợi thế về sức trẻ, bộ máy mới thành lập còn gọn nhẹ... các công ty cho thuê tài chính phải phát huy lợi thế cạnh tranh trên các mặt như: Nâng cao chất lượng phục vụ theo phong cách mới với các phương tiện tác nghiệp hiện đại; Thái độ phục vụ chu đáo, ân cần; Lãi suất huy động cạnh tranh...

Song song với việc đẩy mạnh nghiệp vụ huy động vốn tiền gửi thì các công ty cho thuê phải xây dựng phương án tăng cường cho thuê hay đa dạng các nghiệp vụ đầu tư khác trong khuôn khổ cho phép nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tránh tình trạng lúc thì không đủ vốn nay lại ứ đọng vốn.

3.4.6.2. Phát hành trái phiếu

Đây là một nghiệp vụ được phép song từ trước tới nay chỉ có một công ty duy nhất là công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam phát hành được 30 tỷ đồng, còn các công ty khác thì chưa khai thác được nguồn vốn này.

Nay với sự ra đời và phát triển của thị trường chứng khoán, các công ty cho thuê tài chính nên sử dụng thị trường này với sự tham gia của đông đảo các nhà đầu tư để huy động thêm nguồn vốn nhàn rỗi từ công chúng nhằm khai thác hết tiềm năng nội lực đất nước và các nguồn đầu tư tài chính gián tiếp từ bên ngoài. Việc phát hành trái phiếu có thể được bảo lãnh, bao tiêu bởi một nhóm các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng như quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty chứng khoán, vv...

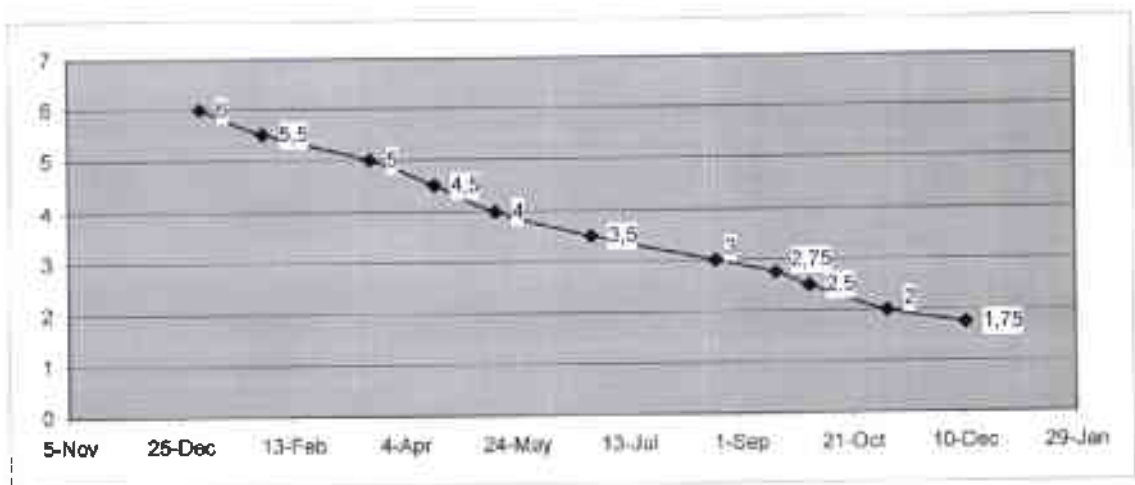
3.4.6.3. Tăng cường mua hàng trả chậm từ nhà cung cấp

Trong giai đoạn kinh tế thế giới đang có biểu hiện khủng hoảng thừa, cung vượt quá cầu, các nước kinh tế phát triển liên tục hạ lãi suất đến mức thấp nhất như Nhật Bản lãi suất ở mức từ 0,25 – 0%, ở Mỹ từ 6% đầu năm 2001 xuống còn 1,75% vào cuối năm 2001 (biểu đồ 3.1).

Việc cắt giảm lãi suất cùng với chính sách mở cửa thị trường hàng hóa, thị trường xuất nhập khẩu Việt Nam qua việc phê duyệt Hiệp định Thương mại Việt Mỹ, hội nhập AFTA... tạo nên một luồng đầu tư mới được dự báo là sẽ tăng trưởng với tốc độ nhanh. Chính nhờ các yếu tố đó

làm xuất hiện các nhà cung cấp nước ngoài do có được lợi thế về chi phí vốn sản xuất thấp nên sẵn sàng cung cấp máy móc, thiết bị theo hình thức thanh toán trả chậm cho thị trường Việt Nam đầy tiềm năng trong những năm sắp tới. Các công ty cho thuê tài chính là địa chỉ được các nhà cung cấp quan tâm vì ở đó họ nhận được sự bảo đảm, an toàn về tài chính so với mua bán trực tiếp với khách hàng sử dụng. Cơ hội giúp các công ty cho thuê tài chính tăng được vốn kinh doanh, tăng thêm khả năng đáp ứng cho thị trường đồng thời bên thuê cũng được hưởng lợi do tài sản cho thuê được tăng lên, giá thuê có xu hướng giảm xuống do chi phí sử dụng vốn của bên cho thuê giảm...

Biểu 3.1: Biểu đồ cắt giảm lãi suất ở Mỹ từ tháng 3 - 12 năm 2001



Để thực hiện được nhiệm vụ trên, các công ty cho thuê tài chính trước hết cần phải có một chiến lược kinh doanh rõ ràng, xác định nhóm tài sản cho thuê và đối tượng cho thuê nhằm thuyết phục được đối tác nhà cung cấp.

3.5. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ ĐỂ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

Giai đoạn từ nay đến năm 2005 là giai đoạn thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam đã tụt hậu so với thế giới cũng như khu vực, nên để tránh tụt hậu xa hơn nữa đối với thế giới và khu vực thì không có con đường nào khác là phải công nghiệp hóa- hiện đại hóa. Chính nhu cầu cấp bách này đòi hỏi phải có các giải pháp hỗ trợ để thúc đẩy loại hình cho thuê tài chính phát triển.

3.5.1. Xây dựng các chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính

Cho thuê tài chính được thực hiện chủ yếu bằng nguồn vốn đi vay trung và dài hạn. Đây là nguồn vốn có lãi suất cao nhất của các tổ chức tài chính. Nếu các tổ chức tài chính, đặc biệt là công ty cho thuê tài chính thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước thì bắt buộc bên cho thuê phải tài trợ với lãi suất cao và như vậy phương thức cho thuê tài chính tỏ ra thiếu hấp dẫn cho công cuộc đổi mới thiết bị công nghệ. Chính vì vậy, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đối với các công ty cho thuê tài chính, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

3.5.1.1. Chính sách ưu đãi về thuế đối với các công ty cho thuê tài chính

Vai trò của thuế không chỉ tập trung vốn cho ngân sách Nhà nước, mà còn là một công cụ để thúc đẩy hoặc hạn chế sự phát triển đối với từng ngành, từng lĩnh vực, hay nói cách khác là định hướng vốn đầu tư vào

những ngành mang lại lợi ích kinh tế xã hội cao nhất, nhằm thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế phát triển với tốc độ cao và bền vững.

Các tổ chức trung gian tài chính hoạt động mang tính tổng hợp, có tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, vì vậy chính sách thuế đối với tổ chức trung gian tài chính không những ảnh hưởng đến bản thân tổ chức đó mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội, đặc biệt là các ngành kinh tế.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp các công ty cho thuê tài chính thường được áp dụng như qui định đối với các định chế tài chính khác. Ở Việt Nam hiện nay thuế thu nhập doanh nghiệp của ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, công ty tài chính có thuế suất 32% (hiện Quốc hội đang thông qua dự thảo điều chỉnh thuế suất xuống còn 28%). Kinh nghiệm ở một số nước nhằm khuyến khích cho ngành công nghiệp cho thuê phát triển thì thuế thu nhập thường có thuế suất thấp hơn so với các định chế tài chính. Thiết nghĩ ở Việt Nam để thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính phát triển, trong thời gian đầu cần áp dụng thuế thu nhập cho công ty cho thuê tài chính có thuế suất thấp hơn thuế áp dụng cho các ngân hàng thương mại bởi lẽ:

+ Hầu hết các công ty cho thuê tài chính đều hoạt động chưa có quy mô lớn, có những công ty còn thua lỗ vì chi phí hoạt động của nghiệp vụ cho thuê tài chính cao hơn nhiều so với các định chế tài chính khác.

+ Cần phải phát triển các hoạt động cho thuê tài chính để biến hoạt động này thành hoạt động có tỷ trọng lớn trong lĩnh vực tài trợ cho việc mua sắm máy móc thiết bị công nghệ cao, thực hiện công nghiệp hóa –

hiện đại hóa một số ngành kinh tế còn lạc hậu. Nếu để cho ngân hàng thương mại cho vay sẽ bị vướng mắc về tài sản đảm bảo, vướng mắc về nguồn vốn (các ngân hàng thương mại chủ yếu kinh doanh vốn ngắn hạn).

+ Để khuyến khích công chúng và các nhà đầu tư đầu tư vào tổ chức cho thuê tài chính để tăng tốc độ phát triển hoạt động cho thuê tài chính đảm bảo cho nhà đầu tư có một lợi tức bình quân tương đương các hoạt động đầu tư vào các tổ chức tài chính khác như ngân hàng, công ty tài chính, vv...

+ Đảm bảo một lãi suất đầu ra (chi phí của bên thuê) để bên thuê có khả năng tiếp cận với loại hình tài trợ còn mới mẻ này trong bước đầu cải cách hệ thống tài chính Việt Nam – một hệ thống tài chính mà gần như tín dụng ngân hàng có vị trí độc tôn trong hoạt động tài trợ cho các doanh nghiệp với nhiều rủi ro và vướng mắc khó tháo gỡ.

+ Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực cho thuê tài chính ngày càng nhiều hơn để qua đó thu hút vốn và công nghệ của nước ngoài một cách thuận lợi hơn.

- Đối với thuế xuất nhập khẩu: Nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc quy định miễn thuế xuất nhập khẩu đối với những tài sản cho thuê nhập khẩu, phục vụ cho các ngành sản xuất hàng xuất khẩu. Trong những trường hợp khác, nếu tài sản thuê được tái xuất khi kết thúc hợp đồng thì đều được hoàn thuế xuất nhập khẩu. Thiết nghĩ đối với Việt Nam hiện nay là phải công nghiệp hóa - hiện đại hóa, ưu tiên cho những ngành xuất khẩu do đó, những máy móc thiết bị được nhập khẩu cho các công ty sản xuất hàng xuất khẩu hay sản xuất hàng thay thế nhập khẩu được Nhà

nước khuyến khích, nên được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu. Những máy móc sau khi hết thời hạn thuê được tái xuất khẩu ra nước ngoài cần được hưởng các qui chế miễn thuế xuất khẩu đối với công ty cho thuê tài chính.

- Đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Hiện nay do nhu cầu vốn để đầu tư thay đổi trang thiết bị hiện đại, mà phải ưu tiên thu hút vốn nước ngoài, do đó Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về thuế đối với các bên cho thuê là nước ngoài, bởi bên cạnh các lợi ích thu hút vốn, chuyển giao công nghệ thì vốn đầu tư cho hoạt động cho thuê tài chính không tính vào nợ quốc gia. Ở Trung Quốc, mức thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài ở mức rất thấp chỉ ở mức 5%. Tại Việt Nam hiện nay thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài có ba mức thuế suất 3%, 5% và 7%. Để khuyến khích hoạt động cho thuê tài chính phát triển nhà nước cần xem xét và quy định mức thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với các công ty cho thuê tài chính nước ngoài là 3% có như vậy mới hấp dẫn nhà đầu tư bỏ vốn kinh doanh vào lĩnh vực còn mới mẻ này.

3.5.1.2. Chính sách ưu đãi về vốn cho các công ty cho thuê tài chính

Nghị định 16/CP cũng phần nào tạo điều kiện cho các công ty cho thuê tài chính có nhiều cơ hội huy động vốn. Vốn hoạt động của công ty cho thuê tài chính bao gồm vốn tự có và vốn vay. Mà vốn tự có của các công ty này thì rất hạn hẹp thể hiện ở vốn điều lệ của công ty chỉ ở mức khoảng 55 tỷ đồng. Mà nhu cầu đầu tư trang thiết bị máy móc phải đòi hỏi một nguồn vốn lớn. Để đáp ứng nhu cầu này các công ty cho thuê tài chính phải đi vay để bổ sung nguồn vốn và tổng số vốn đi vay không quá 20 lần

vốn tự có theo quy định. Vả lại, nghiệp vụ cho thuê tài chính là tài trợ trung hạn và dài hạn do đó nguồn vốn đi vay cũng phải tương ứng, những nguồn vốn này lại có lãi suất cao từ đó làm đẩy lãi suất cho thuê cao không khuyến khích phát triển được nghiệp vụ tài trợ này. Thiết nghĩ, để thúc đẩy hoạt động cho thuê phát triển thì trong giai đoạn đầu Nhà nước cần có những ưu đãi về nguồn vốn như.

- Ưu tiên cung ứng vốn tín dụng ưu đãi cho các công ty cho thuê tài chính. Nguồn tín dụng ưu đãi bao gồm từ ngân sách Nhà nước và các nguồn tài trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế và Chính phủ các nước. Trong điều kiện hiện nay, nguồn tín dụng ưu đãi lấy từ ngân sách Nhà nước chủ yếu sử dụng cho mục đích xã hội và một phần cho các ngành kinh tế then chốt.

Nguồn tài trợ từ nước ngoài như viện trợ của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Công ty tài chính Quốc tế (IFC), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và các khoản viện trợ không hoàn lại (ODA). Các nguồn viện trợ trên đây thường có một phần dành riêng cho phát triển nông nghiệp, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhà nước có thể lấy một phần từ các nguồn này để hỗ trợ cho các lĩnh vực mục tiêu của dự án thông qua cấp tín dụng ưu đãi cho các tổ chức cho thuê tài chính.

Lãi suất của các nguồn viện trợ quốc tế thường là lãi suất thấp, khoảng từ 0,5% - 6% năm, như vậy Nhà nước hỗ trợ cho các công ty cho thuê tài chính từ các nguồn này sẽ làm giảm chi phí nguồn vốn và tạo điều kiện để có thể áp dụng lãi suất vừa phải cho các doanh nghiệp.

Ngoài nguồn vốn ưu đãi nói trên, ngân sách Nhà nước có thể cung cấp vốn cho các công ty cho thuê tài chính để thực hiện chiến lược ưu tiên thông qua việc phát hành công trái với lãi suất hấp dẫn.

Kinh nghiệm của Nhật sau cuộc khủng hoảng dầu hỏa 1973, Chính phủ đã phát hành công trái, một phần để bù đắp thiếu hụt ngân sách, một phần để tài trợ cho các ngành năng lượng và sản xuất các thiết bị tiết kiệm năng lượng.

Ngoài việc phát hành trái phiếu nội địa, Chính phủ có thể phát hành trái phiếu trên thị trường tài chính quốc tế hoặc giúp đỡ các công ty cho thuê tài chính phát hành để thu hút nguồn ngoại tệ nước ngoài. Đối với nguồn này, Nhà nước có thể sử dụng để đầu tư vào các công trình trọng điểm và dành một phần để hỗ trợ cho các công ty cho thuê tài chính.

Trong thập kỷ 90, các nước châu Á, đặc biệt là các nước công nghiệp mới NICs, các nước ASEAN (trừ Việt Nam) và Trung Quốc đã khá thành công trong việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế.

Chẳng hạn, trên thị trường Nhật, trong năm 1994, quy mô phát hành trái phiếu của các nước Châu Á ngày càng gia tăng, và chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các khu vực khác trên thế giới.

Bảng 3.1: Phát hành trái phiếu của nước ngoài trên thị trường Nhật

Đơn vị: 100 triệu yên

Năm	1990	1991	1992	1993	1994
Khu vực					
1. Châu Á	650	1.490	450	2.565	3.360
2. Đông Âu	300	600	300	2.050	1.350
3. Nam Âu	1.000	1.785	5.061	5.184	3.358
4. Trung và Nam Mỹ	0	0	0	450	820
5. Các nước phát triển	2.350	460	2.400	5.635	2.271
6. Các tổ chức quốc tế	1.450	700	2.540	700	0
Tổng	5.750	5035	11.751	16584	11.159

Nguồn: Tài liệu của Công ty tài chính Quốc tế¹⁴⁹⁾

- Bảo lãnh cho các công ty cho thuê tài chính vay vốn nước ngoài hoặc mua máy móc thiết bị trả chậm. Nhà nước cần có chính sách nhằm tạo điều kiện và bảo lãnh cho các công ty cho thuê tài chính vay vốn trên thị trường quốc tế và mua bán hàng trả chậm. Để có thêm vốn hoạt động các công ty còn có thể vay từ chương trình tài trợ xuất khẩu của các tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế (OECD) thuộc các nước phát triển. Đối với các nguồn vốn này thì thời hạn hoàn trả tối đa là 10 năm cho các quốc gia có chỉ số GNP thấp và lãi suất tương đối mềm hơn so với lãi suất thị trường. Loại lãi suất đang áp dụng hiện nay là lãi suất dựa trên SDR (Special Drawing Right) 7,35% năm (thấp hơn lãi suất thị trường - 9,5% năm) và trong tương lai sẽ chuyển sang lãi suất tham khảo thương mại CIRR (Commercial Interest Reference Rate). Lãi suất CIRR được tính dựa trên tỷ suất lãi của trái phiếu Chính phủ trung hạn, cộng thêm một mức cố định.

Người mua máy móc thiết bị phải thanh toán tối thiểu là 15% giá trị hợp đồng và tín dụng xuất khẩu có thể cung cấp đến 85% giá trị hợp đồng.

Tín dụng xuất khẩu OCED có thể trực tiếp tài trợ cho người mua hoặc tài trợ theo hạn mức tín dụng cho các ngân hàng. Như vậy, các công ty cho thuê tài chính đều có thể tiếp cận được nhưng phải có sự bảo lãnh của các ngân hàng Nhà nước.

Ngoài các khoản tín dụng ưu đãi có thể vay theo Chương trình tín dụng xuất khẩu, các công ty cho thuê tài chính cũng cần vay vốn trên thị trường nước ngoài. Trong trường hợp này thường phải có sự bảo lãnh của một ngân hàng thương mại có uy tín trong nước.

- Ngân hàng Nhà nước có chính sách ưu tiên tái cấp vốn cho các ngân hàng thương mại theo “Hồ sơ tín dụng” cho vay các công ty cho thuê tài chính. Đây là một hình thức gián tiếp khuyến khích các ngân hàng thương mại cho các công ty cho thuê tài chính vay để tài trợ cho khách hàng.

3.5.2. Hình thành và phát triển thị trường máy móc thiết bị cũ

Cần thiết lập một thị trường mua bán máy móc, thiết bị cũ từ các nguồn có sẵn trong nước để các công ty cho thuê tài chính có thể bán những máy móc cũ, đã lỗi thời so với công nghệ tiên tiến nhưng còn phù hợp với nhu cầu của một số khách hàng ở những địa phương nào đó hoặc làm nguyên liệu để tái chế đến đúng người cần chúng.

Hiện nay, Việt Nam chưa có thị trường mua bán máy móc thiết bị cũ làm hạn chế nhu cầu trao đổi, thay thế trang thiết bị nói chung của cả nền kinh tế và cũng là một khó khăn cho hoạt động của thị trường cho thuê tài

chính. Sự cần thiết phải có một thị trường máy móc thiết bị cũ xuất phát từ hai lý do:

Một là; có nhiều doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu thuê tài chính đối với tài sản không phải là mới mà là tài sản đã qua sử dụng nhưng phù hợp với công nghệ sản xuất của họ nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, giảm giá thành sản xuất.

Hai là; thị trường mua bán thiết bị cũ giúp các công ty cho thuê có thể xử lý nhanh chóng các tài sản thu hồi do hết hợp đồng mà khách hàng không mua hoặc do tranh chấp mà không cho thuê lại được một cách nhanh chóng, tránh bị ứ đọng vốn và hư hại tài sản do không bảo quản tốt.

3.5.3. Hình thành và phát triển các tổ chức giám định kỹ thuật

Cần tổ chức mạng lưới giám định chất lượng tài sản, công nghệ, máy móc, thiết bị để hỗ trợ cho các hoạt động giao dịch cho thuê thành công.

Trong các doanh nghiệp ở Việt Nam máy móc - thiết bị chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài. Tuy nhiên, trong thời gian qua, kỹ thuật và công nghệ nhập khẩu chủ yếu thuộc loại trung bình và lạc hậu. Để hạn chế tình hình đó cần thiết phải có mạng lưới giám định chất lượng tài sản để tư vấn kỹ thuật và công nghệ. Việc tổ chức giám định chất lượng tài sản phải được tổ chức ngay tại công ty cho thuê tài chính và cơ quan có thẩm quyền là các công ty kiểm toán, viện khoa học kỹ thuật.

3.5.4. Hình thành các tổ chức đánh giá tín nhiệm và trung tâm cung cấp thông tin tín dụng

Cần thiết lập các tổ chức đánh giá tín nhiệm cũng như xây dựng một ngân hàng thông tin về công nghệ, rủi ro trong hoạt động cho thuê tài chính. Từ đó tạo điều kiện cho các công ty cho thuê tài chính cũng như khách hàng lựa chọn công nghệ phù hợp và các hợp đồng giao dịch phù hợp tránh những rủi ro có thể xảy ra.

3.5.5. Phát triển thị trường bảo hiểm

Để thúc đẩy và tạo điều kiện cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển không thể không phát triển thị trường bảo hiểm. Thực tế thị trường bảo hiểm ở Việt Nam trong thời gian qua đã có những bước đáng kể cả về số lượng cũng như chất lượng song cũng chưa đưa ra nhiều sản phẩm dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam chưa quen với sử dụng loại hình bảo hiểm nên thị trường bảo hiểm chưa thực sự phát triển. Với xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới và chiến lược phát triển kinh tế thì nhu cầu bảo hiểm về máy móc thiết bị trong thời gian tới là rất lớn do đó thị trường bảo hiểm phải đưa ra các sản phẩm để phục vụ cho khách hàng một cách tốt nhất. Hiện nay, thị trường bảo hiểm có thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm tài sản nói chung nhưng chưa có một hợp đồng hay văn bản nào quy định về bảo hiểm tài sản cho thuê. Đây cũng là một vấn đề làm cho hoạt động cho thuê tài chính chậm phát triển. Thiết nghĩ các công ty bảo hiểm cùng với các ban ngành liên quan

cần đưa ra văn bản hướng dẫn thực hiện việc bảo hiểm đối với tài sản thuê, có như vậy mới đảm bảo được lợi ích cho bên cho thuê.

3.5.6. Phát triển thị trường chứng khoán

Với chủ trương phát triển một thị trường tài chính toàn diện ở Việt Nam, mà sau một thời gian dài chuẩn bị Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh được ra đời, đã đánh dấu sự phát triển thêm một bước của thị trường tài chính Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng và tạo thêm một kênh huy động vốn cho nền kinh tế. Chính sự ra đời của thị trường chứng khoán Việt Nam đã tạo điều kiện cho các công ty cho thuê tài chính có cơ hội tạo lập vốn và huy động vốn phục vụ cho quá trình kinh doanh của mình. Tuy nhiên, trong thời gian qua thị trường chứng khoán Việt Nam chưa thực sự là nơi huy động vốn cho các công ty cho thuê tài chính vì có nhiều nguyên nhân bao gồm cả khách quan cũng như chủ quan đã làm cho thị trường chứng khoán chưa thực sự phát triển. Do đó, cần phải có những giải pháp thích đáng để thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán, có như vậy mới góp phần tích cực vào việc tạo vốn và huy động vốn có hiệu quả cho các công ty cho thuê tài chính.

3.5.7. Thành lập hiệp hội cho thuê tài chính

Chính phủ sớm ban hành các quy chế để tiến tới thành lập hiệp hội cho thuê tài chính, một mặt để bảo vệ quyền lợi chung cho các thành viên và tham gia thảo luận những vấn đề khó khăn để trình Chính phủ giải quyết. Ngoài ra, hiệp hội cũng là chủ thể tham gia góp ý vào các văn bản

pháp lý tạo hành lang cho hoạt động cho thuê tài chính vì hơn ai hết họ là chủ thể trực tiếp chịu sự điều chỉnh của luật cho thuê tài chính.

3.5.8. Tăng cường công tác giới thiệu và đào tạo nghiệp vụ cho thuê

Việc thiếu thông tin tạo ra một sự chênh lệch về nhận thức, chênh lệch về giá cả của hàng hóa dịch vụ làm đánh mất cơ hội đầu tư chính đáng cho dân chúng và các nhà đầu tư ở các khu vực khác nhau trên phạm vi một quốc gia cũng như trên phạm vi thị trường thế giới. Khoảng cách chênh lệch đó ngày càng sâu sắc thì giá trị cơ hội bị đánh mất cũng càng lớn hơn, đặc biệt trong nền kinh tế thông tin và kinh tế toàn cầu như hiện nay khi mà tốc độ phát triển hàng hóa, sản phẩm dịch vụ thường xuyên được thay đổi một cách chóng mặt. Trong phạm vi toàn cầu, thiết bị này là mới và hiện đại so với quốc gia này nhưng nó đã lạc hậu và giá cả không đáng là bao đối với một quốc gia khác, hay là đối với thị trường tài chính ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển thì các thị trường và các loại hình giao dịch hầu như đã được thực hiện và phổ biến trong khi ở các nước đang phát triển thì chưa có hoặc còn bị cấm, bị hạn chế.

Như vậy, để cho dân chúng và các nhà đầu tư biết và hiểu rõ được hoạt động của thị trường cho thuê tài chính, để kênh dẫn vốn này trở nên phổ thông đối với mọi người thì cần phải mở rộng và tăng cường hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền giới thiệu cũng như đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, cụ thể là:

Thứ nhất, cần phải phổ cập, giới thiệu rộng rãi với công chúng về lĩnh vực cho thuê tài chính. Nhấn mạnh đến những lợi ích của hoạt động cho thuê tài chính mang lại thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo viết, phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương. Kênh thông tin này dễ tiếp cận với đại đa số dân chúng và đặc biệt có hiệu quả với các khu vực, các tỉnh thành đang có kế hoạch phát triển, đang thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trong nước.

Thứ hai, cần tiến hành trao đổi những thông tin, kinh nghiệm trong việc thực hiện hoạt động cho thuê tài chính thông qua các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề. Cần có các cuộc hội thảo, báo cáo chuyên đề về cho thuê tài chính với sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các công ty cho thuê tài chính và các doanh nghiệp cần thường xuyên có các cuộc hội thảo để rút ra những kinh nghiệm trên cơ sở đó phát huy những thế mạnh và hạn chế những khiếm khuyết.

Thứ ba, tăng cường đào tạo và đào tạo lại cán bộ hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Các trường đào tạo kinh tế tài chính – ngân hàng cần phải chú trọng đến nghiệp vụ cho thuê tài chính trong giảng dạy đào tạo. Thường xuyên mở các lớp chuyên đề và nâng cao về hoạt động cho thuê tài chính, tiến tới xây dựng thành một ngành học độc lập để cung cấp cho thị trường các chuyên gia am hiểu và tinh thông về nghiệp vụ cho thuê tài chính, một lĩnh vực đặc thù vừa kết hợp giữa nghiệp vụ tín dụng và kỹ thuật thương mại.

3.5.9. Cho phép các doanh nghiệp tự chủ trong việc áp dụng phương pháp khấu hao

Nhà nước nên khuyến khích hoạt động cho thuê tài chính bằng việc cho phép áp dụng mức khấu hao nhanh (Accelerated Depreciation). Mức khấu hao này làm giảm lợi tức chịu thuế của doanh nghiệp thuê trong những năm đầu, do đó thu hồi vốn nhanh hơn và như vậy, tất nhiên là có lợi cho doanh nghiệp.

Hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ cao, để tránh hao mòn vô hình nên người ta đưa ra mô hình khấu hao đặc biệt: Hệ thống thu hồi vốn theo gia tốc (Accelerated Cost Recovery System - ACRS). Hệ thống này quy định việc tính khấu hao dựa trên “thời gian thu hồi vốn” cần thiết (Recovery Periods) thay vì dựa trên đời sống kinh tế của tài sản cố định (useful life on economic life), cụ thể mô hình khấu hao ACRS phân chia tài sản cố định làm 4 loại, mỗi loại có thời gian thu hồi vốn như sau:(bảng:3.2).

Bảng 3.2: Phân loại thời gian thu hồi vốn

CÁC LOẠI TÀI SẢN	THỜI GIAN THU HỒI VỐN
1. Xe hơi, phương tiện vận chuyển nhẹ, thiết bị sử dụng cho nghiên cứu và phát triển.	3 năm.
2. Máy móc thiết bị, đồ dùng và các vật dụng cố định (fixtures), xe tải.	5 năm.
3. Tài sản công ích với thời gian hữu dụng từ 18 đến 20 năm.	10 năm.
4. Tài sản công ích sử dụng lâu dài.	15 năm.

Nguồn: Hiệp hội kế toán Hoa Kỳ^[29]

Bảng 3.3: Tỷ lệ khấu hao theo mô hình ACRS

NĂM	CÁC LOẠI TÀI SẢN				
	3 năm	5 năm	10 năm	15 năm (Tài sản công ích)	15 năm (Ruộng đất)
1	35%	15%	8%	5%	12%
2	38%	22%	14%	10%	10%
3	27%	21%	12%	9%	9%
4		21%	10%	8%	8%
5		21%	10%	7%	7%
6			10%	7%	6%
7			9%	6%	6%
8			9%	6%	6%
9			9%	6%	6%
10			9%	6%	5%
11				6%	5%
12				6%	5%
13				6%	5%
14				6%	5%
15				6%	5%
	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: Hiệp hội kế toán Hoa Kỳ [29]

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Ngày nay, với xu thế toàn cầu nền kinh tế để tránh tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới thì các doanh nghiệp Việt Nam phải không ngừng đổi mới và nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trên trường quốc tế cũng như trên thị trường trong nước, nhất là lĩnh vực tài chính – ngân hàng, một lĩnh vực nhạy cảm nhất của nền kinh tế. Do đó, việc hoàn thiện và phát triển thị trường tài chính là một yêu cầu tất yếu

của Việt Nam khi hội nhập nếu không muốn bị lệ thuộc vào bên ngoài. Hoạt động cho thuê tài chính, một bộ phận cấu thành của thị trường tài chính đã được chính thức vận dụng vào Việt Nam gần 7 năm nay nhưng thực sự chưa phát triển do đó việc đề ra giải pháp thúc đẩy nó phát triển là nhiệm vụ của toàn ngành nhằm đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho các doanh nghiệp và hoàn thiện thêm một bước nữa cho thị trường tài chính Việt Nam.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế Việt Nam trong mấy năm gần đây có những bước chuyển biến rất mạnh mẽ cả về chất lẫn về lượng. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang thuộc nhóm nước nghèo nhất thế giới. Để tránh tụt hậu thì không có cách nào khác hơn là phải tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế đất nước. Mà điều quan trọng để thực hiện mục tiêu trên thì đối với các doanh nghiệp không gì khác hơn ngoài vốn. Các doanh nghiệp hiện nay của Việt Nam đang thiếu vốn trầm trọng, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ - loại hình doanh nghiệp chiếm đại đa số ở Việt Nam. Nhu cầu thay đổi máy móc thiết bị hiện đại - công nghệ hóa đang đòi hỏi phải có một lượng vốn trung và dài hạn rất lớn để đầu tư vào lĩnh vực này. Tuy nhiên, khả năng đáp ứng của các ngân hàng hiện nay còn nhiều hạn chế, nguồn vốn trung và dài hạn thu hút được còn ít, thị trường chứng khoán chưa phát triển, mặt khác nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp mới thành lập lại thiếu những điều kiện để vay vốn hoặc phát hành cổ phiếu. Trong khi đó hoạt động cho thuê tài chính mặc dù đã triển khai nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển và chưa thể hiện được vai trò của mình trong việc hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp. Vì vậy, thúc đẩy loại hình cho thuê tài chính phát triển sẽ là biện pháp hữu hiệu tháo gỡ những khó khăn nan giải mà các doanh nghiệp đang gánh chịu vì phương thức này chỉ chú trọng phần lớn vào tính khả thi của dự án cũng như tỷ suất lợi nhuận mà dự án mang lại. Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, bằng sự lao động nghiêm túc của bản thân cùng với việc kế thừa kiến thức của

nhân loại, luận án đã làm sáng tỏ một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn sau:

Một là; Phân tích có hệ thống sự hình thành và phát triển của hoạt động cho thuê, cho thuê tài chính thế giới và ở Việt Nam. Luận án làm rõ cho thuê tài chính thực chất là hoạt động tín dụng trung, dài hạn thông qua việc thuê tài sản bao gồm cả động sản và bất động sản.

Hai là; Cho thuê tài chính góp phần thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế, thúc đẩy đổi mới công nghệ, thiết bị, cải tiến khoa học kỹ thuật. Đồng thời, là hình thức tài trợ có mức độ an toàn cao, vì đây là hình thức tài trợ bằng tài sản và quyền sở hữu tài sản cho thuê vẫn thuộc người cho thuê nên họ có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản. Do đó, khi có vấn đề đe dọa tính an toàn, bên cho thuê có thể thu hồi tài sản về tránh mọi rủi ro xảy ra.

Ba là; Luận án đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm từ việc nghiên cứu hoạt động cho thuê tài chính ở một số nước trong khu vực Châu Á.

Bốn là; Nhu cầu trang bị và đổi mới trang thiết bị quá lạc hậu của các doanh nghiệp Việt Nam là rất lớn. Hiện nay, hầu hết các máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp Việt Nam đang sử dụng thuộc thế hệ những năm trước năm 70. Do đó, sản phẩm làm ra không đủ chất lượng tất yếu không cạnh tranh được với hàng ngoại nhập. Hơn bao giờ hết, các doanh nghiệp Việt Nam rất cần vốn.

Năm là; Đánh giá thực trạng hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam trong thời gian qua. Từ đó, khẳng định cần thúc đẩy hoạt động cho

thuê tài chính ở Việt Nam là biện pháp giải quyết những khó khăn về vốn cho các doanh nghiệp cũng như làm hoàn thiện thêm hệ thống tài chính Việt Nam nhằm đáp ứng được những yêu cầu của hội nhập.

Sáu là; Đề ra định hướng để phát triển cho ngành cho thuê nói chung như áp dụng nghiệp vụ cho thuê hoạt động bên cạnh nghiệp vụ cho thuê tài chính, đa dạng hóa tài sản cho thuê, phát triển dịch vụ tư vấn máy móc thiết bị cũng như kiến nghị cho phép các công ty cho thuê tài chính thực hiện các biện pháp phòng vệ rủi ro hiện đại.

Bảy là; Đề ra các giải pháp nâng cao năng lực quản trị của công ty cho thuê tài chính như tái cấu trúc lại các công ty cho thuê tài chính, đa dạng hóa các hình thức cho thuê, phương thức tính tiền thuê, và thực hiện việc quảng bá sản phẩm dịch vụ thông qua việc xây dựng thương hiệu cùng với các giải pháp hỗ trợ khác.

Cuối cùng, khi chọn đề tài này, với mong muốn góp phần nhỏ để thúc đẩy cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi đã mạnh dạn và cố gắng nghiên cứu giải quyết những vấn đề đã đặt ra, nhưng đây là vấn đề lớn và phức tạp đòi hỏi phải được đầu tư nhiều hơn cả về mặt thời gian và công sức, cũng như phải có sự kiểm nghiệm thực tiễn. Do đó, luận án chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp tận tình của các nhà khoa học và của bất cứ ai quan tâm đến đề tài này nhằm góp phần cho luận án ngày càng hoàn thiện hơn và phát huy được tác dụng cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Đoàn Thanh Hà (1998), “Vay vốn đầu tư hay phát hành cổ phiếu“, *Tạp chí chứng khoán Việt Nam*, Số T10/1998, tr. 34 - 35.
2. Đoàn Thanh Hà (1999), “Công trái – Một loại hàng hóa của Thị Trường Chứng Khoán“, *Tạp chí Ngân hàng*, Số T9/1999, tr. 53 - 54.
3. Đoàn Thanh Hà (2000), “Ngân hàng ảo – Xu thế của thế kỷ 21“, *Tạp chí Ngân hàng*, Số T4/2000, tr. 61 - 63.
4. Đoàn Thanh Hà (2000), “Tội phạm tin học và thách thức đối với ngân hàng Việt Nam khi tiếp cận với hệ thống ngân hàng ảo“, *Tạp chí Ngân hàng*, Số T8/2000, tr. 16 - 19.
5. Đoàn Thanh Hà (2000), “Cho thuê tài chính – Giải pháp về vốn để đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp“, *Tạp chí Tài chính*, Số T11/2000, tr. 25 - 27.
6. Đoàn Thanh Hà (2001), “Phát triển quỹ đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực về cầu cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam“, *Tạp chí Ngân hàng*, Số T8/2001, tr. 53 - 55.
7. Đoàn Thanh Hà (2001), “Gia tăng công ty niêm yết-Giải pháp ổn định và phát triển TTCK Việt Nam hiện nay“, *Tạp chí chứng khoán*, Số T9/2001, tr. 3 - 6.
8. Đoàn Thanh Hà (2001), “Đi tìm lời giải cho hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay“, *Tạp chí Tài chính*, Số T10/2001, tr. 38 - 40.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ công nghiệp, *Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành công nghiệp đến năm 2020*, Hà nội.
3. Bộ tài chính (2002), *Hệ thống văn bản pháp quy*, Nxb Thống kê.
4. Bộ tài chính (1996), *Quyết định số 1062 TC/QĐ/CSTC, ngày 14/11/1996*.
5. Báo Người lao động, *Số ra ngày 1/10/2002 (2505), ngày 04/11/2002(2534), ngày 1/1/2003 (2584)*.
6. Báo Tuổi trẻ, *Số ra ngày 17/10/2002 (202), ngày 21/10/2002 (205)*.
7. Công ty Tài chính quốc tế (1993), *Tài liệu nghiên cứu khả thi về việc thiết lập nghiệp vụ thuê mua máy móc, thiết bị tại Việt Nam*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2001), *Nghị định 16/CP của Chính phủ “về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính”*, ban hành ngày 02/05/2001, Hà Nội.
9. Chính phủ (1995), *Nghị định 64/CP của Chính phủ “về quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính”*, ban hành ngày 9/10/1995, Hà Nội.
10. Phạm Đỗ Chí, Trần Nam Bình, Vũ Quang Việt (2002), *Những vấn đề kinh tế Việt Nam thử thách của hội nhập*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
11. Hồ Diệu (2002), *Quản trị ngân hàng*, Nxb Thống kê, Tp.HCM.

12. Hồ Diệu (1995), *Vận dụng tín dụng thuê mua trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam*, Luận án PTS khoa học kinh tế, Tp. HCM.
13. Lại Tiến Dĩnh (1996), *Toán tài chính*, Nxb Thống kê, Tp.HCM.
14. Edward W. Reed, Edward K. Gill (1993), *Ngân Hàng Thương Mại*, Lê Văn Tê, Hồ Diệu, Phạm Văn Giáo, Bản dịch; Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
15. Frederie S. Mishkin (1994), *Tiền Tệ, Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
16. Đinh Sơn Hùng (1996), "*Mô hình - mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hoá ở Tp. Hồ Chí Minh, miền Đông và miền Tây nam bộ*", tham luận tại hội thảo CNH – HDH, Viện Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
17. Đào Duy Huân (2000), *Kinh tế các nước Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục.
18. Harold Bierman, JR. Seymour Smidt; *Quyết Định Dự Toán Vốn Đầu Tư*, Nguyễn Xuân Thủy, Bùi Văn Đảng, Bản dịch (1995), Nxb Thống kê, Hà Nội.
19. Đỗ Nguyên Khoái (1993), *Có nên nộp toàn bộ khấu hao vào ngân sách nhà nước hay không*. Tạp chí tài chính, số T1/1993.
20. Luật và thủ giải quyết các vụ án kinh tế (1992); Nxb Pháp lý, Hà Nội.
21. Luật đầu tư nước ngoài, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Trần Hoàng Ngân, Lê Văn Tê (1996), *Tiền tệ - Ngân hàng và thanh toán quốc tế*, Nxb Thống kê, Tp.HCM.
23. Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam (1993), *Hệ thống hóa các văn bản pháp luật về ngân hàng*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
24. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1999, 2000, 2001), *Báo cáo thường niên và tài liệu triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2003*, Hà Nội.

25. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1997), *Thông tư hướng dẫn hoạch toán nghiệp vụ cho thuê tài chính số 03/TT-NH*, ngày 14/7/1997, Hà Nội
26. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2002), *Hội thảo tổng kết luật các tổ chức tín dụng loại hình cho thuê tài chính Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh.
27. Ngân hàng Công thương Việt Nam (1997), *Tài liệu về Leuseing - Tín dụng thuê mua*, Hà Nội.
28. Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (1997), *Tài liệu tập huấn về Lease financing*, Hà Nội.
29. Nguyễn Đình Quế (2002), *Quản trị tài chính*, Bxb Đại Học Mở.
30. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Luật các tổ chức tín dụng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Sở công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Báo cáo thực trạng về công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh*.
32. Thời báo kinh tế Việt Nam, *Số ra ngày 19/02/2001*, Kinh tế Việt nam 2000 – 2001.
33. Trần Đình Sơn - Đào Thanh Hải (Sưu tầm) (2000), *Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành mới*, Nxb Lao động, Hà Nội.
34. Trần Đắc Sinh (2002), *Định mức tín dụng tại Việt Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
35. Trần Đắc Sinh (2002), *Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam mô hình và bước đi*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
36. Lê Văn Tề, Ngô Hương, Đỗ Linh Hiệp, Hồ Diệu, Lê Thẩm Dương (1995), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
37. Nguyễn Văn Thuận (1995), *Quản trị tài chính*, Nxb Thống Kê.

38. Nguyễn Thanh Tuyền, Dương Thị Bình Minh (1995), *Lý thuyết tài chính*, Tp.HCM.
39. Bùi Tường Trí (1998), *Phân tích định lượng trong quản trị*, Nxb Thống kê, Tp.HCM.
40. Lê Văn Tư (1996), *Tiền tệ, tín dụng, ngân hàng trong cơ chế thị trường*, Nxb Thống kê, Tp.HCM.
41. Vũ Huy Từ (2002), *Mô hình tập đoàn kinh tế trong công nghiệp hóa hiện đại hóa*, Nxbản Chính trị Quốc gia.
42. Trần Tô Tử, Nguyễn Hải Sản (1996), *Tìm hiểu và sử dụng tín dụng thuê mua*, Nxb Trẻ. Tp.HCM.
43. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2000, 2001. Hà Nội.
44. Văn bản pháp luật về đầu tư nước ngoài ở Việt Nam (1992), Nxb Pháp lý.
45. Viện quan hệ quốc tế Harvard (1994), *Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Viện quan hệ quốc tế Harvard (1995), *Việt Nam cải cách kinh tế theo hướng rộng bay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

47. Derek R. Soper, Robert M. Munro (1993), *The leasing handbook*, McGraw - Hill book company.
48. Henneie van Greuning, Marius Koen (2000), *International Accounting standards*, The national political publising huose, Hanoi.

49. IFC lessons of experience series (1996), *Leasing in emerging markets*, the world bank washington.D.C.
50. Jim Coobelt (1995), *English for international Banking and finance*, Cambridge University Press.
51. Richard Grant and David Gent (1987), *Asset Financial and Leasing Handbook*, Woobed Faulkner.
52. Shawn D. Halladay, Sudhir P. Amembal (1995), *The handbook of equipment leasing*, Publishers press, Salt Lake City, Utah.
53. Xing Guoren, (1987), *Introduction leasing in China*, Market Review.

PHỤ LỤC 1

Dự báo khối lượng và kinh phí đầu tư vào ngành Hàng không giai đoạn 2001 - 2010

Stt	Hạng mục	Đơn vị
1	Thuê mua máy bay đường dài có số ghế trên 250 (B747, B767, A330, A340)	36 chiếc
2	Thuê mua máy bay tầm trung có số ghế 150 - 180 (B757, B737, A320)	60 chiếc
3	Thuê mua máy bay tầm ngắn có số ghế 50 - 80 (B737, ATR - 72, Fokker - 70)	50 chiếc
4	Thuê mua máy bay cỡ nhỏ dưới 30 ghế (Trestreat 31, Trestrea 41, Cessna, King Air)	50 chiếc
5	Xây dựng sân bay quốc tế mới phía Nam	1 tỷ USD

PHỤ LỤC 2

Dự báo khối lượng và kinh phí xây dựng hệ thống giao thông thủy giai đoạn 2001 – 2010

Stt	Tên dự án	Đơn vị
A	Dự án vận tải đường sông	
1	Nâng cấp cụm cảng Hà Nội – Khuyến Lương	3 triệu tấn / năm
2	Nâng cấp cụm cảng Ninh Bình – Ninh Phú	2 triệu tấn / năm
2	Nâng cấp cụm cảng Hoà Bình – Việt Trì	3 triệu tấn / năm
4	Nâng cấp cụm cảng Tân Thuận	5 triệu tấn / năm
5	Xây các cảng mới	6 triệu tấn / năm
6	Đóng mới tàu, xà lan, vận tải	2 triệu tấn / năm
B	Dự án vận tải đường biển	
1	Nâng cấp cụm cảng phía bắc (Hải Phòng – Cái Lân)	44,5 triệu tấn / năm
2	Nâng cấp cụm cảng Miền Trung (Đà Nẵng – Dung Quất – Quy Nhơn)	30 triệu tấn / năm
3	Nâng cấp và xây dựng mới cụm cảng miền nam (Sài Gòn – Thị Vải – Cần Thơ)	53 triệu tấn / Năm
4	Xây cảng dầu thô	40 triệu tấn / năm
5	Xây cảng hàng quá cảnh	12 triệu tấn / năm
6	Xây dựng đội tàu vận tải biển	3 triệu tấn / năm
C	Tổng vốn đầu tư dự kiến	3.600 triệu USD

PHỤ LỤC 3

Dự báo khối lượng và kinh phí đầu tư vào ngành Đường sắt giai đoạn 2001 – 2010

Stt	Hạng mục	Số lượng
1	Nhập các đầu máy diezen có công suất và tốc độ cao (<i>cái</i>)	100
2	Ô tô ray trên các tuyến ngắn đông khách (<i>cái</i>)	200
3	Toa xe cao cấp tuyến đường dài, liên vận quốc tế (<i>cái</i>)	300
4	Nhà máy đại tu đầu máy diezen ở các khu đoạn (<i>cái</i>)	5
5	Nhà máy đóng mới toa xe (<i>cái</i>)	2
Tổng vốn đầu tư dự kiến		
1	Phương án thấp nhất (tỷ USD)	2
2	Phương án cao nhất (tỷ USD)	6.2

PHỤ LỤC 4

Các hạng mục đầu tư trọng điểm ngành Giao thông vận tải đến năm 2010

Đơn vị: tỷ USD

Stt	Tên hạng mục	Số tiền	Thời gian dự kiến
I	Đường bộ	2.336	
1	QL 18 + 183	280	1995 – 2005
2	QL 1A	1.500	1996 – 2005
3	QL 24 + 14 B	310	1997 – 2005
4	Giao thông công cộng Tp. Hà Nội	246	1993 – 2010
II	Đường sắt	1.595	
1	Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh	1.425	1997 – 2010
2	Lào Cai – Cái Lân _ Hải Phòng	170	1996 – 2005
III	Cảng biển	700 – 720	
1	Cảng Cái Lân	280	1997 – 2010
2	Vũng Tàu (Bến Đình, Sao Mai)	320	197 – 2010
3	Cảng Sài Gòn	100 – 120	1996 2010
IV	Đường thủy nội địa	300	1995 – 2005
V	Công nghiệp chuyên ngành	200	1995 - 2005

PHỤ LỤC 5

Dự báo vốn đầu tư toàn xã hội và cơ cấu vốn giai đoạn 2001 – 2005

Đơn vị: triệu USD

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Dự kiến
1	Tổng vốn đầu tư	57.000
2	Cơ cấu vốn đầu tư	
2.1	Vốn ngân sách nhà nước (20 – 21%)	11.400
2.2	Vốn tín dụng nhà nước, ODA (16 – 17%)	9.700
2.3	Vốn các doanh nghiệp nhà nước (15 – 16%)	9.000
2.4	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (16 – 17%)	9.700
2.5	Vốn đầu tư trực tiếp dân cư, doanh nghiệp ngoài quốc doanh (15%)	9.000
2.6	Vốn tín dụng thương mại (13 – 14 %)	8.200
3	Tỷ trọng vốn đầu tư / GDP (%)	30 – 32
4	Hệ số ICOR	4,2

PHỤ LỤC 6

Dự báo vốn tín dụng trung và dài hạn giai đoạn 2001 – 2005

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Dự báo
1	Tổng vốn tín dụng (triệu USD)	95.000
2	Tỷ lệ tổng vốn tín dụng / GDP (%)	40 – 50
3	Tổng vốn tín dụng trung và dài hạn (triệu USD)	38.000
4	Tỷ trọng vốn trung và dài hạn / tổng vốn tín dụng (%)	40

Số: 2574/QĐ-BGD&ĐT-SDH

Hà nội, ngày 10 tháng 6 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Về việc thành lập Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Căn cứ Quyết định số 224 / TTg ngày 24 tháng 5 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo trên đại học ở trong nước .
- Căn cứ Quyết định số 498/TTg ngày 22/12/1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc uỷ nhiệm cho Bộ Đại học và THCN nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo xét duyệt danh sách những thành viên của các Hội đồng chấm luận án cho nghiên cứu sinh
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sau đại học

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước cho luận án tiến sĩ Kinh tế về đề tài : " *Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam*"

Của nghiên cứu sinh : Đoàn Thanh Hà

Chuyên ngành : Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Mã số : 5.02.09

(Danh sách thành viên Hội đồng kèm theo Quyết định này)

Điều 2: Ủy nhiệm cho ông Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bảo vệ luận án trên theo đúng qui định hiện hành

Điều 3: Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Sau đại học và các Vụ có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, ông Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này .

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nơi nhận :

- Như điều 3

- Lưu VP, Vụ SDH

Trần Văn Nhung

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP NHÀ NƯỚC

Cho luận án của nghiên cứu sinh : Đoàn Thanh Hà

Cơ sở đào tạo : Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Về đề tài : “ Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam”

Chuyên ngành: Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng

Mã số : 5.02.09

(Kèm theo Quyết định thành lập Hội đồng số : 2539- /QĐ-BGD&ĐT-SĐH
ngày 10 tháng (năm 2003 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo)

Họ và tên, Học hàm học vị	Cơ quan công tác	Chức trách trong Hội đồng
GS,TS Nguyễn Thanh Tuyền	Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Chủ tịch Hội đồng
GS,TS Cao Cự Bội	Trường đại học Kinh tế quốc dân	Phản biện 1
PGS,TS Nguyễn Thị Nhung	Học viện Ngân hàng	Phản biện 2
TS Lê Thị Ngọt	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Phản biện 3
PGS,TS Trần Hoàng Ngân	Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Ủy viên
TS Trần Thị Hà	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Ủy viên
PGS,TS Nguyễn Đăng Dờn	Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Thư ký Hội đồng

Hội đồng gồm 7 thành viên



Handwritten signature

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà nội ngày 30 tháng 6 năm 2003

PHẢN BIỆN LUẬN ÁN TIẾN SỸ

Đề tài : **Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam**

Của NCS Đoàn Thanh Hà

Chuyên ngành : *Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng*

Mã số : *50209*

Phản biện I:

GS. TS Cao Cự Bội

Trường Đại kinh tế quốc dân

Luận án gồm 161 trang, kèm theo 6 phụ lục và bảng kê 53 tài liệu tham khảo bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh. Sau khi đọc toàn văn luận án, đối chiếu với các tài liệu liên quan, tôi có nhận xét mang tính phản biện sau đây:

I/ XEM XÉT VỀ ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

I.1/ Ý nghĩa và tính cấp thiết của đề tài

Đối với các nước phát triển đương đại thì hoạt động cho thuê tài chính không có gì xa lạ, dĩ nhiên nó là hoạt động bình thường không đáng đặt thành đề tài nghiên cứu ở bậc Tiến sỹ. Riêng với Việt nam, dù đã có 17 năm đổi mới nền kinh tế và gần một chục năm áp dụng cho thuê tài chính. Song hình thức này vẫn chưa xác định được vị thế trong hệ thống động lực của các định chế tài chính nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ phục vụ cho Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước. Vậy là đi tìm giải pháp để đưa Tài chính thuê mua trở về với vai trò và vị thế hiện đại của nó quả là việc làm cần thiết và bức xúc với nước ta thông qua luận án khoa học. Chính đề tài tự nó đã nói lên ý nghĩa và đáp ứng nhu cầu bức xúc của lý luận và thực tiễn.

I.2/ Xét về tính trùng lặp của đề tài

Gần đây trên phạm vi cả nước có một vài đề tài nghiên cứu về lĩnh vực

nhau. Có đề tài chuyên nghiên cứu về hiệu quả, có đề tài lại chuyên nghiên cứu về cơ chế cho thuê tài chính. Trong trường hợp này đề tài thiên về nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính. Vậy là về căn bản đề tài không có sự trùng lặp với các luận án khác đã bảo vệ thành công trong nước.

I.3/ Xét về lĩnh vực nghiên cứu và mã số chuyên ngành

Toàn bộ đề tài và nội dung của luận án đều thuộc lĩnh vực nghiên cứu “ Tài chính – Tiền tệ – Tín dụng”. Do vậy hoàn toàn phù hợp mã số chuyên ngành 50209. Tên đề tài và nội dung nghiên cứu hoàn toàn có sự nhất quán với nhau.

II/ XEM XÉT VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT LUẬN NÊU LÊN TRONG LUẬN ÁN

Luận án thể hiện phương pháp tiếp cận vấn đề tương đối hiện đại. Điều đó thể hiện trên hai mặt: Nghiên cứu khảo sát về lý thuyết có được chứng minh bằng các bài học kinh nghiệm của nước ngoài. Đồng thời nghiên cứu thực chứng vào thực trạng của Việt nam thông qua tình hình số liệu của Ngân hàng nhà nước. Trên cơ sở đó đã rút ra được những kết luận tương thích với chủ đề và mục tiêu nghiên cứu. Những cơ sở lý luận và dẫn liệu thực tiễn có nguồn gốc đáng tin cậy và tương đối cập nhật. Từ đó các kết quả của luận án có độ tin cậy đáng kể.

III/ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA LUẬN ÁN VÀ GIÁ TRỊ CỦA NÓ

Luận án đã thể hiện tương đối nhiều kết quả trong nghiên cứu ứng dụng. Trong đó có một số kết quả tương đối mới chứa đựng giá trị khoa học và thực tiễn. Đáng kể là:

Thứ nhất: Mặc dù đã có một số luận án nghiên cứu về cho thuê tài chính. Song ở luận án này đã làm sáng tỏ hơn và có bài bản hơn nhiều vấn đề có tính nguyên lý lý thuyết. Cụ thể là đã phân tích khá rõ nét giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động (trang 13 đến 15), chỉ rõ các yếu tố cần và đủ trong một giao dịch cho thuê tài chính (trang 16 đến 20), chỉ ra các loại hình cho thuê tài chính trong xu thế đa dạng hoá các hoạt động của thị trường tài chính (trang 20 đến 28). Càng chu toàn hơn khi luận án tổng quan khá đầy đủ kỹ thuật tài trợ cho thuê tài chính (trang 28 đến 35). Tội cho rằng với những tổng quan có chọn lọc mang màu sắc tư duy gạn đục khơi trong về lý thuyết

ng nghiệp vụ này, tự nó đã có tác dụng đóng góp cho khoa học chuyên ngành Tài chính tiền tệ ở Việt nam trong lĩnh vực giảng dạy theo phương châm hiện đại hoá nội dung.

Hai là: Bằng tư duy của tác giả, luận án đã thể hiện lợi ích và vai trò của cho thuê tài chính một cách hiển nhiên (trang 35 đến 43). Đặc biệt qua những ý tưởng trong luận án đã làm tôn lên tính bức xúc cần vận dụng hình thức cho thuê tài chính một cách thực thụ trong hoàn cảnh nước Việt nam ở điểm xuất phát thấp nghèo nàn và lạc hậu về công nghệ và về vốn liếng, quá nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá. Tôi cho đây là một cống hiến đáng kể của luận án. Bởi lẽ lâu nay ta vận dụng hình thức cho thuê tài chính về cơ bản chỉ là hình thức mà chưa có hiệu quả. Đường như cơ thể có xác mà không có hồn.

Ba là: Càng sống động hơn khi luận án lựa chọn thực tiễn về cho thuê tài chính của hai nước kinh tế phát triển vùng Châu á có công nghệ hiện đại và có thị trường tài chính tiên tiến là Nhật bản và Singapore và một nước láng giềng đang cải cách mở cửa phi thường là Trung Quốc để soi xét (trang 43 đến trang 53). Trên cơ sở đó với tư duy độc lập của tác giả đã rút ra bài học kinh nghiệm khá sáng giá cho Việt nam trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Tôi cho rằng đây là một kết quả mới của luận án đáng tham chiếu từ phía Việt nam.

Bốn là: Trên cơ sở phân tích đánh giá thực tiễn, luận án đã phát hiện nhiều tồn tại trong vận hành cho thuê tài chính ở Việt nam (trang 79 đến trang 106). Trong đó nổi lên các vấn đề về thị phần nhỏ bé, hoạt động đơn điệu, nguồn vốn chủ yếu là vốn tự có vốn dĩ từ cơ sở nghèo nàn. Đặc biệt hành lang pháp lý điều chỉnh lĩnh vực này chưa được hoàn thiện. Với những phát hiện tương đối có hệ thống này chắc chắn có đóng góp vào thực tiễn nhằm góp phần vào tổng kết quá trình đổi mới tài chính ở Việt nam và lĩnh vực cho thuê tài chính nói riêng.

Năm là: Bằng tư duy hệ thống và khá logic tác giả của luận án đã đề xuất hàng loạt giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam. Trong số đó, nổi lên nhiều giải pháp có giá trị ứng dụng và mang tính khả thi:

- Hoàn thiện các văn bản pháp lý tiến tới xây dựng luật cho thuê (Tôi cho rằng đây là giải pháp cốt lõi để cho thuê tài chính thực sự được mở rộng phổ cập và đi vào cuộc sống kinh tế hiện nay).
- Đa dạng hoá tài sản cho thuê (giải pháp này có tính khả thi và làm phong phú thêm thị trường bất động sản ở Việt nam).
- Tái cơ cấu các công ty cho thuê tài chính (giải pháp này theo tôi là động lực chủ công trong nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập trên thị trường tài chính không chỉ trong nước mà còn cả quốc tế.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh (giải pháp này sẽ góp phần vào mở rộng thị phần của cho thuê tài chính).
- Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao (giải pháp này góp phần quyết định thành hay bại của hoạt động cho thuê tài chính. v.v...

Tôi cho rằng toàn bộ Chương 3 của luận án thể hiện phần quan trọng của kết quả luận án và thực sự có đóng góp cho thực tiễn hoạt động hệ thống thị trường Tài chính – tiền tệ ở nước ta.

IV/ NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM CỦA LUẬN ÁN

Luận án còn có khuyết tật sau đây:

1/ Bản chất hoạt động cho thuê tài chính là một định chế tài chính phi ngân hàng. Song nó lại là một thực thể được cấu thành trong hệ thống thị trường tài chính tiền tệ- luận án chưa làm rõ được ý tưởng này. Bởi lẽ ý tưởng này sẽ rất quan trọng để người ta khỏi nhầm lẫn tổ chức này như một tổ chức cho thuê thông thường. Trái lại nó rất phức tạp và nhạy cảm, cần được kiểm soát chặt chẽ trong hệ thống thị trường tài chính.

2/ Trong luận án, đặc biệt là Chương 2, luận án thường đưa dẫn số liệu qua báo cáo của Ngân hàng nhà nước Việt nam. Điều đó đúng song chưa hoàn mỹ. Bởi lẽ nó thiếu đi một phương pháp khảo sát, điều tra nghiên cứu đối với cơ sở. Đáng lý ra luận án phải có những điều tra phỏng vấn không chỉ cơ sở của một vài công ty cho thuê tài chính mà còn cả với đối tượng khách thể của công ty thì những kết luận đưa ra mới có giá trị chuẩn mực.

- Về cơ chế cho thuê tài chính , luận án phân tích chưa thật sâu. Tôi cho rằng sẽ phong phú hơn nếu như luận án dẫn ra một dự án điển hình cụ thể thực chứng về cho thuê tài chính của một công ty cụ thể nào đó thì kiến giải sẽ sống động và thuyết phục hơn. Tóm lại luận án thường dừng lại ở lập luận về tài chính vĩ mô trong hoạt động cho thuê tài chính.

3/ luận án đề nghị cho phép kinh doanh ngoại hối ở các công ty cho thuê tài chính nhưng lập luận chưa thật sâu. Theo tôi hoạt động kinh doanh ngoại hối có nhiều nghiệp vụ. Tuy nhiên bản chất của nó thường là ngắn hạn trong khi cho thuê tài chính mang tính trung và dài hạn. Vậy phải chăng có điều gì khấp khiếm, khiến cưỡng ở đây? Cần lập luận cho thấu đáo.

Nhân đây đề nghị tác giả trả lời một vài câu hỏi để làm sáng tỏ hơn những vấn đề còn tồn tại:

- a) Trong tình trạng có hiện tượng đô la hoá trên thị trường, việc kinh doanh cho thuê tài chính có gì khó khăn và thuận lợi?
- b) Vừa qua lãi suất nội tệ tăng trong khi lãi suất ngoại tệ giảm, điều này có hệ quả gì đối với hoạt động cho thuê tài chính?

V/ VỀ CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KÈM THEO LUẬN ÁN

Tác giả có 9 bài báo khoa học công bố trên các tạp chí ngân hàng, tạp chí Tài chính và tạp chí Thị trường chứng khoán từ năm 1998 đến nay. Những bài báo này có chất lượng tốt về mặt khoa học và thực tiễn.

Tuy nhiên trong 9 bài báo đó thì có 2 bài sau đây phản ánh trực tiếp nội dung luận án:

1/ “ Cho thuê tài chính – Giải pháp về vốn để đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp” (Tạp chí Tài chính 11/2000).

2/ “ Đi tìm lời giải cho hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam hiện nay” (Tạp chí Tài chính số 10/2001).

Các bài báo còn lại chỉ phản ánh gián tiếp nội dung luận án và thiên nhiều về thị trường chứng khoán.

VI/ KẾT LUẬN

1/ Luận án là một công trình nghiên cứu độc lập, công phu, chứa đựng kết quả khoa học và thể hiện giá trị ứng dụng khả thi.

2/ Bản tóm tắt luận án đã phản ánh những nội dung chủ yếu của luận án

3/ Đối chiếu quy chế đào tạo “ Sau đại học”, luận án đã hội đủ trình độ “ Tiến sỹ kinh tế”. Tác giả xứng đáng nhận học vị này nếu như bảo vệ thành công trước hội đồng cấp Nhà nước.

Người phản biện



GS.TS Cao Cự Bội

Nhận xét luận án tiến sĩ kinh tế

(Hội đồng cấp Nhà nước)

Tên đề tài: “Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam”.

Chuyên ngành: Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Mã số: 5.02.09

Của nghiên cứu sinh: Đoàn Thanh Hà

Phản biện hai: PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung, Học viện Ngân hàng.

Nội dung nhận xét

I/ Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu : Đây là một đề tài cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và mang tính thực tế cao xuất phát từ những lý do sau đây:

- Xuất phát từ ý nghĩa và hiệu quả của hoạt động cho thuê tài chính
- Xuất phát từ những ưu thế mà cho thuê tài chính có thể mang lại cho cả phía người cho thuê và người đi thuê.
- Xuất phát từ bối cảnh của nền kinh tế Việt Nam trong xu thế toàn cầu hoá
- Xuất phát từ thực trạng của hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay.

Vì vậy việc nghiên cứu và tìm ra những giải pháp góp phần thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam ngày càng được nâng cao về chất lượng, tăng cường về số lượng từ đó khẳng định được vai trò và vị trí của nó trong hệ thống tài chính quốc gia là hướng nghiên cứu đúng.

II/ Giá trị khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu:

Để tổ chức nghiên cứu, tác giả đã sử dụng tổng hợp các phương pháp phân tích, so sánh, diễn dịch, quy nạp, khảo sát thực tế để trình bày các lý luận cơ bản về cho thuê tài chính, đánh giá thực trạng hoạt động

cho thuê tài chính ở Việt nam qua đó đề xuất biện pháp thúc đẩy hơn nữa hoạt động này. Toàn bộ luận án được hoàn thành với khối lượng 161 trang đánh máy khổ A4 và bố cục thành 3 chương:

Chương 1 trình bày nội dung lý luận chung của đề tài bao gồm Lịch sử hình thành và phát triển cho thuê tài chính, các yếu tố trong giao dịch cho thuê tài chính, các loại hình cho thuê tài chính, lợi ích và vai trò của cho thuê tài chính trong nền kinh tế hiện đại. Đặc biệt đề tài đã dành nhiều trang để giới thiệu kinh nghiệm về hoạt động cho thuê tài chính ở một số quốc gia từ đó rút ra những bài học quý báu cho sự phát triển hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam. Nhìn chung lý luận của đề tài chặt chẽ, có tính chuẩn mực và hệ thống cao, đáp ứng được yêu cầu của đề tài nghiên cứu. Tác giả đã cập nhật được các quan điểm về cho thuê tài chính của một số tác giả và quốc gia khác nhau. Tuy nhiên, nếu tác giả đưa ra được lời bình của mình khi đem so sánh các quan điểm này ở một mức độ nhất định sẽ là tăng thêm sức hấp dẫn của luận án.

Chương 2 mô tả về thực trạng hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam. Bắt đầu bằng việc phân tích thực trạng về máy móc thiết bị, về chất lượng sản phẩm, về khả năng đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư của các hình thức tài trợ khác...tác giả đã cho người đọc thấy rõ được sự bức xúc cũng như những tiền đề cho sự ra đời và phát triển của hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam. Cho đến thời điểm này ở Việt nam mới có 8 công ty cho thuê tài chính được cấp giấy phép hoạt động với tổng doanh số cho thuê trong 3 năm gần nhất là gần 5 tỷ đồng – Một con số quả là rất khiêm tốn. Qua đó mới thấy được những trở ngại của tác giả là hợp lý và hiểu được tác giả đã khó khăn như thế nào khi muốn lột tả được một cách chi tiết thực trạng cho thuê tài chính ở nước ta. Mặc dù vậy, tác giả vẫn chỉ cho người đọc hiểu rõ những hoạt động của các công ty cho thuê tài chính trong thời gian qua với những bất cập như: dư nợ và thị phần cho thuê tài chính còn ở mức thấp, nguồn vốn sử dụng cho thuê tài chính mới chủ yếu là nguồn vốn tự có, cho thuê tài chính còn xa lạ với công chúng, năng lực cạnh tranh của các công ty cho thuê tài chính còn yếu, các hình thức cho thuê tài chính chưa đa dạng...và những nguyên nhân của sự bất cập trên như vấn đề pháp lý, vấn đề lãi suất, vấn đề huy động vốn...Những nhận định của tác giả theo tôi là hợp lý, có cơ sở khoa học

và phản ánh được thực trạng cho thuê tài chính ở Việt Nam. Tất cả những điều đó cho thấy rõ sự cố gắng, nỗ lực của tác giả trong nghiên cứu.

Tuy nhiên tôi không tán đồng với tác giả khi tác giả cho rằng các công ty cho thuê tài chính không được phân bổ đều giữa các vùng là một điều bất công, bởi vì ngoài một số nguyên nhân thì việc thành lập các công ty cho thuê tài chính ở đâu là do những nhu cầu thực tế ở mỗi địa phương, hơn nữa ở Việt Nam, cho thuê tài chính là một dạng đầu tư khá mới mẻ so với các dạng đầu tư khác thì quá trình thăm dò cũng là cần thiết chứ không nhất thiết phải cùng một lúc mọi nơi đều thành lập công ty cho thuê tài chính mới hợp lý.

Chương 3 là các ý kiến đề xuất của tác giả nhằm thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam. Trước hết, dựa trên cơ sở đường lối phát triển kinh tế-xã hội, dựa trên cơ sở mục tiêu và chiến lược của hệ thống tài chính tác giả đưa ra định hướng phát triển ngành cho thuê ở Việt Nam. Chủ chương của tác giả là dần thay thế cho vay ứng trước trong mua sắm máy móc thiết bị bằng phương thức cho thuê tài chính, mở rộng, phát triển ngành cho thuê trong một số lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chế biến nông hải sản, ngành vận tải là hợp lý. Với định hướng đó tác giả đã đưa ra các ý kiến đề xuất như:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý tạo thuận lợi cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển.
- Thực hiện nghiệp vụ cho thuê hoạt động để hỗ trợ cho hoạt động cho thuê tài chính.
- Tái cơ cấu lại các công ty cho thuê tài chính thông qua việc cổ phần hoá, xây dựng mô hình tập đoàn để nâng cao sức cạnh tranh của các công ty cho thuê tài chính.
- Đa dạng hoá loại hình cho thuê, phương thức cho thuê.
- V.v.

Nhìn chung các đề xuất của tác giả đều được phân tích có cơ sở khoa học và có ý nghĩa thực tế. Tuy nhiên đôi khi trong cách lập luận còn tỏ ra lúng túng, thiếu sức thuyết phục như trong đề xuất cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện kinh doanh ngoại tệ để tránh rủi ro tỷ giá(trang 118) thế rồi cũng lý do đó tác giả lại đề xuất các công ty cho thuê tài chính phải thành lập phòng kinh doanh ngoại tệ(trang 129).

III/ Đánh giá chung: Luận án đã nêu và phân tích được thực trạng về hoạt động cho thuê tài chính ở Việt nam cũng như những tồn tại, bất cập hiện nay của nó. Các giải pháp mà tác giả nêu ở chương 3 được lý giải hợp lý, có cơ sở khoa học và có sức thuyết phục. Một vài khiếm khuyết nhỏ không làm ảnh hưởng đến kết quả của luận án. Có thể nói rằng tác giả của luận án đã có một quá trình nghiên cứu khá nghiêm túc và công phu.

Bố cục của luận án khá chặt chẽ, kết cấu giữa các phần, các chương hợp lý, văn phong mạch lạc, rõ ràng. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án.

Luận án đã đạt được những yêu cầu cơ bản của một luận án tiến sĩ kinh tế, đề nghị hội đồng chấm luận án chấp thuận và công nhận học vị tiến sĩ cho tác giả Đoàn Thanh Hà.

Người nhận xét



PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung

BẢN NHẬN XÉT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CỦA PHẢN BIỆN TRONG HỘI ĐỒNG

Về đề tài: Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam

Chuyên ngành: Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng

Mã số: 5.02.09

Của Nghiên cứu sinh: Đoàn Thanh Hà

Người phản biện 3

Tiến sĩ: Lê Thị Ngọc

Nguyên Phó tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Nội dung bản nhận xét

Sau khi đọc bản luận án dài 158 trang và bản tóm tắt luận án tiến sĩ của NCS Đoàn Thanh Hà, với tư cách là người phản biện 3 trong Hội đồng, tôi có một số nhận xét sau:

1. Tính cấp thiết, tính thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và diễn biến toàn cầu hóa hệ thống tài chính, Việt Nam đang được tiếp cận và đối mặt với nhiều cơ hội, đồng thời thách thức rất lớn trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã có sự nỗ lực vượt bậc, thực hiện nhiều giải pháp kinh tế, tài chính hữu hiệu để đưa đất nước thoát khỏi một nước nghèo và đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ.

Tuy nhiên, nền tài chính nước nhà vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó công nghệ, tổ chức và trình độ quản lý yếu kém dẫn tới hệ thống tài chính khó tránh khỏi phải chịu sức ép về cạnh tranh lớn và chịu thua thiệt khi tham gia cạnh tranh quốc tế.

Trong bối cảnh đó, đòi hỏi nền kinh tế Việt Nam phải phát triển tăng tốc với chất lượng và hiệu quả cao hơn để đủ sức hội nhập vào kinh tế khu vực và quốc tế.

Nhận thức về tính cấp thiết đó, Đảng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa Việt Nam cũng đang từng bước hoàn thiện dần thị trường tài chính thông qua việc làm phong phú hóa các loại hình tài chính mới, hiện đại của thế giới áp dụng vào Việt Nam. Trong đó, loại hình cho thuê tài chính được đánh giá là công cụ tài trợ vốn quan trọng, là hoạt động mang tính chuyên môn hóa cao trong việc trang bị các máy móc, thiết bị với công nghệ cao cho các ngành kinh tế. Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển như nước ta thì phát triển loại hình cho thuê tài chính này cũng có ý nghĩa quan trọng vì nhu cầu vốn cho nền kinh tế là rất lớn trong khi đó các phương thức tài trợ hiện hữu không thể đáp ứng được, đặc biệt là những tài sản

có giá trị cao khó mà thực hiện được. Điều đó, chỉ có thể giải quyết một cách khả thi thông qua hoạt động cho thuê tài chính.

Để thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam ngày càng phát triển nhằm tăng năng lực vốn cho doanh nghiệp để đổi mới công nghệ, trang bị máy móc, thiết bị hiện đại để tạo ra sản phẩm chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, tôi cho rằng việc NCS Đoàn Thanh Hà quyết định chọn đề tài “Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam” làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ kinh tế của mình là sự lựa chọn đúng hướng, có cân nhắc, mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Sự trùng lặp của đề tài

Cho thuê tài chính là loại hình tài chính còn rất mới ở nước ta, nó có ý nghĩa lớn trong quá trình phát triển kinh tế thông qua tài trợ vốn trung và dài hạn cho các doanh nghiệp để đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị. Tuy nhiên, sự am hiểu về loại hình tài chính này của công chúng còn đang rất hạn chế; chưa được nhiều người quan tâm đầy đủ. Vì thế việc NCS chọn đề tài này cũng là sự đột phá, tạo nhận thức mới cho công chúng bắt đầu sự quan tâm chú ý tới vấn đề bức xúc này. Vì vậy, có thể nhận thấy sự trùng lặp của đề tài này với các công trình nghiên cứu khác, các luận án đã được công bố, bảo vệ trong nước và nước ngoài là chưa xảy ra. Các trích dẫn tài liệu, số liệu nghiên cứu đã thể hiện trung thực, rõ ràng.

3. Sự phù hợp giữa tên của đề tài với nội dung, giữa nội dung với chuyên ngành và mã số chuyên ngành

Tên đề tài của luận án, với nội dung cơ bản đã được tác giả đề cập trong toàn bản luận án, giữa nội dung được phản ánh trong luận án với chuyên ngành tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng và mã số chuyên ngành 5.02.09 là phù hợp.

4. Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp được sử dụng để nghiên cứu

Để làm rõ nội dung luận án của mình nhằm lôi cuốn sự chú ý của các đối tượng quan tâm, tác giả luận án đã dùng phương pháp nghiên cứu duy vật lịch sử và duy vật biện chứng để diễn giải các vấn đề của luận án mà mình đề cập. Đồng thời, NCS cũng dùng phương pháp tư duy hệ thống có vận dụng sự kết hợp giữa diễn dịch, quy nạp để làm sáng tỏ đề tài luận án của mình.

Ngoài ra, NCS cũng đã chú ý vận dụng những kết quả nghiên cứu đã được đăng tải trên các sách báo, tạp chí với hệ thống tài liệu tham khảo phong phú gồm 53 tài liệu, tư liệu có giá trị hiện thực của các học giả, các nhà khoa học, các nhà kinh tế trong và ngoài nước cả tiếng Anh và tiếng Việt làm cho luận án rõ ràng về lý luận, phong phú về thực tiễn theo một hệ thống logic đảm bảo độ tin cậy cao của một luận án tiến sĩ kinh tế.

5. Kết quả nghiên cứu của tác giả

Luận án đã góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận về cho thuê tài chính - một loại hình mới, hiện đại, chưa được phổ cập đến công chúng. Thông qua việc giới thiệu và phân tích có hệ thống lý luận về sự hình thành và phát triển cho thuê tài chính, làm rõ khái niệm, bản chất cho thuê tài chính, các yếu tố trong giao dịch, các loại hình cho thuê tài chính, kỹ thuật tài trợ cho thuê tài chính, lợi ích và vai trò của nó trong nền kinh tế hiện đại là sự đóng góp có ý nghĩa.

Luận án cũng đã góp phần làm sáng tỏ thực trạng hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam qua sự đánh giá khách quan về những thành tựu đạt được cũng như cảnh báo những tồn tại và rút ra những nguyên nhân xác đáng, cũng như những bài học quý giá từ kinh nghiệm của các nước có xuất phát điểm nền kinh tế tương tự nước ta, để tạo niềm tin cho chúng ta trong quá trình cải cách hệ thống tài chính nước nhà trong đó cho thuê tài chính là công cụ tài chính quan trọng, có sức mạnh to lớn.

Qua nghiên cứu lý luận tổng quan về cho thuê tài chính và trên cơ sở đánh giá đúng đắn thực trạng của cho thuê tài chính nước ta thời gian qua, cùng những bài học kinh nghiệm bổ ích về cho thuê tài chính của một số quốc gia, luận án của NCS đã góp phần tìm ra những giải pháp khả thi nhằm đưa hoạt động cho thuê tài chính nước ta phát triển đáp ứng với yêu cầu vốn trung và dài hạn cho các doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, tạo ra sản phẩm đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

6. Ưu điểm và nhược điểm về nội dung, kết cấu và hình thức của luận án

Luận án của NCS được thiết kế dài 158 trang bao gồm phần mở đầu và kết luận (ngoài mục lục, danh mục và tài liệu tham khảo) và cấu trúc thành 3 chương như luận án đã trình bày là phù hợp tính logic của một bản luận án tiến sĩ.

Ưu điểm có tính bao trùm của luận án là tác giả đã biết bám sát nội dung cốt lõi của đề tài, chất lọc những vấn đề liên quan trực tiếp đến đề tài và trình bày một cách ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu như khi phân tích tổng quan về cho thuê tài chính, tác giả luận án đã bắt đầu từ sự hình thành và phát triển của cho thuê tài chính và dẫn tới khái niệm về cho thuê tài chính, trên cơ sở phân tích cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động (trang 9 – 11). Tác giả đã cho chúng ta một khái niệm dễ hiểu rằng: cho thuê tài chính là một thỏa thuận thuê mà theo đó, phần lớn các rủi ro và lợi ích cố được từ việc sở hữu tài sản được chuyển từ bên cho thuê sang bên thuê. Thời hạn thuê dài và không thể hủy ngang. Tổng các khoản thuê trong suốt thời gian thuê gần đủ bù đắp chi phí cho tài sản thuê.

Khái niệm tác giả nêu trên, thoạt nghe, người ta nghĩ tới dường như quyền lợi hơi nghiêng về phía cho thuê. Nhưng khi đề cập tới lợi ích và vai trò của cho thuê tài chính thì chúng ta thấy, ý nghĩa to lớn là nó đem lại lợi ích cho cả nền kinh tế. Như vậy, rõ ràng cả bên cho thuê và bên thuê đều có lợi như nhau. Như tác giả đã đề cập trong luận án của mình "Một trong những nguyên nhân thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính phát triển mạnh mẽ trên thế giới, nhất là các nước có nền kinh tế

đang phát triển là do những lợi ích mà chúng mang lại cho nền kinh tế nói chung và cho các bên tham gia vào hình thức tài trợ này nói riêng” (trang 35).

Trước hết, nó góp phần thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế, thúc đẩy đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị, cải tiến khoa học kỹ thuật, làm đa dạng hoá sản phẩm tài chính, thúc đẩy cạnh tranh; là hình thức tài trợ ít rủi ro, thủ tục giản đơn; là kênh huy động vốn cho các doanh nghiệp không thoả mãn điều kiện vay vốn của ngân hàng. Đồng thời giúp cho bên thuê không bị đọng vốn đầu tư. Qua đó cho thấy, tác giả luận án đã đánh giá vai trò của cho thuê tài chính rất lớn. Nó góp phần đáp ứng vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bởi cho thuê tài chính là công cụ tài trợ vốn hiện đại trong hoạt động tài chính và có khả năng cải cách nền tài chính nước nhà.

Khi đề cập tới thực trạng hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam, tác giả nhận định một cách khách quan về thành tựu đạt được (tại trang 72 – 79). Đồng thời cũng đánh giá xác đáng những tồn tại, yếu kém và tìm ra nguyên nhân (trang 74 – 104) để khắc phục. Tác giả cho rằng hoạt động cho thuê tài chính trong thời gian qua, tuy đạt được những thành tựu nhất định nhưng hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam chưa được phát triển ngang tầm với tiềm năng của nó. Điều này có thể thấy trước hết qua số lượng còn ít ỏi của công ty cho thuê tài chính và sự phân bố không đều, bỏ trống nhiều địa bàn quan trọng. Dư nợ và thị phần thấp, nguồn vốn sử dụng chủ yếu là vốn tự có ít ỏi, công chúng chưa am hiểu về loại hình tài chính mới và hiện đại này, sức cạnh tranh của các công ty còn yếu, các hình thức cho thuê tài chính và tài sản cho thuê chưa đa dạng, vv... mà nguyên nhân của nó được tác giả mổ xẻ, phơi bày một cách thuyết phục. Trước hết là do môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, đối tượng cho thuê còn hạn chế, vốn huy động thấp và thiếu đa dạng, lãi suất tài trợ cao, hình thức sở hữu chưa phong phú, nghiệp vụ chuyên môn và trình độ quản lý cán bộ còn yếu, vv...

Từ những hạn chế trong cho thuê tài chính thời gian qua, trên cơ sở lý luận và thực trạng cho thuê tài chính ở Việt Nam, tác giả luận án đã đưa ra hàng loạt các giải pháp khả thi từ định hướng phát triển ngành cho thuê (trang 106 – 110) đến việc hoàn thiện các văn bản pháp lý (trang 111- 113) là những giải pháp mang tính vĩ mô rất quan trọng, làm cơ sở, nền tảng cho việc thực thi các giải pháp cụ thể như giải pháp về phát triển các dịch vụ cho thuê thông qua việc đa dạng các tài sản cho thuê, thực hiện nghiệp vụ cho thuê hoạt động, kinh doanh ngoại tệ, tư vấn máy móc, thiết bị, mở rộng đối tượng cho thuê. Đồng thời nâng cao năng lực quản trị quản trị của công ty cho thuê tài chính thuộc các ngân hàng, xây dựng mô hình tập đoàn, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, xây dựng tổ chức hoạt động linh hoạt, mở rộng mạng lưới và có chiến lược kinh doanh hợp lý, đa dạng hoá nguồn vốn huy động và hàng loạt các giải pháp hỗ trợ khác (trang 143 – 156) mà tác giả đã trình bày trong luận án của mình với tư duy hệ thống, phân tích sâu sắc trên cơ sở chặt chẽ, không rườm rà và đã chứa đựng khát vọng góp phần có ý nghĩa để đưa hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam ngang tầm với đời hội về cải cách hệ thống tài chính nước nhà và phát triển kinh tế hiện nay - một nền kinh tế đang chắt chũa mâu thuẫn gay gắt giữa yêu cầu phát triển kinh tế tăng tốc với một lượng vốn trung và dài hạn cho đầu tư là rất lớn và thực trạng thiếu vốn nghiêm trọng cần phải giải quyết thỏa đáng. Những giải pháp được tác giả nghiên

cứu mây mờ, sáng tạo được rút ra từ hoạt động thực tiễn của Việt Nam và kinh nghiệm quý báu của các quốc gia có điểm xuất phát kinh tế tương đồng trong việc phát triển loại hình cho thuê tài chính. hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện cho thuê tài chính ở nước ta hiện nay để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, dù sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

7. Những công trình của tác giả đã được công bố

Tác giả luận án đã có 9 công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến luận án được đăng tải trên các tạp chí Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán từ 1998 đến nay, đặc biệt những bài gần đây, tác giả đã đề cập những vấn đề nóng bỏng, cập nhật, sát với nội dung của luận án là những công trình nghiên cứu khoa học có ý nghĩa góp phần làm sáng tỏ hơn, phong phú hơn luận án của NCS.

8. Kết quả chung

Luận án của NCS là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc, có giá trị cả về khoa học, lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Tuy nhiên, không thể tránh khỏi những khiếm khuyết nhỏ: thể hiện ở một vài vấn đề sắp xếp chưa hợp lý và phân tích chưa sâu (tại trang 79) của luận án, tác giả đưa ra tồn tại đầu tiên trong hoạt động cho thuê tài chính là: Các công ty cho thuê tài chính không được phân bố đều giữa các vùng miền. Theo tôi, sự phân bố các công ty cho thuê tài chính là quan trọng, nhưng quan trọng hơn là nội dung hoạt động của nó. Vì vậy, việc sắp xếp này chưa thực sự hợp lý. Hơn nữa, tác giả nêu tồn tại như trên nhưng không phân tích ảnh hưởng của nó trong việc tiếp cận vốn của các đối tác.

Tại trang 26, 27 của luận án, tác giả đề cập cho thuê giáp lưng. Trong đó tác giả phân tích về trách nhiệm liên đới của bên thuê thứ 2 với bên thuê thứ nhất là chưa thuyết phục cao, đề nghị tác giả làm rõ thêm.

Nhìn chung, bản luận án đã đáp ứng yêu cầu của một bản luận án tiến sĩ kinh tế. Bản tóm tắt của luận án đã phản ánh trung thành với nội dung của bản luận án và hội đủ điều kiện của một bản tóm tắt luận án tiến sĩ kinh tế.

Tôi đề nghị Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước công nhận học vị tiến sĩ kinh tế cho NCS Đoàn Thanh Hà.

Thành phố HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2003
Người phản biện 3


TS. LÊ THỊ NGỌT

QUYẾT NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN ÁN TIẾN SỸ CẤP NHÀ NƯỚC

Đề tài: “**Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam**”

Chuyên ngành : Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng.

Mã số : 5.02.09

Tác giả luận án: Đoàn Thanh Hà

1/ Tính cấp thiết của đề tài:

Tác giả chọn đề tài “*Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam*” là cách tiếp cận mang tính thời sự và thiết thực trong việc hoàn thiện dần hệ thống tài chính của Việt Nam để đáp ứng được yêu cầu hội nhập ngày càng cao với thế giới. Đề tài có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Nội dung nghiên cứu về căn bản không trùng lặp với các đề tài nghiên cứu trước đó.

2/ Bố cục luận án:

Luận án được bố cục hợp lý đảm bảo tính khoa học. Phương pháp trình bày rõ ràng, khúc chiết. Văn phong mạch lạc, dễ hiểu. Dung lượng thông tin xác đáng và thuyết phục. Các đề mục của từng chương phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của đề tài cũng như yêu cầu của một luận án tiến sỹ kinh tế.

3/ Những thành công của luận án:

Một là, Đã nghiên cứu và tổng quan có hệ thống những lý luận về cho thuê tài chính. Đồng thời thông qua nghiên cứu lĩnh vực này ở nước ngoài đã rút ra bài học kinh nghiệm bổ ích cho Việt Nam.

Hai là, Đã phân tích một cách có luận cứ thực tiễn và khoa học, rút ra khá chuẩn xác những tồn tại trong hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam cần được tiếp tục hoàn thiện.

Ba là, Đã đề xuất được một hệ thống giải pháp tương đối khả dụng trong việc thúc đẩy hoạt động cho thuê tài chính ở Việt Nam.